

355.009 597

ĐC

B 100 M

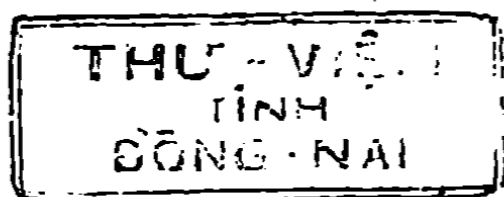
35

năm
chiến thắng
và trưởng thành
của
Quân đội nhân dân
Việt Nam

XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

35 NĂM CHIẾN THẮNG VÀ TRƯỞNG THÀNH CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

• CÂU HỎI VÀ TRẢ LỜI



2018/BC/VV

NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
HÀ NỘI • 1979

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

NHÂN dịp kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 — 22-12-1979), để góp phần phục vụ cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu” của các lực lượng vũ trang nhân dân, **NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN** xuất bản cuốn “**35 NĂM CHIẾN THẮNG VÀ TRƯỞNG THÀNH CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**”.

Quân đội nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chủ tịch tổ chức, lãnh đạo, giáo dục, sinh ra và lớn lên trong cao trào cách mạng của toàn dân, là một quân đội kiểu mới từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, có bản chất cách mạng và truyền thống hết sức tốt đẹp. Trải qua 35 năm xây dựng và chiến đấu, được Đảng và Hồ Chủ tịch lãnh đạo, giáo dục, được toàn dân thương yêu, chăm sóc, quân đội ta đã phát triển từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, chiến thắng vẻ vang và trưởng thành nhanh chóng, cùng toàn dân viết nên những trang sử huy hoàng nhất của dân tộc.

Bằng hình thức những câu hỏi và trả lời, cuốn sách này giới thiệu những nét lớn về bước đường chiến thắng và trưởng thành của quân đội ta từ khi ra đời đến nay.

Chúng tôi mong cuốn sách đáp ứng phần nào yêu cầu của bạn đọc trong việc nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử vẻ vang của quân đội ta, nhằm phát huy hơn nữa bản chất, truyền thống tốt đẹp của quân đội, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ của quân đội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

**NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN**

THỜI KỲ HÌNH THÀNH CỦA CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CÁCH MẠNG (1930 — 1945)

1. Những quan điểm quân sự đầu tiên của Đảng ta đã hình thành như thế nào?

Trong thời kỳ Đảng ta mới thành lập năm 1930, với bản *Chính cương vắn tắt* ngày 3-2-1930 và *Luận cương chính trị* tháng 10-1930, đường lối chiến lược của Đảng đã được đề ra hết sức đúng đắn. Đồng thời những quan điểm quân sự đầu tiên nhưng rất cơ bản của Đảng đã hình thành. Những quan điểm đó là :

- Bạo lực là phương thức cơ bản để giành chính quyền.
- Nhiệm vụ chính trị quyết định nhiệm vụ quân sự.
- Đấu tranh cách mạng nói chung và đấu tranh vũ trang nói riêng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Đó là cơ sở của quan điểm chiến tranh nhân dân sau này.
- Lực lượng vũ trang khi được thành lập phải là “quân đội công nông” dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Đó là vấn đề bản chất giai cấp vô sản của lực lượng vũ trang.

Cao trào cách mạng trong những năm 1930 — 1931 mà đỉnh cao là Xô-viết Nghệ — Tĩnh đã chứng minh những quan điểm quân sự nói trên là đúng đắn, đồng thời gọi ra nhiều bài học kinh nghiệm có ý nghĩa quan trọng đối

với việc hình thành tư tưởng quân sự của Đảng ta
Những bài học đó là :

— Phải xây dựng cho được khối công nông liên minh
vững chắc dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công
nhân.

— Bao lực cách mạng phải là bao lực của quần chúng,
dựa vào hai lực lượng : lực lượng chính trị và lực lượng
quân sự, và bao gồm hai hình thức đấu tranh : đấu tranh
chính trị và đấu tranh quân sự và sự kết hợp giữa hai hình
thức đó.

**2. Đội tự vệ công nông ra đời và hoạt động như
thế nào ?**

Trong cao trào cách mạng 1930—1931 và Xô-viết
Nghệ — Tĩnh, đề bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ những
cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng, Đảng chủ trương
thành lập *Đội tự vệ công nông*, còn gọi là *Tự vệ đỏ*.

Đội tự vệ gồm những người tru tú có tinh thần hăng
hái, can đảm, có sức khỏe, chọn trong công hội, nông
hội, Đoàn thanh niên cộng sản... Các đội tự vệ được trang
bị gậy, búa, giáo mác và liềm hái...

Đội tự vệ có nhiệm vụ chống địch khủng bố, bảo vệ
phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Khi chính
quyền Xô-viết được thành lập, đội tự vệ còn có nhiệm
vụ bảo vệ chính quyền, trấn áp bọn phản cách mạng, giữ
gìn trị an ở nông thôn.

Trong cuộc biểu tình, bãi công của 3.000 công nhân
dồn điền Phú Riềng (Nam Bộ) tháng 2-1930, đội tự vệ
công nhân đã chống lại binh lính địch, đánh gãy tay tên
đội người Pháp, khiến chúng phải bỏ chạy, góp phần làm
cho cuộc bãi công thu được kết quả. Ở Thanh Chương
(Nghệ An) trong các cuộc biểu tình của quần chúng, tự
vệ dân hàng ngang đi đầu, xếp hàng dọc đi hai bên. Binh

lính địch kéo đến đàn áp, đội viên tự vệ xông lên giằng súng, vật nhau với lính, làm chúng rối loạn hàng ngũ để đoàn biểu tình tiếp tục tiến lên.

Đội tự vệ công nông là mầm mống đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng của nhân dân ta do Đảng lãnh đạo.

3. Nghị quyết về đội tự vệ của Đại hội lần thứ I của Đảng đã nêu những vấn đề gì?

Tháng 3-1935, *Đại hội lần thứ I của Đảng* họp ở Ma Cao (thuộc địa của Bồ Đào Nha ở Trung Quốc). Ngoài những nghị quyết về đường lối và chủ trương cách mạng, Đại hội có riêng một nghị quyết về đội tự vệ.

Nghị quyết về đội tự vệ đã nêu những vấn đề dưới đây:

— Mục đích tổ chức đội tự vệ là để bảo vệ các cuộc đấu tranh của quần chúng, bảo vệ các tổ chức cách mạng, huấn luyện quân sự cho quần chúng, tạo điều kiện để sau này tổ chức quân đội, phát triển đấu tranh vũ trang.

— Đội tự vệ là một tổ chức có tính chất nửa quân sự của quần chúng nhân dân lao động, chủ yếu là của công nông, do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

— Đội tự vệ phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất và chặt chẽ của các cấp ủy Đảng. Phải luôn luôn giữ vững tính chất cách mạng của đội tự vệ.

— Đội tự vệ vừa có dân chủ rộng rãi vừa có kỷ luật nghiêm minh.

Đội tự vệ phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng nhân dân.

— Về tổ chức, có đội tự vệ thường trực làm nòng cốt, đồng thời huấn luyện quân sự cho quần chúng và thu hút quần chúng tham gia công tác tự vệ. Về trang bị, ngoài những vũ khí thô sơ, đội tự vệ phải tìm cách cướp súng địch để trang bị cho mình.

Nghị quyết về đội tự vệ đã đề ra những nguyên tắc rất cơ bản, là cơ sở đầu tiên của quan điểm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng ta sau này.

4. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng ta đã chuyển hướng về chỉ đạo chiến lược như thế nào?

Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936 — 1939), Đảng ta đã lợi dụng những khả năng hợp pháp để hoạt động, qua đó động viên, giáo dục và xây dựng được một đội quân chính trị to lớn gồm hàng triệu người, làm cơ sở cho phong trào cách mạng những năm sau.

Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Thực dân Pháp ở Đông Dương đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng. Khả năng hoạt động hợp pháp không còn nữa, Đảng ta mau lẹ rút vào bí mật.

Tháng 11-1939, *Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 6* do các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn... chủ trì, nhấn mạnh giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc. Hội nghị chủ trương phát triển các đội tự vệ và chuẩn bị những điều kiện để tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương Đảng đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược, mở đường đi tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 sau này.

5. Đội du kích Bắc Sơn ra đời như thế nào?

Tháng 9-1940, phát-xít Nhật xâm chiếm Đông Dương. Đêm 22-9-1940, chúng đánh vào khu vực Lạng Sơn. Quân Pháp hèn nhát không dám chống cự. Trên đường rút chạy, bọn tàn binh Pháp ra sức những nhiều, hạch sách, cướp bóc nhân dân ta.

Trước sự tan rã của quân Pháp, nhân dân Bắc Sơn (Lạng Sơn) thu nhặt súng đạn dịch vứt bỏ và tước vũ khí những toán dịch lẻ tẻ đề tự vũ trang. Trước thời cơ thuận lợi, đảng bộ Bắc Sơn quyết định phát động khởi nghĩa. Đêm 27-9-1940, lực lượng tự vệ cùng với hơn 300 quần chúng tiến đánh đồn Mỏ Nhài, chiếm châu lỵ Bắc Sơn. Sau đó tự vệ và quần chúng tiến ra các ngả chặn đánh tàn binh Pháp, trấn áp bọn cường hào phản động. Ở nhiều bản làng, chính quyền dịch tan rã, chính quyền cách mạng được thành lập.

Trong cuộc khởi nghĩa, *Đội du kích Bắc Sơn* được thành lập. Trong vài ngày, lực lượng du kích từ vài chục người đã phát triển lên gần 200 người. Vũ khí phần lớn là súng kíp và một số súng trường mới lấy được của quân Pháp.

Đội du kích tiến hành vũ trang tuyên truyền trong nhân dân, lòng bát bọn phản động đầu sỏ. Ngày 25-12-1940, du kích bao vây, tiến đánh dịch ở Vũ Lăng, khiến hơn 100 lính đông do tên Châu Ủy chỉ huy tan rã bỏ chạy.

Cuộc khởi nghĩa đang tiến triển thì Nhật, Pháp thỏa hiệp với nhau để Pháp rảnh tay đàn áp cách mạng Việt Nam. Thực dân Pháp tập trung lực lượng đánh chiếm lại châu lỵ Bắc Sơn, đốt phá làng bản, diên cường khủng bố, tàn sát nhân dân hồng dập tắt cuộc khởi nghĩa. Phong trào tạm thời lắng xuống.

Tháng 11-1940, *Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng* quyết định duy trì và bồi dưỡng lực lượng du kích Bắc Sơn làm vốn quân sự đầu tiên cho khởi nghĩa vũ trang sau này và chỉ thị cho đội du kích phải chuyển hướng từ hoạt động quân sự sang hoạt động chính trị, bí mật gây cơ sở quần chúng, thành lập căn cứ du kích, lấy vùng Bắc Sơn — Vũ Nhài làm trung tâm.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng, sau một thời gian củng cố, chấn chỉnh, ngày

14-2-1941, *Đội du kích Bắc Sơn* chính thức thành lập tại khu rừng Khuổi Nọi thuộc xã Vũ Lễ, châu Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Đồng chí Hoàng Văn Thụ thay mặt Trung ương Đảng trao nhiệm vụ cứu nước và lá cờ đỏ sao vàng cho đội.

Toàn đội có 32 người gồm nhiều thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao... chia làm ba tiểu đội. Vũ khí của đội có năm súng trường, còn toàn súng kíp và dao găm.

Đội du kích Bắc Sơn đặt ra *Năm lời thề*¹ đề giáo dục các chiến sĩ.

Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nổi tiếng súng đầu tiên báo hiệu thời kỳ đấu tranh vũ trang mới của nhân dân ta. Từ cuộc khởi nghĩa, đã ra đời một trong những đứa con đầu lòng của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam: *Đội du kích Bắc Sơn*.

6. Quân du kích Nam Kỳ ra đời như thế nào?

Vào những tháng cuối năm 1940, ở Nam Bộ, trước phong trào quần chúng đấu tranh sôi sục và trước tình hình quân Nhật sắp kéo vào Đông Dương, cuộc chiến tranh Pháp — Thái Lan sắp nổ ra, các đồng chí ủy viên Trung ương Đảng ở Nam Kỳ và xứ ủy Nam Kỳ có ý định lãnh đạo nhân dân Nam Kỳ khởi nghĩa đề chuyển cuộc chiến tranh Pháp — Thái Lan thành chiến tranh cách mạng.

1. Năm lời thề của *Đội du kích Bắc Sơn* là:

- Không phản Đảng;
- Tuyệt đối trung thành với Đảng;
- Kiên quyết chiến đấu và trả thù cho các đồng chí bị hy sinh;
- Không hàng giặc;
- Không hại dân.

Nhận thấy điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi, *Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng* họp tháng 11-1940 quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa. Nhưng khi đồng chí Phan Đăng Lưu đem nghị quyết của Trung ương về đến nơi thì lệnh khởi nghĩa đã phát đi, dân đó đã sẵn sàng, không thể thu hồi lệnh đó được nữa.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra đêm 22 rạng ngày 23-11-1940 với khí thế mạnh mẽ, quy mô rộng lớn và có tính chất quần chúng rộng rãi. Trong 18 tỉnh từ Biên Hòa đến Cà Mau, nhân dân nhất tề xông lên tiến công mãnh liệt vào bộ máy thống trị của thực dân Pháp. Chính quyền địch bị phá vỡ từng mảng lớn ở nông thôn và vùng sát các đô thị. Chính quyền cách mạng được thành lập ở nhiều nơi.

Trong không khí cách mạng sôi sục, *Quân du kích Nam Kỳ* ra đời và cùng với quần chúng khởi nghĩa chiến đấu oanh liệt, nêu nhiều tấm gương hy sinh quên mình, sáng tạo nhiều cách đánh độc đáo.

Tại Hóc Môn (Gia Định), quân du kích do đồng chí Mười Đen, xứ ủy viên chỉ huy đã dùng mưu lừa địch ra khỏi đồn rồi xung phong vào chiếm đồn. Du kích còn chặn đánh quân địch đến cứu viện ở Cầu Bông, giết chết tên chủ tỉnh Tây Ninh.

Tại Vũng Liêm (Vĩnh Long), 50 du kích do nữ đồng chí Hồng, bí thư quận ủy lãnh đạo, được hàng trăm quần chúng hò reo trợ lực, đã xông vào chiếm quận lỵ.

Tại Mỹ Tho, quân du kích đánh tàu địch trên kênh 12, kênh Long Hưng, dùng chai ném địch, đánh tan quân địch ở Nhị Bình.

Tại Cần Giuộc, quân du kích do nữ đồng chí Bảy, tỉnh ủy viên chỉ huy, đã cùng nhân dân đánh chiếm trụ sở của bọn hội tề và nhiều lần đánh tan quân địch đến can quét.

Thực dân Pháp huy động một lực lượng lớn cả thủy, lục, không quân thẳng tay đàn áp khủng bố, dìm cuộc khởi nghĩa trong biển máu.

Khởi nghĩa Nam Kỳ là một trang sử oanh liệt trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta do Đảng lãnh đạo. Từ cuộc khởi nghĩa đã xuất hiện quân du kích Nam Kỳ, một trong những đội quân cách mạng đầu tiên của nhân dân ta.

7. Đội du kích Bắc Sơn được đổi tên thành Cứu quốc quân và chiến đấu, trưởng thành như thế nào?

Tháng 5-1941, *Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng* họp tại Pắc Bó, dưới sự chủ tọa của Hồ Chủ tịch. Hội nghị phát triển và hoàn chỉnh các nghị quyết của Hội nghị lần thứ 6 và Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng về nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chủ trương lập *Việt Nam độc lập đồng minh hội* (gọi tắt là *Việt Minh*) và các hội cứu quốc. Hội nghị quyết định xây dựng các tổ chức chính trị sâu rộng của quần chúng, thành lập các căn cứ địa cách mạng, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang và đẩy mạnh mọi mặt công tác đề chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Ngay sau Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng tháng 5-1941, *Đội du kích Bắc Sơn* được quyết định đổi tên thành *Cứu quốc quân* cho phù hợp với nhiệm vụ cứu nước lúc bấy giờ.

Cuối tháng 6-1941, thực dân Pháp tập trung một lực lượng lớn gồm 4.000 quân càn quét khu căn cứ Bắc Sơn – Vũ Nhai. Cứu quốc quân đã chiến đấu anh dũng để bảo vệ an toàn cho các đồng chí lãnh đạo của Đảng. Cuối tháng 7-1941, Cứu quốc quân bị địch phục kích ở vùng

Ngân Sơn (Bắc Cạn) và bị tổn thất nặng. Cả đội chỉ còn bốn người làm nòng cốt tiếp tục gây dựng lại lực lượng.

Được sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, chưa đầy hai tháng sau, ngày 15-9-1941, trung đội cứu quốc quân thứ hai (Cứu quốc quân II) được thành lập tại rừng Khuôn Mảnh, xã Trảng Xá (Vũ Nhai) gồm 47 người (trong đó có ba nữ). Vũ khí có ba khẩu súng khai hậu¹, một ít súng kíp, còn toàn dao găm. Trung đội có chỉ bộ Đảng lãnh đạo.

Cứu quốc quân II vừa hoạt động vừa xây dựng, huấn luyện quân sự, học tập chính trị. Các chiến sĩ được giáo dục và rèn luyện theo *Mười điều kỷ luật*².

Cứu quốc quân II tích cực hoạt động xây dựng cơ sở, tổ chức và bảo vệ quần chúng đấu tranh chống giặc, trừng trị bọn phản động. Trong khi lấy công tác vận động quần chúng, gây cơ sở là chính, Cứu quốc quân đã đánh nhiều trận oanh liệt. Trận Khuôn Lã ngày 5-10-1941, ba chiến sĩ cứu quốc quân đánh lui nhiều đợt tiến công của hơn một trung đội địch, giết hơn 10 tên, bảo vệ được cơ quan bí mật của ta. Trận Mỏ Mùng (Lâu Hạ), một

1. Súng trường kiểu cò, lắp đạn từng viên một từ phía đuôi súng.

2. *Mười điều kỷ luật* có từ lớp quân sự đầu tiên của Đảng ở Đức Thắng huyện Hiệp Hòa (Bắc Giang). Nội dung có:

- Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh cấp trên.
- Không lấy cái kim sợi chỉ của dân.
- Mua bán phải công bằng.
- Tuyệt đối không đem của công làm của tư.
- Nói năng lễ phép.
- Ở đâu phải giữ sạch sẽ nhà, vườn cho dân.
- Mượn cái gì phải trả.
- Làm hỏng gì phải đền.
- Không tắm rửa trước phụ nữ.
- Không rượu chè, cờ bạc, thuốc phiện.

tiêu diệt Cứu quốc quân lọt vào vòng vây của một toán 60 tên lính Lê-duyên. Tiểu đội trưởng Hà Văn Lợi một mình ở lại yểm hộ cho tiểu đội rút lui, diệt 20 tên địch và anh dũng hy sinh.

Trong tám tháng hoạt động và chiến đấu gian khổ, ác liệt từ tháng 7-1941 đến tháng 2-1942, Cứu quốc quân đã gìn giữ, phát triển lực lượng mình, tiêu hao lực lượng địch. Toàn đội chỉ có ba đồng chí bị thương và hy sinh, số quân từ 47 người phát triển lên 70 người, vũ khí tăng gấp năm lần do lấy được của địch.

Đầu năm 1944, khu căn cứ Bắc Sơn — Vũ Nhai mở rộng thành hai phân khu: phân khu A (tức phân khu Quang Trung) gồm khu vực Bắc Sơn — Vũ Nhai cũ và phân khu B (tức phân khu Nguyễn Huệ) gồm khu vực châu Sơn Dương (Tuyên Quang).

Cứu quốc quân cũng phát triển cùng với đà phát triển của cách mạng. Ngày 25-2-1944, trung đội Cứu quốc quân thứ ba (Cứu quốc quân III) được thành lập ở Khuổi Kịch, châu Sơn Dương (Tuyên Quang).

8. Trong thời kỳ này, việc đào tạo, huấn luyện cán bộ cho các đội vũ trang được tiến hành như thế nào?

Đảng và Hồ Chủ tịch hết sức chăm lo đào tạo, huấn luyện cán bộ để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang.

Đầu tháng 12-1940, tại vùng biên giới phía bắc, Hồ Chủ tịch và đồng chí Phùng Chí Kiên mở lớp huấn luyện chính trị và quân sự cho 40 cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên. Nội dung học tập gồm có: công tác vận động cách mạng, chiến thuật du kích... Sau khi học xong, một số học viên của lớp được chọn lọc để lập nên *Đội vũ trang Cao Bằng* năm 1941.

Cũng cuối năm 1940, Đảng mở lớp huấn luyện quân sự đầu tiên tại Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa (Bắc Giang).

Năm 1941, dưới sự chỉ đạo của Hồ Chủ tịch, liên tỉnh ủy Cao — Bắc — Lạng mở các lớp đào tạo cán bộ quân sự do các đồng chí Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp phụ trách.

Đầu tháng 7-1945, *Trường quân chính kháng Nhật* được thành lập. Trường có nhiệm vụ đào tạo trung đội trưởng và chính trị viên trung đội. Học sinh là cán bộ, đội viên các đội vũ trang cách mạng và một số thanh niên do các đoàn thề cứu quốc giới thiệu. Mỗi khóa có khoảng 100 học viên. Nội dung huấn luyện gồm có: đường lối, chính sách của Đảng; chiến thuật du kích; kinh nghiệm công tác vận động quần chúng, xây dựng cơ sở; công tác chính trị trong bộ đội...

Đề có tài liệu huấn luyện cho các đội vũ trang, từ năm 1941 Hồ Chủ tịch đã tự tay biên soạn một số sách quân sự đầu tiên. Những tác phẩm đó là: *Cách huấn luyện cán bộ quân sự; Cách đánh du kích; Kinh nghiệm du kích Pháp; Kinh nghiệm du kích Tàu*.

Nội dung những tài liệu này rất phổ thông và súc tích. Đặc biệt, sách *Cách đánh du kích* nêu rõ quan điểm về chiến tranh du kích của ta, nêu rõ từ tư tưởng chỉ đạo tác chiến đến các hình thức chiến thuật và thủ đoạn chiến đấu cụ thể.

Cũng trong thời kỳ này, đồng chí Phạm Văn Đồng viết sách *Người chính trị viên*; đồng chí Võ Nguyên Giáp viết sách *Công tác chính trị trong quân đội cách mạng*.

9. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời như thế nào?

Tháng 5-1944, trước tình hình thế giới biến đổi rất nhanh, dựa vào chủ trương của Trung ương Đảng, Tổng

bộ Việt Minh ra *Chỉ thị về sửa soạn khởi nghĩa*. Tháng 8-1944, Trung ương Đảng kêu gọi nhân dân «sẵn vũ khí, đuổi thù chung». Không khí cách mạng sôi sục khắp nơi.

Mùa đông năm 1944, nhân dân vùng Cao — Bắc — Lạng sẵn sàng phát động khởi nghĩa. Đúng vào lúc ấy, Hồ Chủ tịch về nước sau khi thoát khỏi nhà giam của bọn Tưởng Giới Thạch. Sau khi kiểm tra tình hình, Người chỉ thị hoãn cuộc khởi nghĩa vì điều kiện chưa chín muồi. Người chỉ rõ: «Thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới... Cuộc đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự. Song hiện nay *chính trị còn trọng hơn quân sự*. Phải tìm ra một hình thức thích hợp thì mới có thể đẩy phong trào tiến lên»¹.

Hồ Chủ tịch ra chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Bản chỉ thị vạch rõ: «Tên *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*, nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự», «theo chỉ thị mới của Đoàn thể, sẽ chọn lọc trong hàng ngũ đội du kích Cao — Bắc — Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực». «trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ điều dắt các đội vũ trang của địa phương...», «Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội đàn em khác. Tuy lúc đầu quy

1. Võ Nguyên Giáp, *Từ nhân dân mà ra*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1964, tr. 138.

mô của nó còn nhỏ nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của Giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam chúng ta»¹.

Chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch, sau một thời gian gấp rút chuẩn bị, ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập tại một khu rừng giữa hai tổng Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo thuộc châu Nguyên Bình (Cao Bằng). Đồng chí Võ Nguyên Giáp được Đảng và Hồ Chủ tịch ủy nhiệm tổ chức và chỉ huy Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, đã tuyên bố thành lập đội. Dưới lá cờ đỏ sao vàng, toàn đội long trọng đọc *Mười lời thề danh dự*².

Theo yêu cầu của anh em, sau lễ thành lập, đội tổ chức một bữa cơm nhạt không rau, không muối để tượng trưng cho tinh thần chịu đựng gian khổ của người chiến sĩ cách mạng. Ngay tối hôm đó, đội tổ chức một đêm liên hoan với đồng bào địa phương để thắt chặt tình đoàn kết quân dân.

Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân gồm 34 người (31 nam và 3 nữ), được chọn lựa kỹ trong các đội du kích Cao — Bắc — Lạng và trong số người di học quân sự ở nước ngoài về. Đội biên chế thành ba tiểu đội, vũ khí có 34 khẩu súng các loại. Đội có chỉ bộ Đảng lãnh đạo.

Chỉ một tuần sau khi thành lập, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã phát triển thành một đại đội gồm ba trung đội.

Với sự ra đời của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, lần đầu tiên đã xuất hiện mầm mống của ba thứ quân của lực lượng vũ trang nhân dân ta:

1. Hồ Chí Minh, *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 46 — 47.

2. *Mười lời thề danh dự* của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là cơ sở để định ra *Mười lời thề danh dự* của Quân đội nhân dân Việt Nam ngày nay.

Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đội chủ lực, các đội vũ trang địa phương ở các châu (huyện), và các đội tự vệ nửa vũ trang ở thôn xã.

10. Sau ngày thành lập, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã chiến đấu và hoạt động như thế nào ?

Ngay sau ngày thành lập, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đánh thắng giòn giã liền hai trận: *Phai Khắt* và *Nà Ngàn*.

Đồn Phai Khắt đóng trong một nhà dân thuộc xã Tam Lộng, châu Nguyên Bình (Cao Bằng), có 18 lính đông do một tên đồn trưởng người Pháp chỉ huy.

Năm giờ chiều 24-12-1944¹, nhân lúc tên đồn trưởng đi vắng, hai tiểu đội của ta cải trang làm lính đông vào thẳng giữa đồn, ra lệnh tập hợp binh lính địch trong đồn «đề đón quan châu». Khi binh lính địch tập hợp xong, ta bất ngờ buộc chúng đầu hàng. Tên đồn trưởng người Pháp từ Nguyên Bình vừa về đến nơi liền bị một tổ phục kích của ta bắn chết cả người lẫn ngựa.

Ta chiếm đồn, thu toàn bộ vũ khí. Đối với binh lính địch, sau khi tuyên truyền giải thích, ai muốn theo cách mạng thì cho đi theo, ai muốn về quê thì cho về. Trước khi rút, Đội bàn với nhân dân kế hoạch đối phó, đề phòng địch khủng bố.

Ngay đêm đó, Đội hành quân tiến đánh đồn Nà Ngàn. một đồn địch cách Phai Khắt 15 ki-lô-mét, có 22 lính khố đỏ do hai sĩ quan Pháp chỉ huy, đóng ngay tại nhà tên lý trưởng trên một đỉnh đồi.

Bảy giờ sáng 25-12-1944², toàn đội cải trang làm lính đông giải ba người của ta giả bị trói vào đồn. Khi đã

1. 2. Thời gian hai trận đánh, Sách *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Tập I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, 1976, tr. 599, viết là ngày 25 và 26-12-1944.

lọt vào đồn, ta bắt thần tiến công, vừa đánh vừa kêu gọi lính địch đầu hàng.

Chỉ sau ít phút, ta lấy xong đồn, thu toàn bộ vũ khí, quân trang quân dụng. Phần lớn binh lính địch đầu hàng được ta cho về quê quán.

Hai trận đánh đồn Phai Khắt và đồn Nà Ngần thắng lợi mở đầu *truyền thông đánh tiêu diệt, đánh chắc thắng, đánh thắng trận đầu* của quân đội ta.

Chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch. « Chính trị trọng hơn quân sự », Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân hết sức chú trọng công tác vũ trang tuyên truyền. Đến đâu đội cũng tuyên truyền đường lối, chính sách của Mặt trận, tham gia xây dựng cơ sở chính trị và lực lượng của địa phương, huấn luyện, đào tạo cán bộ. Đội đã góp phần tạo nên một vùng cơ sở cách mạng rộng lớn từ vùng rừng núi Hòa An giáp tỉnh lỵ Cao Bằng đến các châu Nguyên Bình, Ngân Sơn, Chợ Rã... làm bàn đạp phát triển phong trào về phía nam.

11. Trong cao trào chống Nhật, cứu nước, đã có thêm những đội quân nào khác ra đời?

Ngày 9-3-1945, phát-xít Nhật làm đảo chính hất cẳng thực dân Pháp, độc chiếm Đông Dương làm thuộc địa. Dưới ánh sáng của bản chỉ thị lịch sử « *Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* » của Thường vụ Trung ương Đảng, cao trào chống Nhật, cứu nước của nhân dân ta dâng lên mạnh mẽ. Những cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra ở nhiều địa phương, các căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang cách mạng liên tiếp được thành lập. Tiếng súng chống Nhật, cứu nước của các lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân ta vang dội khắp nơi.

Tại Ba Tơ (Quảng Ngãi), ngày 11-3-1945, tù chính trị phối hợp với binh lính giác ngộ đã nổi dậy chiếm đồn Ba

Tơ, thu toàn bộ vũ khí, tở chức chính quyền cách mạng. Ngày 14-3-1945, *Đội du kích Ba Tơ* chính thức thành lập, gồm 28 người với 24 khẩu súng. Chỉ bộ Đảng được thành lập để lãnh đạo Đội.

Đội du kích Ba Tơ làm nòng cốt cho cao trào chống Nhật, cứu nước ở miền nam Trung Bộ và là hạt nhân của lực lượng vũ trang Liên khu 5 sau này.

Tại vùng Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, đầu tháng 5-1945, đồng chí Văn Tiến Dũng cùng các đồng chí đại diện xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ và các đồng chí bí thư tỉnh ủy Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa họp đã quyết định thành lập chiến khu Quang Trung (Hòa — Ninh — Thanh). Để làm nòng cốt cho việc xây dựng chiến khu, ngày 20-5-1945, *Trung đội du kích tập trung* đầu tiên được thành lập.

Tại miền duyên hải Bắc Bộ, ngày 8-6-1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Đông Triều đã nổi dậy ở Đông Triều, Chí Linh, Mạo Khê, Tràng Bạch, tước vũ khí của địch, thủ tiêu chính quyền bù nhìn, lập ủy ban nhân dân cách mạng, thành lập chiến khu Đông Triều (tức chiến khu Trần Hưng Đạo) và tở chức *Đội du kích chống Nhật*.

Ở Nam Bộ, từ sau ngày 9-3-1945, cũng lần lượt ra đời nhiều đội vũ trang cách mạng. Ở nhiều nơi các chiến sĩ du kích Nam Kỳ cùng nhân dân tước vũ khí địch để tở chức lực lượng vũ trang. Ở Bến tre, lực lượng vũ trang lấy tên là *Cứu quốc quân*, về sau đổi thành *Cảm tử quân*. Ở Sa Đéc, nhiều xã lập *Đội xung phong vũ trang*. Mỹ Tho tở chức được ba trung đội du kích với 32 khẩu súng.

12. Việt Nam giải phóng quân đã được thành lập và tổ chức như thế nào?

Để đẩy mạnh hơn nữa việc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, Ban thường vụ Trung ương Đảng triệu tập *Hội nghị*

quân sự cách mạng Bắc Kỳ từ ngày 15 đến ngày 20-4-1945 tại Hiệp Hòa (Bắc Giang) đây là cuộc hội nghị quân sự đầu tiên của Đảng ta.

Hội nghị quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, phát triển các đội tự vệ vũ trang, tự vệ chiến đấu, mở trường đào tạo cán bộ.

Hội nghị quyết định thành lập bảy chiến khu trong cả nước, đặc biệt chú ý xây dựng chiến khu Quang Trung (Hòa — Ninh — Thanh) và chiến khu Trần Hưng Đạo (Đông Triều) vì đây là những địa bàn chiến lược quan trọng. Đề thống nhất chỉ huy, Hội nghị cử ra *Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ*.

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ và chỉ thị của Hồ Chủ tịch, ngày 15-5-1945 *Việt Nam giải phóng quân* chính thức thành lập tại Định Biên Thương (Chợ Chu, Thái Nguyên), đánh dấu một bước phát triển mới của lực lượng vũ trang nhân dân ta.

Các đơn vị Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân lập thành bộ đội chủ lực của Việt Nam giải phóng quân, lực lượng lên tới 13 đại đội. Ở một số tỉnh, huyện cũng tổ chức nhiều trung đội, đại đội giải phóng quân khác.

Giải phóng quân đã có biên chế, tổ chức thống nhất. Tiểu đội có 12 người, một trung đội có ba tiểu đội, một đại đội có ba trung đội. Trang bị vũ khí được cải tiến. Giải phóng quân đã có hàng ngàn khẩu súng các loại, có cả súng máy và súng cối cỡ nhỏ. Khẩu lệnh chỉ huy được thống nhất. Giải phóng quân được huấn luyện về đội ngũ, kỹ thuật chiến đấu và cách đánh du kích.

Từ trung đội trở lên, bên cạnh cán bộ chỉ huy quân sự có chính trị viên. Ở đại đội có ban chính trị. Việc giáo dục chính trị, tư tưởng được coi trọng. Ngày 5-8-1945,

tờ báo *Quân giải phóng* ra đời, góp phần vào việc tuyên truyền, giáo dục các lực lượng vũ trang cách mạng. Giải phóng quân luôn luôn chú trọng rèn luyện kỷ luật, tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân.

Ra đời từ các đội du kích và vũ trang tuyên truyền trước đây, Việt Nam giải phóng quân đã trở thành một lực lượng chủ lực có chỉ huy thống nhất, có tổ chức chặt chẽ, cùng với các lực lượng bộ đội địa phương, tự vệ chiến đấu và đông đảo nhân dân tiếp tục đẩy mạnh cao trào chống Nhật, cứu nước, sẵn sàng tiến lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước khi thời cơ đến.

13. Trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, các lực lượng vũ trang cách mạng đã có vai trò như thế nào?

Ngày 13-8-1945, *Hội nghị toàn quốc lần thứ 2 của Đảng* họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), quyết định phát động cuộc Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước.

Theo lời kêu gọi của Đảng và Hồ Chủ tịch, nhân dân cả nước nhất tề vùng dậy với sức mạnh dời non lấp biển, chỉ trong vòng 12 ngày đã giành được chính quyền trên 60 tỉnh và thành phố trong cả nước.

Cách mạng tháng Tám 1945 là một cuộc cách mạng có tính chất nhân dân sâu sắc, lôi cuốn đông đảo quần chúng nổi dậy. Đó là một cuộc Tổng khởi nghĩa vũ trang của quần chúng, là sự kết hợp tài tình những cuộc chiến đấu quân sự với những hình thức đấu tranh chính trị của quần chúng để giành chính quyền.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công căn bản là nhờ lực lượng chính trị vĩ đại của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng đã kịp thời nắm thời cơ thuận lợi

nhất, nổi dậy mạnh mẽ, làm tê liệt bọn phản động để giành chính quyền. Các lực lượng vũ trang cách mạng là chỗ dựa vững chắc, lực lượng nòng cốt, lực lượng xung kích hỗ trợ đắc lực lực lượng chính trị của quần chúng nổi dậy thắng lợi.

Ở một vài nơi như Thái Nguyên, Tuyên Quang, thị xã Hà Đông, lực lượng vũ trang cách mạng phối hợp chặt chẽ với lực lượng chính trị dùng cả tiến công quân sự, chính trị và binh vận để áp đảo quân địch, giành thắng lợi.

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

I. LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG NĂM ĐẦU CỦA CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (1945 - 1946)

14. Chi thị «Kháng chiến, kiến quốc» của Trung ương Đảng đã vạch ra những nhiệm vụ cần kíp gì cho toàn Đảng, toàn dân?

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời ngày 2-9-1945, cách mạng Việt Nam phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, nguy hiểm. Ở miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch tràn vào, kéo theo bọn phản động tay sai, lăm le lật đổ chính quyền cách mạng. Bọn tàn quân Pháp từ Trung Quốc trở lại đánh chiếm một số vùng ở biên giới phía bắc. Ở miền Nam, hơn một vạn quân Anh kéo vào, mở đường cho thực dân Pháp cướp lại nước ta. Ngày 23-9-1945, Pháp gây hấn ở Sài Gòn rồi mở rộng chiến tranh ra các tỉnh ở Nam Bộ và nam Trung Bộ. Trong khi đó, tình hình kinh tế, tài chính do phát-xít Nhật để lại hết sức nguy ngập.

Ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng ra chỉ thị *« Kháng chiến, kiến quốc »*, vạch rõ kẻ thù chính lúc này là thực dân Pháp xâm lược, nhiệm vụ cần kíp của toàn Đảng, toàn dân là « củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân ». Về quân sự, bản chỉ thị đề ra: « động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài ».

15. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, việc tổ chức và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân được tiến hành như thế nào ?

Hội nghị toàn quốc lần thứ 2 của Đảng họp từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945 đã đề ra chủ trương « vũ trang nhân dân », « mở rộng Quân giải phóng Việt Nam ».

Thực hiện chủ trương ấy, ngay sau khi Tổng khởi nghĩa tháng Tám thắng lợi, nhân dân ta vừa ra sức xây dựng, phát triển các tổ chức chính trị quần chúng, vừa sôi nổi thực hiện chủ trương « vũ trang toàn dân ». Mọi người nô nức tìm kiếm, chế tạo vũ khí thô sơ, hằng hái luyện tập quân sự. Các đoàn thể cứu quốc đều quân sự hóa.

Trên cơ sở lực lượng chính trị to lớn và phong trào toàn dân vũ trang rộng khắp, công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân được tiến hành khẩn trương trên cả nước.

Dân quân, tự vệ được củng cố và mở rộng nhanh chóng, từ vài vạn người lúc Tổng khởi nghĩa, sau một năm lên tới gần một triệu. Hầu hết các thôn xã, đường phố, xí nghiệp đều có các đội tự vệ, dân quân.

Lực lượng vũ trang tập trung phát triển mạnh mẽ. Tháng 9-1945, chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch, Giải phóng quân Việt Nam được chấn chỉnh, mở rộng và đổi

tên là *Vệ quốc đoàn*. Bộ đội tập trung từ vài chi đội giải phóng quân và các đội du kích với số lượng khoảng 5.000 người lúc Tổng khởi nghĩa, sau một năm đã phát triển thành 30 trung đoàn ở Bắc Bộ và Trung Bộ cùng với 25 chi đội ở Nam Bộ, với tổng số quân lên tới 50.000 người.

Tổ chức lực lượng vũ trang với ba thứ quân được thực hiện phổ biến trên cả nước: bộ đội chủ lực của khu tỉnh; bộ đội địa phương ở huyện; dân quân, tự vệ ở thôn xã, đường phố, xí nghiệp.

Những binh chủng kỹ thuật đầu tiên của quân đội ta ra đời. Ngày 9-9-1945, đơn vị thông tin đầu tiên được tổ chức. Ngày 25-3-1946, binh chủng công binh ra đời. Ngày 29-6-1946, đơn vị pháo binh đầu tiên được thành lập tại Hà Nội.

Tháng 5-1946, tại Trường võ bị Trần Quốc Tuấn, Hồ Chủ tịch chỉ rõ: *« Trung với nước, hiếu với dân là một bản phận thiêng liêng, một trách nhiệm nặng nề nhưng cũng là vinh dự của người chiến sĩ trong đạo quân quốc gia đầu tiên của nước ta »*.

Đề đáp ứng nhu cầu về cán bộ của lực lượng vũ trang, ngoài việc điều động nhiều cán bộ của Đảng vào công tác trong quân đội, Đảng và Chính phủ thành lập một hệ thống trường quân sự ở trung ương và địa phương. Trường quân chính kháng Nhật được mở rộng và đổi tên là *Trường cán bộ Việt Nam*. Tháng 3-1946, Trung ương Đảng mở *Trường quân chính Bắc Sơn*. Tháng 5-1946, Bộ Quốc phòng mở *Trường võ bị Trần Quốc Tuấn*. Tháng 6-1946, Ủy ban Kháng chiến miền Nam mở *Trường lực lượng quân trung học Quảng Ngãi*. Ở Hà Nội có *Trường tự vệ Hồ Chí Minh* chuyên đào tạo cán bộ tự vệ.

Trong tình hình kinh tế, tài chính có những khó khăn chồng chất, việc trang bị vũ khí và cấp dưỡng cho quân

đội được Đảng, Hồ Chủ tịch và toàn dân hết sức chăm lo giải quyết.

Ngày 15-9-1945, Hồ Chủ tịch ra sắc lệnh thành lập ngành quân giới để tổ chức việc sản xuất và mua sắm vũ khí cho quân đội. Quân giới đã bắt đầu sản xuất được một số vũ khí như tiểu liên, bom ba càng¹, ba-dô-ca (súng chống tăng)...

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và Chính phủ ngày 17-9-1945, trong *Tuần lễ vàng*, toàn dân đã quyên góp được 370 ki-lô-gam vàng, chủ yếu dùng để mua sắm vũ khí. Nhân dân cũng đóng góp 60 triệu đồng vào *Quỹ độc lập* và *Quỹ đảm phụ quốc phòng*. Năm 1946, hưởng ứng cuộc vận động « Mùa đông binh sĩ » do các đoàn thể cứu quốc đề xướng, nhân dân may áo ấm gửi cho chiến sĩ ngoài mặt trận. Chiếc áo « trấn thủ » ra đời.

Đảng hết sức chú trọng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và công tác chính trị trong quân đội.

Tháng 1-1946, *Trung ương quân ủy* (sau đổi thành *Tổng quân ủy* và từ năm 1960 gọi là *Quân ủy Trung ương*) được thành lập để giúp Ban Chấp hành Trung ương Đảng lãnh đạo quân đội. Các quân khu ủy được thành lập, hình thành hệ thống tổ chức Đảng trong quân đội từ Trung ương quân ủy đến chi bộ. Đến cuối năm 1946, đảng bộ trong quân đội đã có gần 8.000 đảng viên.

Hệ thống chính trị viên và cơ quan công tác chính trị được xây dựng và củng cố từ trên xuống dưới. Ở Bộ có Cục Chính trị ; ở khu có ủy viên chính trị (chính ủy) và phòng chính trị ; từ trung đoàn đến trung đội đều có chính trị viên ; trung đoàn, tiểu đoàn có ban, tiểu ban chính trị.

1. Một loại bom do quân giới ta chế tạo, hình phễu, có ba đầu nổ nhô ra phía trước, có cán dài khoảng ba mét, dùng sức người lao vào xe tăng địch để gây nổ.

dại đội có ban công tác chính trị. Các mặt công tác tuyên truyền, giáo dục, dân vận, dịch vận, tổ chức... đều được đẩy mạnh, góp phần nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, phát huy bản chất cách mạng của bộ đội, tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân.

15. Ở miền Bắc, các lực lượng vũ trang ta đã chiến đấu để bảo vệ chính quyền cách mạng như thế nào?

Trước tình hình 20 vạn quân Tưởng tràn vào miền Bắc, thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ, lúc đầu Đảng ta chủ trương tạm hòa hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó với thực dân Pháp xâm lược.

Chấp hành chủ trương của Đảng, các lực lượng vũ trang ta giữ nghiêm kỷ luật, tránh xung đột với quân Tưởng, đồng thời kiên quyết chặn đánh bọn tàn quân Pháp xâm nhập miền Bắc. Những toán quân Pháp nhảy dù xuống nội địa ta đều bị bắt gọn. Ở Hòn Gai, nhân dân và bộ đội dùng thuyền chài bao vây, bắt sống chiếc tàu binh Cray-xắc của Pháp với toàn bộ binh lính, thủy thủ. Tháng 11-1945, hai tiểu đoàn quân Pháp trước đây chạy trốn sang Trung Quốc, từ Vân Nam kéo vào Lai Châu. Đến tháng 3-1946, lực lượng của chúng ở đây đã lên tới 5.000 tên. Các đơn vị Vệ quốc đoàn cùng với nhân dân tích cực đánh địch, khiến quân Pháp bị chặn lại ở phía bắc Sơn La.

Để bảo vệ chính quyền cách mạng, các lực lượng vũ trang phối hợp chặt chẽ với công an và nhân dân tích cực trấn áp bọn phản động tay sai của Tưởng, đập tan các hoạt động phá hoại của chúng, diệt trừ nhiều ổ phản động ở các địa phương, giải phóng nhiều vùng bị chúng tạm chiếm ở Hải Ninh, Hà Giang...

Trước tình hình bọn Tưởng Giới Thạch theo lệnh Mỹ ký với thực dân Pháp một hiệp ước để quân Pháp thay thế quân Tưởng ở miền Bắc Việt Nam, Đảng chủ trương

« *Hòa đàm tiến* », tạm hòa hoãn với Pháp để đuổi quân Tưởng về nước, loại trừ một kẻ thù nguy hiểm, đồng thời giành lấy thời gian để củng cố, phát triển lực lượng, chuẩn bị kháng chiến trong cả nước. Ngày 6-3-1946, Hồ Chủ tịch ký với Pháp bản *Hiệp định sơ bộ*, trong đó Pháp buộc phải thừa nhận Việt Nam dân chủ cộng hòa là một nước tự do, có chủ quyền. Ngày 14-9-1946, Hồ Chủ tịch lại ký với chính phủ Pháp bản *Tạm ước*.

Thực hiện chủ trương của Đảng, lực lượng vũ trang ta cùng với nhân dân đấu tranh buộc quân Pháp phải thi hành đúng những điều đã ký kết. Tháng 7-1946, sau khi quân Tưởng đã rút hết về nước, lực lượng vũ trang ta cùng với công an và nhân dân quét sạch bọn phản động Việt Nam quốc dân đảng tay sai của Tưởng tại các sào huyệt của chúng, giải phóng hoàn toàn những vùng bị chúng chiếm đóng ở Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai. Chính quyền cách mạng và hậu phương của cuộc kháng chiến được củng cố.

17. Các lực lượng vũ trang ta đã chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ và nam Trung Bộ như thế nào?

Ngày 23-9-1945, trước sự gây hấn của giặc Pháp, quân và dân Nam Bộ nhất tề đứng dậy chống xâm lược.

Ở Sài Gòn, các đội tự vệ, xung phong công đoàn cùng với nhân dân anh dũng đánh trả địch, thực hiện trong đánh ngoài vây, chặn đứng các mũi tiến công của địch ra vùng ven, giam chặt chúng trong thành phố hơn bốn tuần lễ.

Theo lời kêu gọi của Đảng, các đội quân Nam tiến từ miền Bắc đến miền Trung rầm rập vào Nam Bộ chiến đấu.

Đến cuối tháng 10-1945, được tăng viện thêm những lực lượng tinh nhuệ, giặc Pháp mới phá được vòng vây, đánh

rộng ra các tỉnh Nam Bộ, đồng thời cho quân đồ bộ lên Nha Trang, dọn đường để tiếp tục đánh rộng ra các tỉnh ở miền nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Các lực lượng vũ trang ta cùng với nhân dân đánh chặn địch rất quyết liệt. Chấp hành chỉ thị «Kháng chiến kiến quốc» của Trung ương Đảng, các lực lượng vũ trang bám đất, dựa vào nhân dân, xây dựng các căn cứ chống giặc ở khắp nơi, hình thành thế xen kẽ, cài răng lược giữa ta và địch. Ở Nha Trang, các lực lượng vũ trang ta bao vây đánh địch suốt hơn ba tháng. Ở Tây Nguyên, ta chặn đánh địch quyết liệt ở Buôn Mê Thuột, Di Linh, Đà Lạt...

Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ được giữ vững. Tháng 2-1946, Hồ Chủ tịch thay mặt toàn Đảng toàn dân tặng đồng bào và chiến sĩ Nam Bộ danh hiệu vẻ vang: *Thành đồng Tô quốc*.

Từ sau ngày 6-3-1946, nhân thời cơ và điều kiện chính trị có lợi do chủ trương «Hòa để tiến» tạo nên, dưới sự lãnh đạo của đảng bộ ở Nam Bộ và nam Trung Bộ, các chi bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận cùng với bộ đội tiến mạnh vào vùng tạm bị địch chiếm, phát động quần chúng nổi dậy, kết hợp đấu tranh chính trị với tiến công quân sự làm tan rã từng mảng chính quyền địch, lập lại chính quyền cách mạng. Các lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho cuộc nổi dậy của nhân dân, tập kích, phục kích chống giặc càn quét để bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng, tạo thêm những cơ sở vững chắc để kháng chiến lâu dài.

18. Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng họp trong tình hình như thế nào và có những quyết định gì?

Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng, họp ngày 19-10-1946, là Hội nghị quân sự lớn nhất của Đảng sau khi giành được chính quyền.

Hội nghị họp trong tình hình thực dân Pháp ngày càng bộc lộ dã tâm xâm lược nước ta. Chúng phá hoại Hiệp định sơ bộ, phá hoại cuộc đàm phán giữa ta và Pháp ở Phong-ten-nơ-blô (Pháp), đồng thời liên tiếp gây ra những vụ xung đột địa phương để lấn chiếm đất đai của ta.

Hội nghị nhận định cuộc chiến tranh giữa nhân dân ta và thực dân Pháp xâm lược sớm muộn sẽ nổ ra trong cả nước, và dù còn kém địch về vũ khí, kỹ thuật, quân và dân ta nhất định thắng. Hội nghị đề ra nhiều biện pháp quan trọng nhằm thống nhất cơ quan chỉ huy, tăng cường huấn luyện cán bộ, chiến sĩ nâng cao chất lượng bộ đội, tăng cường công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội.

II. LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TỪ NGÀY TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN ĐẾN CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI (1946 — 1950)

19. Đường lối của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp như thế nào?

Với gần 10 vạn quân đứng chân tại nhiều vị trí chiến lược trên đất nước ta, thực dân Pháp cố ý từng bước mở rộng chiến tranh xâm lược, quyết cướp nước ta một lần nữa.

Điều kiện hòa hoãn đã hết. Thời kỳ cả nước kháng chiến bắt đầu.

Tháng 11-1946, Hồ Chủ tịch viết văn kiện *« Công việc khẩn cấp bây giờ »* nêu lên những tư tưởng, quan điểm cơ bản về kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài. Ngày 17 và 18-12-1946, *Trung ương Đảng mở Hội nghị bất thường* (mở rộng) tại Vạn Phúc (Hà Đông), quyết định phát động cả nước kháng chiến và đề ra

những vấn đề cơ bản về đường lối kháng chiến. Ngày 20-12-1946, Hồ Chủ tịch ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. Ngày 22-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị « *Toàn dân kháng chiến* ». Tiếp đó, tháng 2-1947, đồng chí Trường-Chinh viết cuốn « *Kháng chiến nhất định thắng lợi* » để giải thích rõ đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng.

Những văn kiện lịch sử nói trên đã vạch ra những vấn đề cơ bản trong đường lối kháng chiến của Đảng:

Một là, phải có quyết tâm kháng chiến sắt đá « thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ »¹.

Hai là, phải thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ. Phải đoàn kết toàn dân, động viên, tổ chức toàn dân đánh giặc với mọi thứ vũ khí có trong tay, đóng góp sức người, sức của vào cuộc kháng chiến. Phải kháng chiến về mọi mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Để đánh kẻ thù có ưu thế về lực lượng quân sự, phải thực hiện đánh lâu dài, vừa đánh vừa giữ gìn, phát triển lực lượng, dần dần làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, đánh thắng từng bước để cuối cùng chiến thắng hoàn toàn kẻ thù xâm lược.

20. Cuộc chiến đấu ở Thủ đô Hà Nội và các thành phố lớn đã diễn ra như thế nào?

Thực hiện dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, thực dân Pháp ráo riết tăng cường lực lượng, khiêu khích, lấn chiếm. Chúng liên tiếp cho quân đổ bộ lên Đà Nẵng, Đà Sơn, Cát Bà tháng 11-1946, đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn ngày 20-11-1946. Chúng chuẩn bị kế hoạch đánh

1. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chủ tịch ngày 20-12-1946.

úp các cơ quan đầu não ta ở Thủ đô Hà Nội, tiêu diệt bộ đội và tự vệ ta ở các thành phố lớn, đồng thời đánh chiếm những địa bàn chiến lược ở Trung Bộ và Bắc Bộ.

Trước tình hình đó, Ban chấp hành Trung ương Đảng quyết định phát động cả nước kháng chiến.

Đêm 19-12-1946, chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng chỉ huy, quân và dân ta đồng loạt nổ súng trừng trị quân Pháp xâm lược tại Thủ đô Hà Nội và nhiều thành phố, thị xã khác.

Ở Hà Nội, cuộc chiến đấu kéo dài 57 ngày đêm. Các chiến sĩ Vệ quốc quân, công an xung phong, tự vệ chiến đấu đánh địch rất dũng cảm ở từng căn nhà, góc phố với mọi thứ vũ khí có trong tay, dùng bom ba càng, lựu đạn, chai cháy phá xe tăng địch, dùng súng bộ binh bắn rơi máy bay địch. Nhân dân nội, ngoại thành tích cực tiếp sức cho bộ đội đánh giặc.

Trong gần hai tháng chiến đấu, quân và dân Thủ đô đã đánh ngót 200 trận, giết và làm bị thương gần 2.000 địch, nổi tiếng là những trận đánh ở nhà Xô-va (phố Bờ Sông), chợ Đồng Xuân, trường Trần Nhật Duật... Đêm 17-2-1947, chấp hành lệnh của Bộ Tổng chỉ huy, trung đoàn Thủ đô bí mật qua sông Hồng, vượt ra khỏi vòng vây quân thù một cách an toàn.

Cùng với Hà Nội, quân và dân ta ở nhiều thành phố thị xã khác cũng anh dũng tiến công địch. Ở Nam Định ta vây hãm quân địch 90 ngày đêm, diệt 400 tên. Ở Vinh ta buộc một trung đội quân Pháp đầu hàng. Ở Huế, ta liên tục đánh địch suốt 50 ngày, diệt 200 tên. Ở Đà Nẵng, gần một vạn quân Pháp bị ta vây hãm suốt 90 ngày, hàng trăm tên bị tiêu diệt.

Cuộc chiến đấu ở Thủ đô Hà Nội và các thành phố đã tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và giam chân một lực

lượng lớn của chúng, tạo điều kiện cho cả nước chuyển vào kháng chiến.

21. Quân và dân ta đã đánh bại chiến lược « đánh nhanh, thắng nhanh » của giặc Pháp như thế nào ?

Đầu năm 1947, được tăng thêm quân, giặc Pháp mở nhiều cuộc tiến công lớn trên khắp các mặt trận ở trung Trung Bộ, Tây Bắc, Đông Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, hòng nhanh chóng chiếm cả nước ta.

Quân và dân ta chặn đánh địch ở khắp nơi, tiêu hao sinh lực địch, làm chậm bước tiến của chúng, giữ gìn và phát triển lực lượng mình. Trong khi đó quân và dân ở Nam Bộ mở một cuộc « tổng tiến công, quấy rối, phong tỏa, phá hoại » quân địch, đánh nhiều trận diệt từng trung đội, đại đội địch, phá hủy nhiều đoàn tàu quân sự, đánh chìm nhiều tàu chiến giặc. Nổi tiếng nhất là các trận Tầm Vu ngày 16-2-1947, Ô Môn ngày 8-3-1947, Giồng Dứa tháng 5-1947. Bị thiệt hại nhiều mà không tiêu diệt được bộ đội ta, tháng 5-1947, giặc Pháp phải ngừng tiến công. Chiến lược « chớp nhoáng » của chúng bước đầu bị thất bại.

Thu-đông 1947, giặc Pháp huy động hơn hai vạn quân tinh nhuệ nhất, có máy bay, tàu chiến yểm trợ, mở cuộc tiến công lớn lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực của ta, hòng nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược. Từ ngày 7-10-1947, chúng cho quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, cho một cánh quân từ Lạng Sơn lên Cao Bằng, đến Bắc Cạn, một cánh quân khác gồm bộ binh và lính thủy đánh bộ ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang, Chiêm Hóa, làm thành hai gọng kìm lớn khép chặt lấy căn cứ địa Việt Bắc.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng « *Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp* », quân

và dân Việt Bắc chặn đánh và phản công tiêu diệt địch ở khắp nơi, sau hơn hai tháng chiến đấu đã bẻ gãy hoàn toàn cuộc tiến công chiến lược của địch. Nổi tiếng nhất là các trận phục kích, tập kích địch ở Bình Ca, Mạc Khản (Tuyên Quang), Bông Lau (Lạng Sơn), các trận bắn chìm tàu chiến giặc ở Khoan Bô, Đoan Hùng, Khe Lau trên sông Lô, sông Gâm... Quân và dân ta giết và làm bị thương hơn 6.000 địch, bắt sống 270 tên, bắn rơi 18 máy bay, phá 255 xe quân sự, bắn chìm 44 tàu chiến và ca-nô, thu hàng nghìn súng các loại.

Chiến thắng Việt Bắc thu-đông 1947 làm phá sản chiến lược « đánh nhanh, thắng nhanh » của giặc Pháp, đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta sang một thời kỳ phát triển mới.

22. Trong năm đầu cả nước kháng chiến, các lực lượng vũ trang ta đã phát triển, trưởng thành như thế nào ?

Vừa chiến đấu vừa xây dựng, Vệ quốc quân nhanh chóng phát triển lớn mạnh, từ 85.000 người trước ngày toàn quốc kháng chiến đến thu-đông 1947 đã lên tới 125.000 người, gồm 57 trung đoàn và 19 tiểu đoàn độc lập. Về vũ khí, đã có thêm hơn một vạn khẩu súng các loại lấy được của địch. Đến mùa hè năm 1947, trên cả nước đã xây dựng được 168 binh công xưởng, sản xuất các loại ba-dô-ca, súng không giật, súng cối 60, 80, 120 mi-li-mét, bộ phóng bom 175 mi-li-mét...

Về việc xây dựng và phát triển lực lượng dân quân, tự vệ: tháng 3-1947, các ban chỉ huy tỉnh đội, huyện đội, xã đội được thành lập. Tháng 5-1947, *Hội nghị dân quân toàn quốc lần thứ 1* được triệu tập để thống nhất việc tổ chức dân quân, tự vệ trong cả nước. Mùa hè

năm 1947, hơn một triệu người vào dân quân, tự vệ và du kích. Hàng nghìn làng kháng chiến được xây dựng.

Về công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội: Trung ương quân ủy triệu tập *Hội nghị chính trị viên lần thứ 1* từ ngày 14 đến ngày 16-2-1947. Hội nghị vạch ra mười nhiệm vụ của công tác chính trị, xây dựng nền nếp công tác chính trị trong quân đội và nêu lên *12 điều kỷ luật dân vận* cho toàn thể bộ đội chấp hành. Chi bộ Đảng được tổ chức rộng khắp ở các đại đội. Mùa hè năm 1947, hơn 5.000 cán bộ và chiến sĩ được kết nạp vào Đảng, đưa tổng số đảng viên trong quân đội lên hơn một vạn.

Về văn hóa, đến cuối năm 1947, toàn quân thanh toán xong nạn mù chữ.

23. Sau chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947. Đảng ta đã có những chủ trương gì về quân sự?

Sau thất bại ở Việt Bắc thu-đông 1947, giặc Pháp từ chiến lược « chớp nhoáng » phải chuyển sang đánh kéo dài, quay về bình định các vùng chúng đã chiếm đóng, lấn chiếm vùng tự do của ta, thi hành chính sách « siết chặt và vết dầu loang ».

Ngày 15-1-1948, *Trung ương Đảng họp hội nghị (mở rộng)*, quyết định đẩy mạnh cuộc kháng chiến lên một bước mới. Về quân sự, Hội nghị chủ trương « phát triển dân quân, phát triển chiến tranh du kích khắp nơi, nhất là trong vùng địch kiểm soát, đồng thời tùy theo tình thế, tập trung đánh vận động tiêu diệt địch, quét những đồn lẻ của giặc, bắt địch thu hẹp địa bàn lại, đột kích những thành phố nhỏ » ¹.

1. Nghị quyết Hội nghị (mở rộng) của Trung ương Đảng tháng 1-1948.

Tháng 5-1948, Trung ương Đảng triệu tập *Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 4*. Hội nghị nêu bật vị trí quan trọng của công tác trong vùng địch tạm chiếm. Về quân sự, Hội nghị chỉ rõ phải phối hợp các hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, đặc biệt phải phát triển vũ trang tuyên truyền, gây cơ sở trong vùng sau lưng địch, tạo điều kiện cho các đại đội độc lập vào phát triển chiến tranh du kích.

Tháng 1-1949, *Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 6* vạch rõ: « Du kích chiến là căn bản, vận động chiến là phụ trợ. Nhưng cần mạnh bạo đẩy vận động chiến đi tới và khi đủ điều kiện thì kịp thời nâng vận động chiến lên địa vị quan trọng »¹.

Những chủ trương đúng đắn nói trên đã chỉ ra phương hướng đề quân và dân ta đánh bại âm mưu chiến lược mới của địch, xây dựng và phát triển lực lượng ta đưa cuộc kháng chiến tiến lên một bước mới.

24. Lực lượng vũ trang đã có những hoạt động gì để cùng với toàn dân đánh phá bình định, phát triển chiến tranh du kích?

Chấp hành chủ trương của Đảng, từ đầu năm 1948, phần lớn lực lượng vũ trang phân tán thành các *đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập* tiến sâu vào vùng địch tạm chiếm, cùng với cán bộ và nhân dân địa phương xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, chống phá bình định, phát động chiến tranh du kích.

Đến giữa năm 1948, ở Tây Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, Bình — Trị — Thiên, Liên khu 5, đã có hàng trăm đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, cùng với hàng nghìn cán bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận tiến sâu vào vùng

1. Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 6 tháng 1-1949

dịch chiếm đóng, hoạt động gây cơ sở. Chỉ trong một thời gian ngắn, cơ sở cách mạng được củng cố và phát triển ở khắp miền ngược và miền xuôi. Các đại đội độc lập đánh những đồn bốt lẻ, diệt những toán quân lưu động nhỏ của địch, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh, phát triển chiến tranh du kích. Công tác vận động nguy binh được đẩy mạnh và thu nhiều thắng lợi, góp phần tiêu diệt hàng chục vị trí địch.

Lúc này, nhiều căn cứ du kích đã hình thành, nhiều làng chiến đấu mọc lên ngay giữa lòng địch. Tiêu biểu là các làng chiến đấu Cự Năm, Cảnh Dương, Hưng Đạo (Quảng Bình), Chi Lăng (Lạng Sơn), Xi Tơ (Tây Nguyên)... Lực lượng dân quân du kích phát triển mạnh, dăng khắp các địa bàn quan trọng. Nhiều đội du kích lớn mạnh nhanh chóng, lập công xuất sắc như các đội du kích Xi Tơ (Tây Nguyên), Cao Phạ (Tây Bắc), Lê Lợi (Đông Bắc), Lê Hồng Phong (Bình — Trị — Thiên), Kim Thành (Hải Dương)...

Cuối năm 1948, lực lượng vũ trang đã hỗ trợ nhân dân nổi dậy «tổng phá tề», đập tan chính quyền cơ sở của địch ở nhiều nơi.

Ở Nam Bộ, cuộc chiến đấu của quân và dân ta cũng phát triển đều ở cả nông thôn và thành thị. Những trận tiến công của địch vào các vùng căn cứ kháng chiến đều bị đánh thiệt hại nặng. Bộ đội Nam Bộ đánh nhiều trận phục kích lớn trên đường giao thông, như các trận La Ngà ngày 7-3-1948, Tầm Vung ngày 18-4-1948. Ở các đô thị và vùng ven, du kích và bộ đội địa phương cùng với nhân dân bám đánh địch, giữ vững và phát triển các căn cứ kháng chiến. Ở nhiều nơi, nhân dân đào địa đạo để chống giặc. «Biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta, đó là thành công lớn nhất của ta trong năm 1948»¹.

1. Báo cáo quân sự tại Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 6 tháng 1-1949

25 Việc xây dựng bộ đội chủ lực để tiến lên đánh tập trung đã được tiến hành như thế nào?

Ngay từ đầu năm 1948, trong khi phân tán lực lượng vũ trang để cùng với nhân dân đẩy mạnh cuộc đấu tranh ở vùng sau lưng địch, Đảng và Hồ Chủ tịch đã chỉ đạo việc xây dựng các *tiểu đoàn tập trung* để chuẩn bị điều kiện phát triển bộ đội chủ lực. Ở các tỉnh, mỗi trung đoàn đều giữ lại một tiểu đoàn tập trung. Mỗi liên khu¹ xây dựng từ một đến ba tiểu đoàn. Bộ Tổng chỉ huy có bảy tiểu đoàn trực thuộc.

Tháng 4-1949, Hồ Chủ tịch ra sắc lệnh thành lập bộ đội địa phương. Được các đơn vị bộ đội địa phương thay thế, từ giữa năm 1949 sang đầu năm 1950, các đại đội độc lập được lệnh rút về để cùng với các tiểu đoàn tập trung xây dựng thành những trung đoàn, đại đoàn chủ lực.

Mỗi liên khu xây dựng từ hai đến ba trung đoàn chủ lực; ở Nam Bộ mỗi khu có một trung đoàn.

Ngày 28-8-1949, đại đoàn 308, *đại đoàn chủ lực đầu tiên* của quân đội ta ra đời. Tháng 3-1950, thành lập đại đoàn chủ lực thứ hai: đại đoàn 304. Bộ Tổng chỉ huy còn xây dựng hai trung đoàn trực thuộc: trung đoàn 209 và trung đoàn 174.

Lực lượng pháo binh từ vài đại đội với 10 khẩu pháo cũ kỹ, nay được trang bị thêm pháo do ta sản xuất và pháo lấy được của địch, phát triển thành sáu tiểu đoàn.

Bộ đội thông tin tổ chức đến các tiểu đoàn bộ binh.

1. Theo nghị quyết Hội nghị (mở rộng) của Trung ương Đảng tháng 1-1948, cả nước được chia thành sáu liên khu. Ở Bắc Bộ có ba liên khu: 1, 10, 3; Trung Bộ có hai liên khu: 4, 5; Nam Bộ thành một liên khu gồm có ba khu: khu 7, 8, 9 và đặc khu Sài Gòn — Chợ lớn.

Đến đây lực lượng vũ trang nhân dân ta đã hình thành rõ rệt ba thứ quân: dân quân du kích, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực. Lực lượng bộ đội tập trung (bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương) đến tháng 12-1949 là 180.000 người, đến tháng 7-1950 lên tới 236.000 người, tăng gần ba lần so với ngày đầu toàn quốc kháng chiến.

Q6. Trong thời kỳ này, việc xây dựng lực lượng vũ trang về các mặt quân sự, chính trị, hậu cần được tiến hành như thế nào?

Hội nghị toàn quốc lần thứ 3 của Đảng họp vào tháng 1-1950 chỉ rõ phải “xây dựng một quân đội nhân dân ngày càng tinh nhuệ, ngày càng chính quy hóa, trung thành với lợi ích của nhân dân và lợi ích của cách mạng”¹.

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị, đề đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng, phát triển từng bước bộ đội chủ lực, việc xây dựng lực lượng vũ trang về các mặt quân sự, chính trị, hậu cần được chú trọng tăng cường.

Tháng 8-1948, Hồ Chủ tịch gửi thư cổ vũ bộ đội ra sức thi đua “*Luyện quân lập công*”. Theo lời kêu gọi của Người, cuộc vận động “luyện quân lập công” nhanh chóng trở thành một phong trào quần chúng rộng lớn trong lực lượng vũ trang, góp phần nâng cao rõ rệt trình độ kỹ thuật chiến đấu cơ bản của bộ đội ta.

Mùa hè năm 1949, Trung ương Đảng ra chỉ thị mở cuộc vận động “*Rèn luyện cán bộ, chấn chỉnh quân đội*”, nhằm bồi dưỡng cán bộ các cấp về quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng, nâng cao trình độ chiến thuật và tổ chức, chỉ huy chiến đấu.

Đề không ngừng tăng cường vũ khí, trang bị, lực lượng vũ trang ta đã tích cực thực hiện khẩu hiệu “lấy súng địch

1. Báo cáo quân sự tại Hội nghị toàn quốc lần thứ 3 của Đảng tháng 1-1950.

đánh địch». Mặt khác, ngành quân giới đã cố gắng sáng chế và sản xuất nhiều loại vũ khí, từ bom, mìn, lựu đạn đến các loại súng lớn như súng cối 81, 120, 185 mi-li-mét, SKZ¹ 60, 120 mi-li-mét, bom phóng...

Nhân dân ta đã tích cực đóng góp để nuôi dưỡng bộ đội. «Hũ gạo nuôi quân» xuất hiện từ đây. Ngày 20-8-1949, Hồ Chủ tịch gửi thư kêu gọi nhân dân bán gạo giúp Người «khao thương bộ đội». Đồng bào cả nước đã nhiệt liệt hưởng ứng, bán hàng vạn tấn thóc.

Công tác Đảng, công tác chính trị được tăng cường. Tháng 3-1948, Trung ương quân ủy triệu tập *Hội nghị chính trị viên toàn quốc lần thứ 2*. Hồ Chủ tịch gửi thư cho Hội nghị, vạch rõ những nhiệm vụ chủ yếu của người chính trị viên.

Tháng 2-1949, *Hội nghị tuyên huấn, Hội nghị tổ chức toàn quân* họp. Tháng 5-1949, mở cuộc vận động *Mở rộng dân chủ, đề cao kỷ luật* trong toàn quân. *Hội đồng binh sĩ* (sau đổi thành *Hội đồng quân nhân cách mạng*) được thành lập ở các đại đội.

Tháng 6-1950, Ban thường vụ Trung ương Đảng quyết định thành lập *Tổng cục Chính trị, Tổng cục Cung cấp* (sau đổi thành *Tổng cục Hậu cần*) để cùng với *Bộ Tổng tham mưu* hợp thành *Bộ tổng tư lệnh* nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và kiện toàn cơ quan chỉ đạo, chỉ huy cao nhất của quân đội.

27. Bộ đội ta từng bước tiến lên đánh tập trung như thế nào?

Trong năm 1948, thực hiện phương châm «du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ trợ», các tiểu đoàn tập trung đánh những trận tập kích, phục kích diệt cứ

1. Súng không giật.

điền nhỏ, đội lưu động nhỏ của địch, hỗ trợ cho phong trào chiến tranh du kích ở địa phương phát triển. nổi lên là trận đánh cứ điền Phú Thông (Bắc Cạn) của tiểu đoàn 11 tháng 7-1948; các trận Đồng Dương (Hồng Quảng) tháng 11-1948, Đèo Khách (Lạng Sơn) tháng 3-1949 của tiểu đoàn Bình Ca; các trận Mộc Hóa (Tân An) tháng 8-1948, La Bang (Trà Vinh), tháng 12-1948 của tiểu đoàn 307, tiểu đoàn chủ lực đầu lòng của Nam Bộ.

Từ thu-đông 1948 đến đầu năm 1950, bộ đội ta liên tục mở trên 30 chiến dịch nhỏ trên các chiến trường. Mức độ tập trung trong mỗi chiến dịch từ ba đến năm tiểu đoàn, cao nhất là ba trung đoàn.

Trong *chiến dịch Sông Thao* (Yên Bái) tháng 5-1949, bộ đội ta đã tiêu diệt được cứ điền đại đội địch, như các đồn Dóm, phố Ràng...

Trong *chiến dịch Sông Lô* tháng 5-1949, phá cuộc hành quân của địch lên Phú Thọ, Tuyên Quang, bộ đội ta đã truy kích địch suốt bảy ngày đêm. Lần đầu tiên ta dùng hai trung đoàn đánh vận động, bẻ gãy cuộc hành binh của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 800 tên.

Trong *chiến dịch Lê Lợi* (Hòa Bình) tháng 11-1949, bộ đội ta vây đồn diệt viện, liên tiếp diệt hai đại đội ứng chiến tinh nhuệ của địch trong ba trận phục kích ở Suối Rút, Mỏ Hém.

Trong *chiến dịch Lê Hồng Phong 1* đầu năm 1950, bộ đội ta đã diệt nhiều đồn địch trên phòng tuyến Sông Thao, giải phóng một khu vực rộng lớn hàng trăm ki-lô-mét vuông với hàng vạn dân. Trong chiến dịch này, bộ đội ta lần đầu tiên đánh một trận lớn tiêu diệt cứ điền kiên cố: cứ điền Phố Lu (Lao Cai) gồm hai đại đội địch.

Trận đánh của Trung đoàn 174 tiêu diệt gọn cứ điền Đông Khê (Cao Bằng) tháng 5-1950 có trên hai đại đội địch, là trận đánh tiêu diệt xuất sắc của bộ đội ta lúc ấy.

28. Chiến dịch Biên giới đã giành được thắng lợi to lớn như thế nào?

Trên cơ sở những thắng lợi trong hai năm 1948 – 1949, Đảng ta chủ trương tranh thủ thời cơ giành một thắng lợi lớn về quân sự, làm chuyển biến cục diện chiến tranh có lợi cho ta.

Tháng 6-1950, Trung ương Đảng quyết định mở *chiến dịch Biên giới* nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng một phần biên giới, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, lấy Đông Bắc làm hướng chính, Tây Bắc làm hướng nghi binh phối hợp.

Lực lượng sử dụng gồm phần lớn lực lượng cơ động chiến lược: đại đoàn 308, trung đoàn 209 và trung đoàn 174, trung đoàn pháo binh 95, ngoài ra còn ba tiểu đoàn bộ đội địa phương của Lạng Sơn, Liên khu Việt Bắc và các đại đội địa phương, dân quân du kích hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn.

Đề chuẩn bị chiến dịch, hàng vạn nhân dân cùng với bộ đội, thanh niên xung phong mở hàng trăm ki-lô-mét đường. Hơn 10 vạn dân công được huy động đề vận chuyển, tiếp tế lương thực, đạn dược phục vụ chiến dịch. Lần đầu tiên ta sử dụng 11 xe ô-tô vận tải chạy bằng than đề vận chuyển, cùng với 213 ngựa thồ và 350 xe trâu.

Ngày 2-9-1950, Hồ Chủ tịch chỉ thị cho các lực lượng vũ trang: « Chiến dịch Cao — Bắc — Lạng rất quan trọng. Chúng ta quyết đánh thắng trận này... ». Trung tuần tháng 9-1950, Bác ra mặt trận đề trực tiếp giúp đỡ Bộ chỉ huy chiến dịch và động viên bộ đội chiến đấu.

Sáu giờ sáng 16-9-1950, chiến dịch mở màn bằng trận đánh cụm cứ diêm Đông Khê. Sau hai ngày đêm chiến đấu ác liệt, ta tiêu diệt cụm cứ diêm này, diệt trên 300 địch, thu toàn bộ vũ khí. Trong trận này đã xuất hiện nhiều gương anh dũng: chiến sĩ La Văn Cầu, nhờ

đồng đội chặt cánh tay bị thương đề tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ; đại đội trưởng Trần Cừ lấy thân mình bịt lỗ châu mai, mở đường đề đơn vị xông lên diệt gọn địch... Chiến thắng Đông Khê tạo thế thuận lợi cho chiến dịch phát triển, đánh dấu một bước trưởng thành của bộ đội ta về đánh địch trong công sự vững chắc.

Trước nguy cơ bị tiêu diệt, quân địch ở Cao Bằng do tên trung tá Sác-tông chỉ huy vội vã rút chạy, đồng thời một binh đoàn cơ động do tên trung tá Lơ Pa-giơ chỉ huy được lệnh từ Thất Khê lên ứng cứu.

Thực hiện chỉ thị của Hồ Chủ tịch, nắm vững ý đồ của địch, từ ngày 1 đến ngày 7-10-1950, bộ đội ta đánh những trận vận động xuất sắc ở Cốc Xá, tiêu diệt hoàn toàn binh đoàn Lơ Pa-giơ, sau đó lại tiêu diệt gọn binh đoàn Sác-tông trên đèo cao 477. Thừa thắng, quân và dân ta tiến lên giải phóng một dải biên giới dài 100 ki-lô-mét từ Lạng Sơn đến Đình Lập, An Châu, sát Tiên Yên, phá tan phòng tuyến đường số 4 của địch.

Phối hợp với chiến trường chính, trên mặt trận Tây Bắc, quân ta tiêu diệt hàng loạt vị trí địch, buộc chúng rút khỏi Lao Cai, Sa Pa, giải phóng một khu vực rộng lớn với hàng vạn dân.

Ở đồng bằng Bắc Bộ, Bình - Trị - Thiên, Liên khu 5, Nam Bộ, quân và dân ta cũng ra sức tiêu diệt địch, phát triển chiến tranh du kích.

Kết quả chiến dịch: ta tiêu diệt và bắt sống 8.000 địch (bắt sống 3.500 tên, trong đó có toàn bộ cơ quan chỉ huy của hai binh đoàn). Tám tiểu đoàn tinh nhuệ của địch bị diệt gọn. Vũ khí và đồ dùng quân sự thu được đủ trang bị cho một đại đoàn. Năm thị xã, 13 thị trấn, một dải biên giới dài 750 ki-lô-mét với 35 vạn dân được giải phóng.

Chiến dịch Biên giới là chiến dịch tiến công quy mô lớn đầu tiên, là một chiến dịch đánh tiêu diệt xuất sắc, đạt hiệu suất cao, đánh dấu một bước phát triển nhảy vọt

về sức chiến đấu của quân và dân ta, về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta.

III. LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TỪ SAU CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI ĐẾN CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG – XUÂN 1953 – 1954. KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1951 – 1954)

29. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đã có những nghị quyết gì về đẩy mạnh kháng chiến và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân?

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp tại Tuyên Quang từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951. Đại hội đã tổng kết kinh nghiệm hơn 20 năm đấu tranh của Đảng, phát triển và hoàn chỉnh đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Về đường lối kháng chiến, Đại hội khẳng định cuộc kháng chiến của ta là một cuộc chiến tranh nhân dân, là kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, cuộc kháng chiến ấy cuối cùng nhất định thắng lợi.

Đại hội chỉ rõ: Đề đưa kháng chiến đến thắng lợi, “phải nắm vững phương châm chiến lược của chiến tranh nhân dân là :

— Các mặt công tác chính trị, kinh tế, văn hóa, đều nhằm mục đích làm cho quân sự thắng lợi. Đồng thời đấu tranh quân sự phải phối hợp với đấu tranh chính trị, kinh tế...

— Phối hợp việc tác chiến trước mặt địch với việc đánh du kích... sau lưng địch”¹.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.

Đại hội vạch rõ phương châm tác chiến trước mắt là : Lấy du kích chiến làm chính, vận động chiến làm phụ, nhưng phải đẩy mạnh vận động chiến tiến lên địa vị chủ yếu. Phương châm trên phải được vận dụng thích hợp với điều kiện cụ thể của từng chiến trường.

Đại hội chỉ rõ phải phối hợp chặt chẽ, tích cực giúp đỡ nhân dân hai nước Cam-pu-chia và Lào đẩy mạnh cuộc kháng chiến, phát triển chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa.

Đại hội quyết định phải kiện toàn sự lãnh đạo của Đảng đối với kháng chiến, tập trung cán bộ nhiều hơn cho công tác quân sự, hướng mọi hoạt động của các ngành phục vụ kháng chiến thắng lợi.

Về xây dựng lực lượng vũ trang, Đại hội quyết định phải xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh, có bản chất cách mạng tốt đẹp, phát triển ba thứ quân, tăng cường công tác xây dựng Đảng và công tác chính trị trong quân đội, ra sức đào tạo cán bộ, làm tốt các mặt giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện kỷ luật, nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật của bộ đội.

Đại hội coi việc xây dựng hậu phương là một vấn đề chiến lược quan trọng không thể tách rời với việc xây dựng lực lượng vũ trang.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đã phát triển hoàn chỉnh đường lối cách mạng dân tộc dân chủ và đường lối kháng chiến của Đảng, bổ sung toàn diện những nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Nghị quyết của đại hội là ngọn đuốc soi đường cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta đi đến thắng lợi; cho quân đội ta không ngừng chiến thắng và trưởng thành, xứng đáng với tên gọi *Quân đội nhân dân Việt Nam*.

30. Sau chiến thắng Biên giới, quân và dân ta đã mở tiếp những chiến dịch lớn nào?

Sau khi Pháp thất bại ở biên giới, đế quốc Mỹ ráo riết can thiệp vào Đông Dương, viện trợ quân sự ồ ạt cho Pháp và bọn bù nhìn để tiếp tục chiến tranh xâm lược. Được Mỹ tiếp sức, thực dân Pháp ra sức phát triển quân nguy, tập trung lực lượng phòng ngự, bình định ác liệt vùng chúng chiếm đóng, đồng thời chuẩn bị điều kiện để phản công hòng tiêu diệt chủ lực ta, giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất. Chúng xây dựng ở Bắc Bộ một phòng tuyến kiên cố với 1.300 lô-cốt «boong-ke»¹, lập thành 113 cứ điểm, rải suốt từ Hòn Gai, qua Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc đến Ninh Bình. Chúng san phẳng làng mạc, tàn phá ruộng đồng, lập thành một «vành đai trắng» rộng từ 5 đến 10 ki-lô-mét.

Về phía ta, sau chiến dịch Biên giới, lực lượng chủ lực phát triển nhanh chóng, xây dựng thêm ba đại đoàn bộ binh: đại đoàn 312 ngày 27-12-1950, đại đoàn 320 ngày 7-2-1951, đại đoàn 316 tháng 5-1951 và đại đoàn công binh — pháo binh 351 tháng 5-1951.

Từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, bộ đội ta liên tiếp mở ba chiến dịch tiến công lớn đánh vào phòng tuyến kiên cố của địch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ:

Chiến dịch Trần Hưng Đạo tháng 12-1950 đến tháng 1-1951, tiêu diệt nhiều cứ điểm «boong-ke» của địch, diệt viện binh địch ở Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Ninh.

Chiến dịch Hoàng Hoa Thám tháng 4-1951, đánh vào phòng tuyến địch trên đường số 18, từ Phả Lại đến Uông Bí.

Chiến dịch Quang Trung tháng 5 đến tháng 6-1951 đánh địch ở Hà — Nam — Ninh, lần đầu tiên tiêu diệt toàn bộ quân địch trong một thị xã (Ninh Bình).

1. Lô-cốt bằng bê-tông cốt thép.

31. Trong chiến dịch Hòa Bình, quân và dân ta đã đánh địch trên hai mặt trận như thế nào ?

Sau một năm ra sức củng cố thể phòng ngự, tiến hành bình định, tăng cường lực lượng, giặc Pháp tưởng rằng đã đến lúc chúng có thể phản công giành lại quyền chủ động chiến lược. Tháng 11-1951, chúng đưa hơn 20 tiểu đoàn gồm phần lớn lực lượng cơ động chiến lược đánh chiếm Hòa Bình nhằm cắt đứt đường liên lạc, tiếp tế, phá sự chuẩn bị tiến công của ta, thu hút chủ lực của ta dè tiêu diệt.

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng chỉ thị đánh địch trên cả hai mặt trận : Hòa Bình và vùng sau lưng địch đồng bằng Bắc Bộ.

Tổng quân ủy quyết định mở *chiến dịch Hòa Bình*, sử dụng ba đại đoàn 308, 312, 304 vây hãm và tiêu diệt quân cơ động của địch ở mặt trận Hòa Bình, hai đại đoàn 320 và 316 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân phá bình định, phát triển chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch.

Ở mặt trận Hòa Bình, cuộc tiến công mở đầu bằng trận vận động phục kích tiêu diệt địch ở Ninh Mít ngày 10-12-1951. Cũng trong đêm đó, ta tiêu diệt vị trí Tu Vũ do một tiểu đoàn địch chiếm đóng. Tiếp đó, ta liên tiếp đánh nhiều trận tập kích, phục kích diệt gọn địch : trận Lạc Song ngày 22-12-1951 diệt năm tàu chiến và ca-nô ; trận tiêu diệt hai đại đội địch trên các mỏm 400 và 600 núi Ba Vì ngày 29-12-1951 ; trận Cầu Dụ ngày 2-12-1951 phá hủy đoàn xe địch gồm 34 chiếc. Trong trận Giang Mỗ ngày 13-12-1951 đã xuất hiện gương dũng cảm của Cù Chính Lan một mình đuổi theo xe tăng và dùng lựu đạn ném vào buồng lái diệt xe tăng địch.

Trong khi quân địch bị kìm chân ở Hòa Bình, các đại đoàn 316 và 320 vượt qua « vành đai trắng » tiến sâu vào

vùng sau lưng địch, cùng với các lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương liên tiếp tiêu diệt, bức hàng, bức rút hơn 1.000 đồn bốt địch, bề gây nhiều cuộc phản kích của chúng ở Bắc Ninh, Quảng Yên, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình... Hệ thống chiếm đóng của địch rung chuyển, tan vỡ từng mảng lớn, bộ máy quyền ở cơ sở bị đập tan. Các căn cứ du kích của ta được mở rộng, nối liền với nhau thành thể liên hoàn. Hai triệu dân được giải phóng.

Bị thua đau trên cả hai mặt trận, ngày 23-2-1952, quân địch phải bỏ Hòa Bình rút chạy. Chiến dịch Hòa Bình kết thúc thắng lợi. Ta loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên địch, riêng ở mặt trận sau lưng địch, ta giết và làm bị thương 15.000 tên.

Âm mưu của địch bình định vùng chiếm đóng và phản công tiêu diệt chủ lực ta, giành lại quyền chủ động chiến lược, đã bị đánh bại.

Chiến thắng Hòa Bình là thành công của Đảng ta trong việc chỉ đạo tiến công địch trên cả hai hướng chiến lược chủ yếu, kết hợp hai mặt trận chính diện và sau lưng địch, kết hợp vận động chiến và du kích chiến, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng.

32. Trong thời kỳ này, việc xây dựng lực lượng vũ trang được tiến hành như thế nào?

Cuối năm 1952, đại đoàn 325 được thành lập, đưa đội quân chủ lực trực thuộc Bộ Tổng tư lệnh lên tới sáu đại đoàn, hai trung đoàn bộ binh (trung đoàn 148 và trung đoàn 246) và một đại đoàn công binh — pháo binh. Ngày 1-4-1953, binh chủng pháo cao xạ ra đời.

Bộ đội chủ lực các liên khu cũng được củng cố và phát triển. Ở Nam-Bộ có các tiểu đoàn 302 và 307. Ở Liên khu 5 có các trung đoàn 108, 803. Ở Liên khu 3 có các trung

đoàn 42, 46. Ở Liên khu Việt Bắc có trung đoàn 238. Tổng số quân tính đến tháng 9-1952 lên tới gần 26 vạn người.

Năm 1952, toàn quân tiến hành chấn chỉnh tổ chức biên chế, trang bị, nhằm tăng cường thành phần chiến đấu, giảm nhẹ cơ quan. Các đại đoàn được biên chế thống nhất. Công tác huấn luyện quân sự được tăng cường.

Tổng quân ủy triệu tập *Hội nghị tuyên huấn toàn quân lần thứ 1* tháng 8-1951 và *Hội nghị tổ chức toàn quân lần thứ 1* tháng 8-1952 nhằm tăng cường công tác giáo dục chính trị và công tác xây dựng chi bộ Đảng trong quân đội.

Tháng 7-1951, Tổng quân ủy mở *Trường chính trị trung cấp* để luân lưu bồi dưỡng cán bộ trung, cao cấp về lý luận và đường lối, chính sách của Đảng.

Tháng 5-1952, toàn quân tiến hành chỉnh huấn chính trị, cuộc vận động học tập chính trị rộng lớn nhất từ khi thành lập quân đội ta.

Ngày 12-4-1952, *Hội nghị thi đua toàn quân* đã bầu được 50 chiến sĩ thi đua toàn quân. Ngày 1-5-1952, *Dại hội các chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc* đã tuyên dương bảy anh hùng trong đó có bốn anh hùng quân đội là các đồng chí: Cù Chính Lan (truy tặng), Nguyễn Thị Chiên, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị.

Tháng 6-1952, Tổng quân ủy triệu tập *Hội nghị cung cấp toàn quân lần thứ 1* nhằm chấn chỉnh hệ thống tổ chức ngành cung cấp, tăng cường sự chỉ đạo của các cấp đối với công tác hậu cần.

33. Chiến dịch Tây Bắc đã diễn ra như thế nào?

Tháng 9-1952, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở *chiến dịch Tây Bắc*, tiến công vào một vùng

chiến lược quan trọng nhằm tiêu diệt sinh lực địch, tranh thủ nhân dân, giải phóng một bộ phận đất đai. Các đại đoàn 308, 312, 316, trung đoàn 148 và đại đoàn 351 đánh địch ở Tây Bắc, các đại đoàn 320, 304 đánh ở vùng sau lưng địch Liên khu 3.

Chiến dịch mở màn ngày 14-10-1952 với những trận đánh tiến công vào phân khu Nghĩa Lộ và tiểu khu Phù Yên, tiêu diệt và bức rút hàng loạt vị trí quan trọng của địch như Nghĩa Lộ, Cửa Nhì, Gia Hội, Tú Lệ, Bản Trai, Bản Mo... quét sạch quân địch ở khu vực giữa sông Thao và sông Đà, từ Vạn Yên lên tới Quỳnh Nhai. Quân địch lúng túng đối phó, ngày 29-10-1952 đưa ba binh đoàn cơ động lên Phú Thọ nhằm phá hoại hậu phương chiến dịch của ta, thu hút chủ lực ta, đỡ đòn cho Tây Bắc. Một bộ phận nhỏ chủ lực của ta cùng với bộ đội địa phương và dân quân chặn đánh quyết liệt, buộc chúng phải rút lui sau nửa tháng hành quân.

Tiếp đó, ngày 15-11-1952, các đơn vị chủ lực ta vượt sông Đà, tiến công tiêu diệt hàng loạt vị trí địch: Bản Hoa, Mường Lượn, Ba Lay, Mộc Châu... đập tan hệ thống phòng ngự của địch trên cao nguyên Châu Mộc, truy kích quân địch rút chạy, giải phóng Yên Châu, đồng thời dùng một mũi vu hồi chiến dịch đánh vào phía sau lưng địch, lần lượt chiếm Luân Châu, Tuần Giáo, Thuận Châu, Sơn La, Điện Biên Phủ.

Trên mặt trận sau lưng địch, ta đánh mạnh ở Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, tiêu diệt hàng loạt đồn bốt, mở rộng các căn cứ du kích.

Chiến dịch Tây Bắc thu được thắng lợi lớn. Ta loại khỏi vòng chiến đấu 13.800 tên địch ở cả hai mặt trận Tây Bắc và đồng bằng, làm tan rã khối nguy binh Thái, giải phóng một vùng chiến lược quan trọng rộng 29.500 ki-lô-mét vuông (bằng gần 1/4 diện tích Bắc Bộ) với 25 vạn dân, mở rộng và củng cố vững chắc căn cứ địa Việt Bắc.

34. Chiến dịch Thượng Lào đã diễn ra như thế nào

Mùa xuân năm 1953, Trung ương Đảng và Chính phủ ta cùng với Chính phủ kháng chiến Lào và Mặt trận Lào Ít-xa-la quyết định phái Quân đội nhân dân Việt Nam sang cùng với Quân giải phóng Pa-thét Lào mở *chiến dịch Thượng Lào*, tiến công địch ở Sầm Nưa nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một phần đất đai, tạo điều kiện đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân Lào.

Ngày 8-4-1953, bộ đội ta và bộ đội bạn chia làm ba cánh tiến về Sầm Nưa, Xiêng Khoảng, Luông Pha-băng. Phát hiện thấy liên quân cách mạng Lào — Việt, ngày 12-4-1953 địch hốt hoảng bỏ Sầm Nưa rút chạy. Chiến dịch Thượng Lào trở thành một chiến dịch truy kích đường dài quy mô lớn. Suốt bảy ngày đêm, bộ đội ta và bộ đội bạn hành quân đuổi địch trên quãng đường dài 270 ki-lô-mét, tiêu diệt và bắt sống gần hết số quân chiếm đóng Sầm Nưa. Ta còn tiêu diệt nhiều cứ điểm và đuổi đánh địch ở Bản Ban, Xiêng Khoảng, Phong Xa Lỳ, Mường Sài...

Kết quả chiến dịch: ta tiêu diệt ba tiểu đoàn, 11 đại đội địch (bằng 1/5 tổng số binh lực của địch ở Lào), giải phóng hoàn toàn tỉnh Sầm Nưa, một phần của các tỉnh Xiêng Khoảng, Phong Xa Lỳ (bằng 1/5 diện tích nước Lào) với trên 30 vạn dân.

Thắng lợi của chiến dịch Thượng Lào là thắng lợi của tinh thần quốc tế vô sản, của tình đoàn kết chiến đấu giữa hai dân tộc Việt — Lào anh em.

35. Hội nghị lần thứ 4 của Trung ương Đảng đã có những chủ trương quan trọng gì để đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi?

Tháng 1-1953, *Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 4*. Về quân sự, Hội nghị chỉ rõ phương hướng

chiến lược lúc này là tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, đánh chắc thắng để phân tán lực lượng địch, tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng tự do, giữ gìn và phát triển lực lượng ta. Phải kết hợp chặt chẽ giữa đánh vận động và đánh địch trong công sự vững chắc, giữa chiến trường chính và chiến trường sau lưng địch, giữa hoạt động của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Hội nghị nhấn mạnh phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và công tác chính trị trong quân đội, coi trọng việc bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện bộ đội, tăng cường và cải tiến dần dần trang bị, vũ khí của bộ đội.

Hội nghị thông qua bản *Dự thảo cương lĩnh về chính sách ruộng đất*, quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng” ngay trong kháng chiến.

36. Chủ trương chiến lược và kế hoạch tác chiến của ta trong đông-xuân 1953 – 1954 như thế nào?

Sau bảy năm tiến hành chiến tranh xâm lược bị thua thiệt nặng, thực dân Pháp ngoan cố tranh thủ thêm viện trợ của Mỹ hòng tiếp tục chiến tranh xâm lược. Chúng đề ra kế hoạch Na-va mà trọng tâm là mở rộng quân nguy, tăng cường khối chủ lực cơ động, tổ chức những trận quyết chiến với chủ lực ta hòng giành lại thế chủ động chiến lược, chuyển bại thành thắng trên chiến trường Đông Dương. Thực hiện kế hoạch đó, từ tháng 5-1953 đến tháng 3-1954, chúng tăng thêm gần 10 vạn quân nguy, tổ chức thêm 107 tiểu đoàn nguy, tập trung được 84 tiểu đoàn, đưa khối chủ lực cơ động lên đến 110 tiểu đoàn.

Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng thông qua kế hoạch tác chiến đông-xuân 1953 – 1954, giữ vững

quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận chính diện và sau lưng địch, phối hợp trên phạm vi cả nước và phối hợp với cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia. Cụ thể là :

Trên mặt trận chính diện, mở ba cuộc tiến công lớn nhằm :

— Tiêu diệt quân địch còn chiếm đóng Lai Châu, giải phóng hoàn toàn vùng Tây Bắc, phối hợp với Quân giải phóng Pa-thét Lào giải phóng Phong Xa Lỳ ;

— Phối hợp với Quân giải phóng Pa-thét Lào và Quân giải phóng Ít-xa-rắc Cam-pu-chia tiêu diệt địch ở Trung Lào, Hạ Lào và Đông Bắc Cam-pu-chia ;

— Đánh chiếm địa bàn chiến lược Tây Nguyên, trước hết là bắc Tây Nguyên, phá âm mưu củng cố và bình định miền Nam của địch.

Trên mặt trận sau lưng địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích, phá kế hoạch bình định của địch, thu hẹp vùng tạm bị chiếm, mở rộng vùng tự do, phối hợp đặc lực với mặt trận chính.

Bộ Chính trị nhấn mạnh phương châm: «Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt» và những nguyên tắc chỉ đạo chiến lược và chỉ đạo tác chiến là :

— Tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta ;

— Đánh ăn chắc, đánh chắc thắng, đánh tiêu diệt ;

— Chọn nơi địch sơ hở, nơi địch tương đối yếu mà đánh ;

— Giữ vững chủ động, kiên quyết buộc địch phải phân tán.

37. Cuộc tiến công chiến lược đông-xuân 1953 — 1954 đã diễn ra như thế nào ?

Giữa tháng 11-1953, bộ đội chủ lực ta tiến quân theo hướng đã lựa chọn : một hướng lên Tây Bắc, hướng thứ hai sang Trung Lào.

Bị uy hiếp ở chỗ sơ hở nhất và yếu nhất, địch vội vã đối phó bằng cách cho sáu tiểu đoàn nhảy dù xuống chiếm Điện Biên Phủ ngày 20-11-1953, đồng thời cho một binh đoàn và hai tiểu đoàn cơ động lên tăng cường cho Trung Lào. Ngày 25-11-1953, chúng lại dùng sáu tiểu đoàn đánh chiếm Mường Ngòi, Mường Khoa ở Thượng Lào, xây dựng phòng tuyến sông Nậm Hu dề nối liền Thượng Lào với Điện Biên Phủ. Đầu tháng 12-1953, Na-va, tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp, quyết định tập trung lực lượng phòng ngự Tây Bắc vào Điện Biên Phủ và xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm rất mạnh hùng «nghiên nát» bộ đội chủ lực ta.

Ngày 6-12-1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở *chiến dịch Điện Biên Phủ* nhằm tiêu diệt toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm này. Chấp hành nghị quyết của Bộ Chính trị, công việc chuẩn bị chiến dịch được tiến hành gấp rút, đồng thời bộ đội chủ lực ta trên các mặt trận Lai Châu, Trung Lào, Tây Nguyên nhanh chóng bước vào tiến công địch.

Ở *Lai Châu*, ngày 7-12-1953, quân địch rút chạy hùng tránh khỏi bị tiêu diệt, nhưng bộ đội ta lập tức truy kích, bao vây không cho chúng co về Điện Biên Phủ. Ngày 12-12-1953, các đơn vị thuộc đại đoàn 316 đánh địch ở đèo Pa Ham, giải phóng thị xã Lai Châu. Cùng ngày, ta chặn đánh địch ở Mường Pồn. Trong trận này đã xuất hiện tám gương của đồng chí Bế Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng dề đồng đội tiêu diệt địch. Sau mấy ngày đêm chiến đấu, bộ đội ta tiêu diệt và bức hàng 24 đại đội địch, giải phóng hoàn toàn khu vực Lai Châu.

Ở *Trung Lào*, ngày 21-12-1953, các đơn vị thuộc đại đoàn 325 tập kích đồn Khăm He, tiếp đó cùng với bộ đội Bọn duổi đánh quân địch rút chạy, tiến đến sông Mê Công, giải phóng thị xã Thà Khẹt, cắt đường số 9 và giải phóng miền đông Xa-va-na-khét. Thừa thắng, liên quân Lào –

Việt tiến xuống Hạ Lào, ngày 31-1-1954 bất ngờ tập kích thị xã A-tô-pơ rồi phát triển sang Xa-ra-van, giải phóng toàn bộ cao nguyên Bô-lô-ven.

Sau đó, bộ đội ta tiếp tục tiến xuống phía nam phối hợp với Quân giải phóng Ít-xa-rắc Cam-pu-chia giải phóng Vưon Sai, Xiêm Pang, uy hiếp Xiung Treng, giải phóng phần lớn tỉnh Công-pông Châm.

Ở *Tây Nguyên*, các trung đoàn chủ lực Liên khu 5 tiêu diệt nhiều cứ điểm then chốt của địch, trong đó có vị trí kiên cố Măng Đen, tập kích thị xã Plây Cu ngày 28-1-1954, giải phóng thị xã Công Tum ngày 5-2-1954 quét sạch quân địch ở bắc Tây Nguyên, giải phóng một địa bàn chiến lược rộng 16.000 ki-lô-mét vuông với 20 vạn dân.

Ở *Thượng Lào*, đề đánh lạc hướng địch, cô lập hơn nửa tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, ngày 26-1-1954, đại đoàn 308 phối hợp chặt chẽ với nhân dân và Quân giải phóng Pa-thét Lào, tiến quân vào phòng tuyến sông Nam Hu của địch, truy kích quân địch rút chạy trên chặng đường dài hơn 200 ki-lô-mét đến tận sông Mê Công, cách Luông Pha-băng 15 ki-lô-mét, tiêu diệt 17 đại đội địch. Thừa thắng, một bộ phận liên quân Lào — Việt tiến lên phía bắc, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phong Xa Lỳ, mở rộng căn cứ kháng chiến của nhân dân Lào thêm gần một vạn ki-lô-mét vuông.

Ở *đồng bằng Bắc Bộ*, đại đoàn 320 phá vỡ phòng tuyến sông Đáy, tiến vào đồng bằng Bắc Bộ, cùng với các trung đoàn chủ lực của liên khu và các tiểu đoàn địa phương hoạt động mạnh trên khắp các địa bàn xung yếu, tiêu diệt và bức rút hàng loạt vị trí quan trọng của địch. Tiếp theo trận tập kích vào thị trấn Đồ Sơn ngày 31-1-1954, ngày 4 và 7-3-1954 các lực lượng địa phương đánh những trận tập kích lớn vào các sân bay Gia Lâm (Hà Nội) và Cát Bi (Hải Phòng), phá hủy 78 máy bay địch.

Ở *Bình — Trị — Thiên*, bộ đội ta tiêu diệt và bức rút nhiều vị trí, giải phóng hoàn toàn huyện Hương Hóa, phá hủy nhiều đoàn tàu, xe của địch.

Ở *nam Trung Bộ*, ta diệt nhiều đồn bốt, bức rút hàng loạt cứ điểm, giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở Điện Bàn (Quảng Nam), Tánh Linh, Lương Sơn (Bình Thuận).

Ở *Nam Bộ*, các tiểu đoàn chủ lực và địa phương tiến vào vùng tạm bị chiếm, diệt nhiều đồn bốt, hỗ trợ phong trào đấu tranh của nhân dân.

38. Chiến dịch Điện Biên Phủ đã giành được thắng lợi có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

Từ đầu tháng 12-1953, quân địch tập trung cố gắng xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh chưa từng có ở Đông Dương, với 17 tiểu đoàn bộ binh và lính dù tinh nhuệ, trên 40 khẩu pháo, 10 xe tăng và các loại vũ khí hiện đại, có lực lượng không quân mạnh yểm trợ và tiếp tế. Chúng bố trí trong 49 cứ điểm, tổ chức thành tám cụm, hợp thành ba phân khu.

Thực hiện quyết tâm của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch: *tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ*, công cuộc chuẩn bị chiến dịch được tiến hành ráo riết từ đầu tháng 12-1953. Ngày 22-12-1953, Hồ Chủ tịch trao cờ *Quyết chiến quyết thắng* cho quân đội, đồng viên các đơn vị thi đua giết giặc lập công.

Các lực lượng công binh, bộ binh cùng với thanh niên xung phong ngày đêm mở đường vào chiến dịch. Các phương tiện vận tải được huy động bảo đảm cung cấp cho chiến dịch gồm có 628 xe ô-tô vận tải, 11.800 thuyền buồm, thuyền độc mộc, hơn 20.000 xe đạp thồ, 500 ngựa thồ. Trên 26 vạn dân công đóng góp ba triệu ngày công phục vụ tiền tuyến.

Lực lượng chủ lực sử dụng trong chiến dịch gồm các đại đoàn bộ binh 308, 312, 316 và 304 (thiếu một trung đoàn) và đại đoàn 351 công binh — pháo binh với một trung đoàn lựu pháo 105 mi-li-mét, một trung đoàn sơn pháo 75 mi-li-mét, một trung đoàn công binh công trình, bốn đại đội súng cối 120 mi-li-mét, một tiểu đoàn pháo cao xạ 37 mi-li-mét và hai tiểu đoàn súng máy cao xạ 12,7 mi-li-mét.

Bộ đội ta đã mở năm tuyến đường và dùng sức người kéo pháo vượt qua đồi cao, suối sâu vào trận địa bí mật, an toàn, đồng thời xây dựng một hệ thống chiến hào và giao thông hào dài hàng trăm ki-lô-mét bao quanh tập đoàn cứ điểm của địch. Trong nhiệm vụ kéo pháo, đã xuất hiện tấm gương của các liệt sĩ Tô Vĩnh Diện, Nguyễn Văn Chức hy sinh thân mình để bảo vệ pháo.

Sau gần ba tháng bao vây và tiêu hao địch, ngày 13-3-1954, bộ đội ta nổ súng mở đợt tiến công thứ nhất vào Điện Biên Phủ, tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam. Trong trận này, chiến sĩ Phan Đình Giót đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai, tạo điều kiện cho đơn vị tiến lên tiêu diệt địch. Ngày 15-3-1954, ta tiêu diệt cứ điểm đồi Độc Lập, sau đó làm tan rã một tiểu đoàn địch, chiếm cứ điểm Bản Kéo.

Ngày 30-3-1954, ta mở đợt tiến công thứ hai, đồng loạt đánh vào các ngọn đồi ở phía đông tập đoàn cứ điểm. Ở đây, cuộc chiến đấu giành đi giật lại giữa ta và địch diễn ra rất quyết liệt. Bộ đội ta tiếp tục xây dựng trận địa, đào chiến hào bao vây, chia cắt quân địch, đồng thời dùng cách bắn tỉa, đánh lén để tiêu hao, tiêu diệt địch, thu hẹp khu vực phòng ngự của địch, dồn chúng vào thế vô cùng khốn quẫn.

Ngày 1-5-1954, đợt tiến công thứ ba bắt đầu. Quân ta lần lượt đánh chiếm những cứ điểm còn lại ở phía đông và phía tây, bẻ gãy mọi cuộc phản kích của địch. Ngày

7-5-1954, theo hiệu lệnh tổng công kích, bộ đội ta đánh chiếm những vị trí then chốt cuối cùng của địch rồi xông thẳng vào sở chỉ huy địch, bắt sống viên tướng Đờ Cát-xơ-ri cùng với toàn bộ ban tham mưu tập đoàn cứ điểm. Gắn một vạn quân địch kéo cờ trắng xin hàng.

Sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, diệt và bắt sống trên 16.000 tên địch, gồm 17 tiểu đoàn bộ binh, ba tiểu đoàn pháo binh, một tiểu đoàn công binh, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí.

Chiến thắng Điện Biên Phủ « kết thúc thắng lợi chín năm kháng chiến chống Pháp đã được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa ở thế kỷ XX, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi, đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc » .

39. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, cuộc tiến công chiến lược của quân và dân ta tiếp tục phát triển như thế nào ?

Thắng lợi ở Điện Biên Phủ tạo nên một cao trào tiến công mới trên khắp cả nước.

Ở *nam Trung Bộ*, ngày 29-6-1954, bộ đội ta đánh một trận vận động phục kích lớn trên quãng đường từ An Khê đi Plây Cu, tiêu diệt toàn bộ binh đoàn cơ động số 100 và một tiểu đoàn pháo binh của địch, thu 203 xe, 15 khẩu pháo 105 mi-li-mét, bắt sống toàn bộ ban tham mưu địch.

Ở *Nam Bộ*, quân và dân ta kết hợp tiến công và nổi dậy diệt trên 1.000 đồn bốt, tháp canh, giải phóng hàng trăm xã. Các chiến sĩ đặc công đánh những trận xuất

1. Lê Duẩn, *Diễn văn tại cuộc họp kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Đảng*.

sắc phá kho bom Phú Thọ ngày 2-6-1954 và kho bom Tân Sơn Nhất.

Ở *đồng bằng Bắc Bộ*, bộ đội cùng với lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân vây đồn, diệt viện, tiêu diệt và làm tan rã quân địch, giải phóng nhiều huyện, buộc địch phải lần lượt rút khỏi Việt Trì ngày 16-6-1954, Thái Bình, Phát Diệm, Bùi Chu, Ninh Bình ngày 30-6-1954, Nam Định ngày 1-7-1954, Phú Lý ngày 3-7-1954... Phần lớn đồng bằng Bắc Bộ được giải phóng.

Cuộc *Tiến công chiến lược đông-xuân 1953 - 1954* đã loại khỏi vòng chiến đấu 112.000 tên địch trên các chiến trường, thu 19.000 súng các loại, phá 177 máy bay, 81 đại bác, giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ. Đây là chiến thắng to lớn nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cuộc tiến công chiến lược đông-xuân 1953 — 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp. Ngày 20-7-1954, Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương kết thúc. Hòa bình được lập lại ở Đông Dương trên cơ sở nước Pháp và các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia.

40. Thành tích chiến đấu tổng hợp của quân và dân ta trong kháng chiến chống thực dân pháp như thế nào?

Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc thắng lợi.

“Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời

cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới»¹.

Trong chín năm tiến hành chiến tranh xâm lược, bọn thực dân Pháp được đế quốc Mỹ ra sức giúp đỡ, đã tung vào chiến trường Đông Dương mọi lực lượng quân sự và phương tiện chiến tranh có thể huy động được, nhiều lần phải thay đổi chủ trương, kế hoạch chiến lược, bảy lần thay cao ủy, tám lần đổi tướng tổng chỉ huy quân viễn chinh, chính phủ Pháp dựng lên đồ xuống tới 20 lần nhưng cuối cùng vẫn không tránh khỏi thất bại.

Ở vào thời điểm huy động lực lượng cao nhất tháng 3-1954, thực dân Pháp đã sử dụng 191 tiểu đoàn (trong đó 84 tiểu đoàn lính Âu — Phi), 550 máy bay, 26 tiểu đoàn pháo binh, 10 trung đoàn xe tăng và xe bọc thép, 390 tàu chiến và ca-nô.

Trong chín năm xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã tiêu phí ngót 3.000 tỷ phrăng (tương đương khoảng bảy tỷ đô-la Mỹ), trung bình mỗi ngày tiêu phí gần một tỷ phrăng.

Trong năm năm (1950 — 1954), Mỹ đã viện trợ cho Pháp ngót 1.200 tỷ phrăng (2,7 tỷ đô-la), cung cấp cho Pháp 350 máy bay, 390 tàu chiến, 1.400 xe tăng, xe bọc thép, 16.000 ô-tô vận tải, 175.000 súng hạng nhẹ.

Trong chín năm kháng chiến, quân và dân ta đã giết, làm bị thương và bắt sống 561.900 tên địch (có 142.900 lính Âu — Phi); bắn rơi và phá hủy 435 máy bay; bắn cháy, bắn chìm 603 tàu chiến, ca-nô; phá hủy 344 khẩu pháo, 9.283 xe quân sự, 377 đầu máy xe lửa; thu 255 khẩu pháo, 504 xe quân sự, 130.415 súng các loại.

Trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, quân đội ta đã chiến thắng vẻ vang, lớn mạnh vượt bậc, xứng

1. Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 771.

dáng với lời tuyên dương của Quốc hội : « Quân đội nhân dân Việt Nam đã chiến đấu hết sức anh dũng trong những hoàn cảnh vô cùng gian khổ, đã lập được những chiến công rực rỡ, ghi vào lịch sử kháng chiến vĩ đại của dân tộc những trang lịch sử oanh liệt nhất, do đó đã đưa cuộc kháng chiến của dân tộc ta đến thắng lợi to lớn ngày nay »¹.

1. Điện của Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, khóa I, kỳ họp thứ 4 gửi Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 20-2-1955.

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

I. LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TỪ SAU HỘI NGHỊ GIƠ-NE-VƠ ĐẾN CAO TRÀO ĐỒNG KHÔI Ở MIỀN NAM (1954 – 1960)

41. Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, Đảng ta đã có những chủ trương gì về củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang?

Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, hòa bình được lập lại trên toàn cõi Đông Dương. Nhưng đất nước ta còn tạm bị chia làm hai miền: miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhưng miền Nam vẫn còn bị đế quốc và bọn tay sai thống trị.

Sau khi Pháp thua, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam, hất cẳng Pháp, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng nhằm ngăn chặn chủ nghĩa xã hội lan xuống Đông-Nam châu Á. Đồng thời chuẩn bị tiến công miền Bắc, thôn tính cả nước ta. Chúng trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân ta.

Trước tình hình đó, *Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng* tháng 9-1954 vạch rõ nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta là « củng cố miền Bắc; giữ vững và

đầy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam; nhằm củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc»¹. Đối với miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, củng cố quốc phòng, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đảng vạch rõ: Quân đội nhân dân là công cụ vững chắc để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hòa bình. Cho nên xây dựng quân đội là nhiệm vụ rất quan trọng của Đảng, Chính phủ và nhân dân ta. Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, tăng cường công tác chính trị. Giáo dục tình hình mới, chính sách mới, nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp, tăng cường đoàn kết, tăng cường kỷ luật, chỉnh đốn tổ chức, làm cho nội bộ trong sạch. Xây dựng quân đội nhân dân thành một quân đội cách mạng, chính quy, tương đối hiện đại, thích hợp với yêu cầu của tình thế mới. Công tác quan trọng thường xuyên là huấn luyện, đặc biệt là huấn luyện cán bộ. Chú trọng việc chỉnh đốn và xây dựng bộ đội địa phương; kết hợp phát động quần chúng mà chỉnh đốn, xây dựng dân quân.

42. Sau khi hòa bình được lập lại, quân đội ta đã thực hiện những nhiệm vụ gì?

Thi hành Hiệp định đình chiến, bộ đội ta ở phía nam vĩ tuyến 17 và bộ đội tình nguyện Việt Nam ở Cam-pu-chia và Lào đã thực hiện việc chuyển quân, tập kết đúng yêu cầu, đúng quy định, thể hiện tinh thần kỷ luật của quân đội cách mạng.

Quân đội ta vào tiếp quản các thành phố, thị xã và vùng do quân Pháp chiếm đóng, đã chấp hành nghiêm

1. Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng, tháng 9-1954.

chính 10 điều kỷ luật do Chính phủ đề ra, thực hiện tốt nhiệm vụ quân quản, phối hợp với lực lượng công an nhanh chóng thiết lập trật tự, trị an, bảo đảm tính mạng, tài sản của nhân dân, đấu tranh chống địch bắt người, cướp của, phá hoại tài sản công cộng.

Trước âm mưu của bọn phản động tay sai để quốc Mỹ cưỡng ép đồng bào theo đạo Ki-tô di cư vào Nam, nhiều đơn vị bộ đội đã tích cực thực hiện nhiệm vụ vận động quần chúng chống cưỡng ép di cư. Cán bộ, chiến sĩ ta tay không đi vào những vùng đồng bào có đạo bị bọn phản động tập trung và khống chế, kiên trì giải thích đường lối, chính sách của Đảng, vạch trần âm mưu của kẻ thù, dù bị kẻ địch tồ chức hành hung vẫn không nản lòng. Ở các vùng rừng núi, kẻ địch sau khi rút còn cài lại tay chân và tung biệt kích hòng gây phi, quấy rối, phá hoại hậu phương ta. Nhiều đơn vị bộ đội đã kiên trì cùng với công an và nhân dân tiểu phi, trừ gian, xây dựng cơ sở ở các vùng biên giới.

Bộ đội ta còn tham gia xây dựng, củng cố chính quyền ở thôn, xã, tích cực giúp đỡ nhân dân sản xuất, xây dựng cuộc sống mới, khắc phục hậu quả chiến tranh, chống thiên tai. Trong cuộc chiến đấu chống bão, lụt năm 1955 ở Kiến An, anh hùng liệt sĩ *Phạm Minh Đức* đã hy sinh thân mình để cứu dân, nêu gương sáng về tinh thần « vì nhân dân quên mình » của quân đội ta.

43. Kế hoạch xây dựng dài hạn lần thứ nhất của quân đội ta đã được thực hiện như thế nào ?

Tháng 3-1957, *Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 12* (mở rộng) vạch rõ phương hướng tăng cường lực lượng quốc phòng, xây dựng quân đội cách mạng chính quy và hiện đại, nhằm bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, sẵn sàng đập tan mọi âm

mưu xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai, và làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Chấp hành chủ trương của Đảng, từ khi hòa bình lập lại, quân đội ta đã bước vào *kế hoạch xây dựng dài hạn lần thứ nhất* (1956 — 1960). Nhiệm vụ và phương châm xây dựng lúc này là: Tích cực xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh, tiến dần từng bước lên chính quy và hiện đại.

Bộ đội miền Nam tập kết và bộ đội tình nguyện được xây dựng thành các sư đoàn 330, 338, 305, 324, 335. Các sư đoàn bộ binh được củng cố về tổ chức, tăng cường và đổi mới trang bị, xây dựng thành các sư đoàn tương đối hiện đại. Các binh chủng pháo binh, phòng không, công binh, thông tin đều phát triển. Một số binh chủng mới được thành lập: binh chủng hóa học ngày 18-4-1958, binh chủng thiết giáp ngày 5-10-1959, binh chủng ra-đa ngày 1-3-1959. Cơ sở đầu tiên của các quân chủng không quân, hải quân được xây dựng.

Các chế độ chính quy được ban hành. Tháng 4-1958, Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ 8 thông qua Luật quy định chế độ phục vụ của sĩ quan quân đội. Ngày 22-12-1958, hoàn thành việc phong quân hàm trong toàn quân. Tháng 4-1960, Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ 12 thông qua Luật nghĩa vụ quân sự, chính thức đưa quân đội ta chuyển từ chế độ tình nguyện sang chế độ nghĩa vụ quân sự. Từ năm 1955, trong quân đội lần lượt ban hành một số điều lệnh, điều lệ (dự thảo), đưa mọi sinh hoạt và hoạt động của quân đội đi dần vào nền nếp chính quy.

Công tác huấn luyện được coi trọng, đặc biệt đối với cán bộ. Hệ thống nhà trường chính quy được củng cố và phát triển, góp phần đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của quân đội.

Công tác huấn luyện bộ đội được tiến hành với nội dung và phương pháp chính quy, nhanh chóng nâng cao trình độ chiến thuật, kỹ thuật, khả năng chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của bộ đội. Từ năm 1957 quân đội ta đã tiến hành những cuộc diễn tập tác chiến hiệp đồng binh chủng với quy mô lớn.

Việc giáo dục chính trị được coi trọng, nhằm làm cho cán bộ, chiến sĩ quán triệt tình hình, nhiệm vụ mới của cách mạng, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa. Năm 1960, đề chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, quân đội ta lần đầu tiên tiến hành Đại hội Đảng các cấp từ cơ sở đến Đại hội Đảng toàn quân. Đây là một cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn và sâu sắc của Đảng bộ quân đội ta.

Vừa huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, quân đội ta vừa tích cực lao động sản xuất, xây dựng doanh trại, đồng thời góp phần xây dựng kinh tế, như tham gia xây dựng các nông trường Mộc Châu, Điện Biên Phủ, Xuân Mai... xây dựng công trình thủy lợi lớn Bắc—Hưng—Hải (1958—1959), khu gang thép Thái Nguyên (1960).

Năm 1958, dấy lên từ sư đoàn 305, phong trào thi đua « Tiến nhanh vượt mức kế hoạch » diễn ra sôi nổi trong toàn quân với khẩu hiệu hành động: Vươn lên hàng đầu, làm thêm việc, vượt mức thời gian, nâng cao hiệu suất công tác, học tập và năng suất lao động.

44. Sau hiệp nghị Giơ-ne-vơ, cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam chống Mỹ—ngụy đã diễn ra như thế nào?

Để quốc Mỹ phá hoại Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, thực hiện chính sách thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Chúng dùng viện trợ và hệ thống cố vấn đề can thiệp ngày càng sâu vào miền Nam Việt Nam. Chúng dựng lên chính

quyền bù nhìn tay sai, ra sức xây dựng quân nguy. Từ năm 1955 đến năm 1960, chúng viện trợ cho nguy quyền Sài Gòn 1.407 triệu đô-la, trong đó 70% là viện trợ quân sự; trang bị cho quân nguy 250 máy bay, gần 100 tàu chiến, 600 xe thiết giáp, 300 khẩu pháo. Chúng xây dựng và mở rộng hàng loạt căn cứ quân sự, sân bay, bến cảng cùng với hệ thống đường giao thông chiến lược. Chúng trực tiếp nắm việc tổ chức, huấn luyện và chỉ huy quân nguy. Theo lệnh chủ Mỹ, Ngô Đình Diệm điên cuồng dằn áp nhân dân bằng chính sách «tố cộng, diệt cộng». Với đạo luật phát-xít 10/59, chúng kéo lê máy chém đi khắp nơi, giết hại những người yêu nước. Chúng gây ra những vụ tàn sát đẫm máu ở Ngân Sơn, Chí Thạnh, Mỏ Cày, Chợ Đước, Củ Chi... Chúng lập ra hàng ngàn nhà tù và trại tập trung để giam cầm những người yêu nước.

Chấp hành đường lối của Đảng, nhân dân ta ở miền Nam kiên trì đấu tranh chính trị với địch, đòi hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất nước nhà, đòi cải thiện dân sinh, đòi tự do, dân chủ, chống khủng bố, chống cướp đất, đuổi nhà...

Từ giữa năm 1956, trước những âm mưu và hành động trắng trợn phá hoại Hiệp nghị Giơ-ne-vơ của địch, kế thừa và phát triển kinh nghiệm của thời kỳ trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, các đội vũ trang tuyên truyền lần lượt ra đời ở miền đông, miền trung và miền tây Nam Bộ, nhằm xây dựng và củng cố cơ sở, hỗ trợ quần chúng đấu tranh. Các đơn vị vũ trang đã đánh một số trận đầu tiên diệt tề, trừ gian, chống địch càn quét như trận tiến công thị trấn Minh Thạnh (Thủ Dầu Một) ngày 10-8-1957, trận phục kích diệt một đại đội địch ở Lò Than (Biên Hòa) tháng 12-1957, trận tiến công đánh chiếm quận lỵ Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một) ngày 10-10-1958,

trận tập kích trụ sở phái đoàn Mỹ MAAG ở Biên Hòa ngày 25-10-1958.

Giữa năm 1958, Bộ tư lệnh miền đông Nam Bộ chính thức thành lập.

45. Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng đã có những quyết định quan trọng gì?

Tháng 1-1959, *Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15* đề kiểm điểm tình hình và đề ra phương hướng cho cách mạng miền Nam.

Hội nghị nêu lên hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và sự liên hệ khăng khít giữa hai nhiệm vụ chiến lược ấy.

Hội nghị vạch rõ con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là bạo lực. Trong tình hình cụ thể và yêu cầu lúc này, đường lối bạo lực là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang hoặc nhiều hoặc ít (tùy tình hình) để đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng mở đường cho cách mạng miền Nam đi đến thắng lợi. Nghị quyết được phổ biến đến đâu, phong trào cách mạng tiến công dấy lên ở đấy.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15, Trung ương Đảng đã có những quyết định cụ thể nhằm tăng cường lực lượng cho miền Nam.

Trung ương Đảng cử ngay 1.500 cán bộ quân sự từ cơ sở đến cấp trung đoàn đã được huấn luyện và chọn lọc kỹ vào chiến đấu ở miền Nam.

Tháng 5-1959, Trung ương Đảng quyết định thành lập Đoàn 559. Đoàn có nhiệm vụ mở đường dọc Trường Sơn

bảo đảm cho các đoàn cán bộ, các đoàn quân vào Nam chiến đấu, đồng thời bảo đảm việc vận chuyển lương thực, đạn dược, vật tư kỹ thuật từ miền Bắc vào miền Nam.

Đoàn 559 (sau này còn mang các tên: Bộ đội Trường Sơn, Đoàn vận tải quân sự Quang Trung) đã có thành tích to lớn bảo đảm mạch máu Bắc Nam không ngừng lưu thông, phục vụ đắc lực cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam đi đến thắng lợi. Đường của Đoàn 559 được vinh dự mang tên Bác: *Đường Hồ Chí Minh*.

Tháng 7-1959, Đoàn 759 được thành lập, với nhiệm vụ vận chuyển, tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam theo đường biển, vượt qua sóng gió và sự phong tỏa của hải quân, không quân địch.

Ngay trong những năm đầu, Đoàn 759 đã đưa được một khối lượng lớn vũ khí, trang bị, vật tư vào Khu 5, Nam Bộ, góp phần tăng cường sức chiến đấu của lực lượng vũ trang và nhân dân ta ở miền Nam.

46. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng đã diễn ra như thế nào?

Trà Bồng là một huyện thuộc miền tây tỉnh Quảng Ngãi, vốn là một vùng căn cứ vững mạnh của ta trong kháng chiến chống Pháp.

Từ tháng 7-1959, dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng, chấp hành chủ trương của tỉnh ủy Quảng Ngãi, nhân dân Trà Bồng tích cực chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng nổi dậy diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ.

Ngày 13-8-1959, nhân dân hai xã Trà Giang, Trà Thủy kéo xuống quận lỵ, biểu tình phản đối trò hề « bầu cử quốc hội » của Mỹ — ngụy. Địch đàn áp quần chúng biểu tình; mấy ngày sau, chúng đưa quân lên khủng bố, bắn giết nhân dân, đốt phá xóm làng. Dưới sự lãnh đạo của

dăng bộ địa phương, nhân dân lên núi cao chuẩn bị đánh địch.

Ngày 28-8-1959, nhân dân các xã Trà Quan, Trà Thanh, Trà Phong, Trà Nham vùng dậy, dùng vũ khí thô sơ diệt địch. Cuộc khởi nghĩa nhanh chóng lan ra khắp 16 xã vùng cao. Quân địch ở nhiều nơi sợ hãi bỏ đồn tháo chạy, chúng chỉ còn cố thủ ở quận lỵ và hai đồn Éo Chim và Éo Reo.

Ngày 29-8-1959, hàng nghìn quần chúng đã cùng với đơn vị vũ trang 339 đánh chiếm hai đồn Éo Chim và Éo Reo, diệt hơn 100 tên địch, phá hủy đồn. Ngụy quyền ở thôn xã tan rã hoàn toàn. Các ủy ban nhân dân tự quản lần lượt được thành lập.

Từ Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa nhanh chóng lan ra các huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ ở miền tây Quảng Ngãi.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng báo hiệu một thời kỳ mới của cách mạng miền Nam: thời kỳ chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

47. Cuộc đồng khởi của nhân dân tỉnh Bến Tre đã diễn ra như thế nào?

Quán triệt Nghị quyết Hội Nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng, ngày 2-1-1960, tỉnh ủy tỉnh Bến Tre quyết định phát động toàn dân *đồng khởi*, diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp, giành quyền làm chủ. Trọng điểm của cuộc đồng khởi là cù lao Minh gồm ba huyện Minh Tân, Mỏ Cày, Thạnh Phú.

Theo chủ trương của tỉnh ủy, sáng ngày 17-1-1960, cuộc nổi dậy bắt đầu từ xã Định Thủy rồi lan nhanh ra khắp các xã thuộc ba huyện Mỏ Cày, Thạnh Phú, Minh Tân. Quân địch bỏ đồn rút chạy. Sau hai ngày ta giải

phóng hoàn toàn ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh.

Trong cuộc đồng khởi của nhân dân Bến Tre, ngày 19-1-1960, đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh được thành lập. Ngày 24-2-1960, lực lượng vũ trang và nhân dân đánh lui 3.000 quân địch càn quét vào ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh. Trong trận này súng «ngựa trời»¹ lần đầu tiên xuất hiện, gây kinh hoàng cho quân địch.

Với lực lượng gồm 18 tổ chức cơ sở Đảng, 162 đảng viên, cán bộ và bốn khẩu súng, tỉnh Bến Tre đã dấy lên phong trào nổi dậy mạnh mẽ, phá vỡ hệ thống kìm kẹp của địch ở xã ấp, giành quyền làm chủ. Từ Bến Tre, cuộc đồng khởi lan nhanh ra khắp các tỉnh ở Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở trung Trung Bộ, làm tan rã hai phần ba chính quyền địch ở cơ sở.

48. Lực lượng vũ trang đã có những trận đánh lớn nào để hỗ trợ phong trào nổi dậy của nhân dân?

Dề hỗ trợ phong trào nổi dậy của nhân dân, từ cuối năm 1959 đến đầu năm 1960, lực lượng vũ trang đã đánh nhiều trận, tiêu diệt nhiều địch, đáng kể nhất là các trận Gò Quảng Cung và Tua Hai.

Trận Gò Quảng Cung tháng 9-1959: Tiều đoàn 502 bộ đội địa phương tỉnh Kiến Phong, chặn đánh quân địch hành quân càn quét vào vùng căn cứ của ta ở Gò Quảng Cung thuộc xã Tân Hội Cơ (Kiến Phong — Long Châu Sa). Với quyết tâm cao và kỹ thuật điều luyện, bộ đội ta chống xường lao vào đội hình địch chia cắt ra từng mảnh,

1. Súng ngựa trời: do một chiến sĩ du kích Bến Tre chế ra, có chân, nòng bằng ống sắt dài, nhồi thuốc đạn và nạp mảnh thủy tinh, gang, sắt vụn, bi xe đạp... ngâm nước tiều và đầu rắn độc, dùng dây giật cò. Một phát súng ngựa trời có thể sát thương hàng chục tên địch.

tiêu diệt hoàn toàn một tiểu đoàn quân chính quy nguy, bắt sống tên tiểu đoàn trưởng và hàng trăm sĩ quan, binh lính địch, thu toàn bộ vũ khí.

Trận Gò Quảng Cung nổ tiếng súng đầu tiên báo hiệu một thời kỳ đấu tranh mới của nhân dân ta ở Đồng Tháp Mười và miền trung Nam Bộ, hỗ trợ mạnh mẽ nhân dân hai tỉnh Kiến Phong, Kiến Tường nổi dậy giành quyền làm chủ.

Trận Tua Hai ngày 16-1-1960: Tua Hai là một cứ điểm lớn nằm trên đường chiến lược số 22, cách thị xã Tây Ninh khoảng năm ki-lô-mét. Lực lượng địch ở đây có trên một trung đoàn và một số lớn tân binh đang huấn luyện.

Lực lượng ta gồm có một tiểu đoàn thuộc Khu 7 (C. 500), một số đơn vị bộ đội địa phương và một đơn vị đặc công. Ta dùng đặc công có binh lính địch làm nội ứng giúp sức từ trong đánh ra, kết hợp với lực lượng lớn từ ngoài đánh vào, lần lượt đánh chiếm từng khu nhà, diệt phần lớn quân địch, thu toàn bộ vũ khí. Kết quả trận đánh, ta diệt 400 địch, bắt sống 500 tên, thu 1.200 súng các loại.

Chiến thắng Tua Hai đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đồng khởi của nhân dân ta ở miền Nam.

II. LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CÙNG VỚI TOÀN DÂN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC « CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT » CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1960 – 1964)

49. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã có những quyết định gì về đường lối, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ lực lượng vũ trang?

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 12-9-1960. Đại hội

đã tổng kết những kinh nghiệm cơ bản của cách mạng Việt Nam và khẳng định: « Trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù là nhỏ yếu, nhưng một khi đã đoàn kết đứng lên kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của chính Đảng Mác—Lê-nin đề giành độc lập và dân chủ, thì có đầy đủ lực lượng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược ».

Dại hội đã vạch ra nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là: « Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông — Nam châu Á và thế giới ».

Dại hội chỉ rõ tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà của nhân dân ta. Đi đôi với việc xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, cần ra sức giữ vững và phát triển lực lượng cách mạng ở miền Nam.

Về nhiệm vụ củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang, Đại hội vạch rõ phải có sự cố gắng chung của toàn Đảng, toàn dân và của tất cả các ngành trong bộ máy Nhà nước đề kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng. Phải có kế hoạch bảo đảm những nhu cầu về vật chất và kỹ thuật của quân đội, bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu. Quân đội nhân dân phải là một quân đội chính quy, hiện đại, số lượng có thể giảm nhưng chất lượng phải cao. Phải có một đội ngũ cán bộ với số lượng đầy đủ, có chất lượng cao về chính trị, giỏi về tổ chức, chỉ huy, về kỹ thuật chuyên môn. Trong điều kiện

chiến tranh hiện đại và trong tình hình mới, dân quân tự vệ vẫn là một lực lượng chiến lược.

50. Kế hoạch xây dựng dài hạn lần thứ hai của quân đội ta đã được thực hiện như thế nào ?

Chấp hành Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, trong khi nhân dân ta ở miền Bắc bước vào thực hiện kế hoạch xây dựng kinh tế năm năm lần thứ nhất, quân đội ta khẩn trương triển khai thực hiện *Kế hoạch xây dựng dài hạn lần thứ hai (1961-1965)*. Nhiệm vụ và phương châm là: Xây dựng quân đội tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chính quy, hiện đại.

Các sư đoàn bộ binh tiếp tục được kiện toàn, củng cố; các binh chủng, quân chủng phát triển và mở rộng, trang bị kỹ thuật được tăng cường. Bộ đội được huấn luyện cơ bản theo phương thức tác chiến chính quy, hiệp đồng binh chủng phù hợp với điều kiện cụ thể của ta. Trong huấn luyện, đã nảy nở phong trào thi đua « Ba nhất », đẩy lên từ tháng 6-1960 tại đại đội 2 pháo binh đoàn Vinh Quang (sư đoàn 304) rồi nhanh chóng lan rộng ra toàn quân. Với mục tiêu: giành lấy thành tích « nhiều nhất, đều nhất, giỏi nhất », phong trào thi đua « Ba nhất » thực sự là một cuộc tiến quân mạnh mẽ vào khoa học, kỹ thuật quân sự, nhằm nâng cao sức chiến đấu của quân đội ta.

Vừa huấn luyện, quân đội ta vừa sẵn sàng chiến đấu. Với tinh thần cảnh giác cao, ngày 2-7-1961, lần đầu tiên lực lượng phòng không của ta bắn rơi chiếc máy bay C.47 của Mỹ — ngụy tại Kim Sơn (Ninh Bình), tiêu diệt và bắt sống toàn bộ bọn gián điệp, biệt kích đi trên máy bay.

Vừa xây dựng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ miền Bắc, quân đội ta vừa ra sức tăng cường người và vũ khí cho lực lượng chiến đấu ở miền Nam. Đến cuối năm 1960, đã có gần 40.000 cán bộ và nhân viên kỹ thuật được huấn

luyện và lựa chọn kỹ đưa vào chiến đấu ở các chiến trường, cùng với 165.000 súng các loại và trên 2.000 tấn đạn dược.

51. Quân và dân ta ở miền Nam đã tiến hành chiến tranh cách mạng chống lại « chiến tranh đặc biệt » của đế quốc Mỹ như thế nào ?

Đề đối phó với cao trào đồng khởi của nhân dân miền Nam, đế quốc Mỹ ra sức thực hiện chiến lược « chiến tranh đặc biệt ». Đó là loại chiến tranh dùng quân nguy làm lực lượng chủ yếu với vũ khí, trang bị hiện đại của Mỹ, do Mỹ vạch kế hoạch và chỉ huy. Kế hoạch đầu tiên của chúng là kế hoạch Xta-lây — Tay-lo với tham vọng bình định miền Nam trong 18 tháng, bằng ba biện pháp cơ bản :

— Dồn dân lập ấp chiến lược nhằm kiểm soát nhân dân, cô lập và tiêu diệt lực lượng cách mạng. Chúng coi đây là « quốc sách », là xương sống của « chiến tranh đặc biệt ».

— Ngăn chặn, hạn chế sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.

— Tăng cường lực lượng quân nguy. Càn quét, bao vây hòng tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng bằng các chiến thuật « trực thăng vận » và « thiết xa vận ».

Đề chống lại chiến lược « chiến tranh đặc biệt » của địch, những cuộc « đồng khởi » của nhân dân miền Nam đã nhanh chóng phát triển thành chiến tranh cách mạng. Quân và dân ta kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, nổi dậy và tiến công, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược : rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, đánh địch bằng ba mũi giáp công : quân sự, chính trị và binh vận đề đánh bại chính sách lập ấp chiến lược và các thủ đoạn chiến tranh của địch.

52. Quân và dân ta đã phá chính sách lập ấp chiến lược của địch như thế nào?

Ngay từ khi địch thi hành chính sách lập ấp chiến lược, các lực lượng vũ trang đã cùng với nhân dân dùng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận để phá âm mưu địch. Cuộc đấu tranh chống địch gom dân, lập ấp và phá ấp chiến lược của địch diễn ra rất quyết liệt. Nhiều ấp ta phải phá đi, phá lại nhiều lần.

Việc phá ấp chiến lược có nhiều mức độ khác nhau, từ phá lỏng, phá banh, phá rã đến phá dứt diềm¹.

Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của quân và dân ta, «quốc sách ấp chiến lược» của địch nhanh chóng bị phá sản. Chúng dự định đến cuối năm 1962 lập trên toàn miền Nam 17.000 ấp chiến lược, nhưng chỉ lập được 3.000 ấp. Ta phá lỏng, phá rã gần 1.000 ấp, phá dứt diềm 300 ấp và biến 200 ấp thành làng chiến đấu.

Kế hoạch Xta-lây-Tay-lo phá sản, đế quốc Mỹ lại vạch kế hoạch Giôn-xon — Mắc Na-ma-ra nhằm bình định miền Nam trong vòng hai năm (1964 — 1965) và dự định tập trung cố gắng lập bằng được 8.000 ấp chiến lược. Nhưng đến cuối năm 1964, 90% số ấp địch lập ra đã bị ta phá.

53. Chiến thắng Ấp Bắc có ý nghĩa quan trọng như thế nào?

Ấp Bắc là một ấp nhỏ chưa đầy 600 dân thuộc xã Tân Phú, quận Cai Lậy (Mỹ Tho).

1. *Phá lỏng* là làm giảm hiệu lực kìm kẹp của địch. *Phá banh* là phá vỡ một phần, làm cho địch không kiểm soát có hiệu lực được nữa. *Phá rã* là phá vỡ về cơ bản, giải thoát số đông nhân dân. *Phá dứt diềm* là phá hoàn toàn, phá không cho địch có thể lập lại được nữa.

Ngày 2-1-1963, địch huy động nhiều tiểu đoàn bộ binh, một đại đội pháo 105 ly, một đại đội xe thiết giáp M.113, 13 tàu chiến và 21 máy bay các loại, tất cả trên 2.000 tên do một tên thiếu tướng Mỹ chỉ huy, mở cuộc càn quét lớn vào Ấp Bắc. Lực lượng ta có khoảng 200 người thuộc đại đội 1, tiểu đoàn 261 (Khu 8) và đại đội 1, tiểu đoàn 514, bộ đội địa phương tỉnh Mỹ Tho.

Địch cho máy bay, pháo binh bắn phá dữ dội rồi dùng máy bay lên thẳng đổ quân, dùng xe thiết giáp tiến công vào ấp. Các chiến sĩ ta cùng với du kích và nhân dân anh dũng bám trụ chiến đấu từ sáng sớm đến gần tối, đập tan cuộc càn quét quy mô lớn của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 450 tên địch, trong đó có 13 sĩ quan Mỹ, bắn rơi sáu máy bay, phá hủy ba xe M.113, bắn chìm một tàu chiến.

Chiến thắng Ấp Bắc đánh dấu sự trưởng thành nhanh chóng của lực lượng vũ trang ta ở miền Nam và chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng thắng Mỹ về quân sự trong “chiến tranh đặc biệt”.

54. Trong phong trào «Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công», lực lượng vũ trang ta ở miền Nam đã lập được những chiến công mới nào?

Sau chiến thắng Ấp Bắc, từ tháng 4 năm 1963, một phong trào rộng lớn lấy tên là «Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công» đã được phát động. Trong phong trào này, lực lượng vũ trang ta ở miền Nam đã lập thêm nhiều chiến công mới. Một số trong những trận đó là:

Trận Dầm Dơi, Cái Nước ngày 10-9-1963: Cùng một lúc, ta tiến công hai chỉ khu quân sự địch Cái Nước và Dầm Dơi, tiêu diệt và làm tan rã gần 600 địch, bắn rơi năm máy bay, thu nhiều vũ khí.

Trận Lộc Ninh ngày 19-10-1963 : Lực lượng vũ trang cùng với nhân dân chống cuộc đổ quân lớn của địch bằng máy bay lên thẳng ở Lộc Ninh (Bạc Liêu), giết 600 địch, làm bị thương 184 tên, bắn rơi bốn máy bay. Trận Lộc Ninh được gọi là trận Ấp Bắc thứ hai của lực lượng vũ trang ta ở miền Nam.

Trận Hiệp Hòa ngày 23-11-1963 : Lực lượng vũ trang ta, với sự phối hợp của một số binh sĩ yêu nước trong quân ngụy, đã tiến công đánh chiếm trại huấn luyện quân sự đặc biệt của địch ở Hiệp Hòa, cách Sài Gòn 40 ki-lô-mét, diệt 255 tên địch, thu hơn 400 súng.

Trận Chà Là ngày 24-11-1963 : Lực lượng vũ trang ta tiến công tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm Chà Là (Cà Mau), giết 100 địch, bắt sống 60 tên, thu 100 súng; sau đó chặn đánh năm tiểu đoàn địch đổ bộ bằng máy bay lên thẳng, diệt 240 địch bắt sống 60 tên, bắn rơi 18 máy bay.

Trận Vĩnh Thuận ngày 11-4-1964 : Lực lượng vũ trang được nhân dân giúp sức tiêu diệt toàn bộ chi khu quân sự Vĩnh Thuận (Rạch Giá), sau đó suốt trong ba ngày, liên tiếp chặn đánh nhiều đợt đổ quân cứu viện bằng máy bay lên thẳng của địch, tiêu diệt và bắt sống trên 1.000 địch, bắn rơi hai máy bay.

Quân và dân ta còn bẻ gãy nhiều cuộc càn quét quy mô lớn của Mỹ-ngụy ở Thanh Phú (Bến Tre) tháng 1-1964, Thường Phước (Châu Đốc) tháng 3-1964, Măng Xim (Quảng Ngãi) tháng 4-1964, làm phá sản hoàn toàn thủ đoạn càn quét bằng « trục thăng vận » và « thiết xa vận » của Mỹ-ngụy trong chiến tranh đặc biệt.

Ở các đô thị, các đơn vị biệt động đánh hàng loạt trận tập kích xuất sắc vào hang ổ của giặc Mỹ, tiêu diệt nhiều sĩ quan, nhân viên kỹ thuật và phương tiện chiến tranh hiện đại của chúng, nổi bật là các trận đánh chìm tàu sân bay Ca-dơ trọng tải 15.000 tấn ngày 2-5-1964, đánh rạp chiếu bóng Kinh Đô ngày 16-2-1964, đánh khách sạn Ca-ra-ven

ngày 25-8-1964, tập kích sân bay Tân Sơn Nhất ngày 18-11-1964, đánh khách sạn Brinh-cơ ngày 24-12-1964, đánh tòa nhà đại sứ Mỹ ngày 30-3-1965 tại Sài Gòn. Trong các hoạt động của lực lượng biệt động Sài Gòn, đã xuất hiện gương bất khuất của chiến sĩ biệt động Nguyễn Văn Trỗi, bị địch bắt trong lúc làm nhiệm vụ đặt mìn đánh cầu Công Lý và bị chúng đưa ra trường bắn ngày 15-10-1964, đã hiên ngang kết án bọn cướp nước và bán nước.

Trong lực lượng vũ trang cũng xuất hiện cách đánh độc lập, luồn sâu, đánh hiểm, hiệu suất cao của các đơn vị pháo binh tinh nhuệ, bất ngờ tập kích vào các căn cứ quân sự quan trọng của địch. Nổi bật là trận tập kích hỏa lực vào sân bay Biên Hòa ngày 31-10-1964. Với bảy khẩu cối 81, 12 khẩu ĐKZ.75, hai sơn pháo 70 mi-li-mét và 146 viên đạn, chỉ trong 20 phút pháo binh ta tiêu diệt gần 300 tên Mỹ, phá hủy 59 máy bay (có 20 máy bay ném bom B.57) và hai kho bom đạn lớn.

Phối hợp chặt chẽ với cuộc chiến đấu của lực lượng vũ trang, đội quân chính trị quần chúng sử dụng nhiều hình thức và phương pháp đấu tranh thích hợp đã góp phần bẻ gãy nhiều cuộc hành quân càn quét của địch.

55. Trong chiến đấu chống «chiến tranh đặc biệt» của đế quốc Mỹ, các lực lượng vũ trang ta ở miền Nam đã phát triển, trưởng thành như thế nào?

Từ phong trào đồng khởi của nhân dân miền Nam, lực lượng vũ trang phát triển nhanh chóng, từ những đội vũ trang tuyên truyền phân tán, hoạt động lẻ, xây dựng thành những đại đội, tiểu đoàn địa phương của huyện, tỉnh. Từ năm 1963, chấp hành chủ trương của Đảng, các đơn vị chủ lực được khẩn trương xây dựng từ các lực.

lượng vũ trang địa phương tập trung lại và lực lượng bổ sung từ miền Bắc vào. Đến cuối năm 1964, ở Nam Bộ và Khu 5 đã có ba trung đoàn chủ lực. Trên chiến trường miền Nam, ba thứ quân hình thành và phát triển mạnh mẽ.

Về vũ khí, trang bị, từ những khẩu «mút nhét»¹, «súng ngựa trời», «súng giàn thun»² thời đồng khởi, lực lượng vũ trang đã có những vũ khí tương đối hiện đại lấy được của địch và bổ sung từ miền Bắc vào. Về hỏa lực, các đơn vị pháo binh được xây dựng với các loại pháo mang vác: cối 81, 82, ĐKZ.75, sơn pháo 70, 75 mi-li-mét. Ở đông Nam Bộ, đoàn pháo binh Biên Hòa có bốn tiểu đoàn pháo mặt đất, một đại đội súng máy cao xạ. Ở Tây Nguyên có một tiểu đoàn pháo binh.

56. Chiến thắng Bình Giã có ý nghĩa chiến lược to lớn như thế nào?

Trên đà phát triển mạnh mẽ của các cuộc đấu tranh chính trị và quân sự trên khắp ba vùng chiến lược, tháng 12-1964, các lực lượng vũ trang và nhân dân miền Nam lại giành thắng lợi lớn trong trận *Bình Giã* (Bà Rịa), từ ngày 5-12-1964 đến ngày 3-1-1965.

Lực lượng tham gia gồm các trung đoàn chủ lực 1, 2 và trung đoàn Đồng Nai (Khu 7). Đây là trận đánh tập trung lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực ta ở miền Nam.

Ngày 5-12-1964, bộ đội ta tiến công chi khu quân sự Đức Thạnh và ấp chiến lược Bình Giã; ngày 8-12-1964, tiến công quận lỵ Đất Đỏ. Tiếp đó liền trong sáu ngày

1. Mút nhét: Loại súng trường tự tạo, mỗi lần bắn phải nhét đạn, bắn xong phải thụt vỏ đạn ra để nhét tiếp viên khác.

2. Súng giàn thun: do du kích Mỹ Tho sáng chế theo kiểu súng cao-su của trẻ con chơi, có thể phóng lựu đạn đi xa 100 – 150 mét.

từ 28-12-1964 đến 2-1-1965, ta chặn đánh quân địch đến cứu viện.

Kết quả trận đánh, ta tiêu diệt gọn hai tiểu đoàn thuộc lực lượng dự bị chiến lược và một chi đoàn xe bọc thép M.113 của quân ngụy, bắn rơi 24 máy bay, phá hủy 37 xe quân sự.

Trận Bình Giã là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược lớn, đánh dấu sự phá sản của chiến lược « chiến tranh đặc biệt » của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam, phản ánh một bước phát triển nhảy vọt mới của lực lượng vũ trang nhân dân ta ở miền Nam.

Tiếp sau chiến thắng Bình Giã, quân và dân ta ở miền Nam tiếp tục đánh những trận tiêu diệt từng đơn vị lớn chủ lực quân ngụy. Nổi bật là trận Ba Gia (Quảng Ngãi) trong ba ngày từ 29 đến 31-5-1965 tiêu diệt bốn tiểu đoàn tinh nhuệ của địch; trận Đồng Xoài (bắc Biên Hòa) trong ba ngày từ 9 đến 12-6-1965 tiêu diệt ba tiểu đoàn quân chính quy ngụy, bắn rơi 16 máy bay, phá hủy sáu xe bọc thép.

Chiến lược « chiến tranh đặc biệt » của đế quốc Mỹ đã bị quân và dân ta đánh bại.

III. LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CÙNG VỚI TOÀN DÂN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC « CHIẾN TRANH CỤC BỘ » CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1968)

57. Trước tình hình mới, Đảng ta đã có những chủ trương gì để đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

Bị thất bại trong việc thực hiện chủ nghĩa thực dân mới bằng « chiến tranh đặc biệt », đế quốc Mỹ liền lĩnh chuyển sang chiến tranh cục bộ ở miền Nam và gây chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền

Bắc nước ta. Chúng ồ ạt đưa hàng chục vạn quân Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam, tăng nhanh quân nguy. Chúng huy động hàng nghìn máy bay hiện đại, cùng với phần lớn lực lượng của hạm đội 7 để đánh phá miền Bắc.

Trong các cuộc *Hội nghị lần thứ 11* tháng 3-1965, *Hội nghị lần thứ 12* tháng 12-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phân tích một cách khoa học lực lượng so sánh giữa ta và địch và khẳng định: Do những thất bại nặng nề của địch và những thắng lợi to lớn của ta, ngày nay mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh Mỹ, lực lượng so sánh giữa ta và địch về căn bản không thay đổi. Nhân dân ta đã có những cơ sở chắc chắn để giữ vững thế chủ động trên chiến trường, có điều kiện để đánh bại mọi âm mưu trước mắt và lâu dài của địch.

Xuất phát từ những nhận định đó, Trung ương Đảng nêu cao quyết tâm động viên quân đội và nhân dân cả nước giữ vững chiến lược tiến công, nêu cao ý chí tự lực tự cường, phát huy sức mạnh của mình và ra sức tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, « kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà »¹.

Ngày 20-7-1965, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi nhân dân cả nước « đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu; dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn ». Ngày 17-7-1966, Người ra lời kêu gọi lịch sử, nêu lên chân lý sáng ngời « *Không có gì quý hơn độc*

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Đảng tháng 12-1965.

lập, tự do», động viên đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

58. Trận đầu đánh thắng không quân và hải quân Mỹ đến gây tội ác ở miền Bắc đã diễn ra như thế nào?

Ngày 2-8-1964, đế quốc Mỹ cho tàu khu trục Ma-dốc xâm phạm vùng biển miền Bắc nước ta giữa Hòn Mê và Lạch Trường (Thanh Hóa). Trong trận đầu tiên đối mặt với hải quân Mỹ, hải quân nhân dân ta đã mưu trí, dũng cảm bắn bị thương tàu Ma-dốc, đuổi nó chạy ra khỏi vùng biển nước ta.

Ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ dựng lên cái gọi là «sự kiện vịnh Bắc Bộ», lấy cớ cho từng đoàn máy bay đến ồ ạt đánh phá các khu vực Vinh — Bến Thủy (Nghệ An), thị xã Hòn Gai (Quảng Ninh), cửa Lạch Trường (Thanh Hóa) và cửa sông Gianh (Quảng Bình).

Bộ đội phòng không, hải quân cùng với dân quân, tự vệ, công an nhân dân vũ trang đã anh dũng đánh trả không quân địch, giáng cho chúng đòn phủ đầu đích đáng: bắn rơi tám máy bay phản lực hiện đại của Mỹ, bắt sống tên giặc lái Mỹ đầu tiên trên miền Bắc.

Phát huy truyền thống của ngày 5-8, trong trận đánh trả máy bay Mỹ đến bắn phá vùng Chà Lò thuộc miền tây Quảng Bình ngày 18-11-1964, đại đội 3 pháo cao xạ đã anh dũng chiến đấu, bắn rơi ba máy bay Mỹ. Trong trận này, chính trị viên đại đội Nguyễn Viết Xuân đã hiên ngang đứng vững giữa bom rơi đạn nổ, hô lớn khẩu hiệu bất diệt: «Nhằm thẳng quân thù, bắn!». Bị thương nặng, anh nhờ đồng đội cắt bỏ một chân bị giập nát, tiếp tục động viên đơn vị chiến đấu.

59. Quân và dân ta đã đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của giặc Mỹ ở miền Bắc như thế nào?

Từ ngày 7-2-1965, đế quốc Mỹ bắt đầu tiến hành chiến tranh phá hoại ở miền Bắc nước ta một cách liên tục, có

hệ thống, hòng ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm giảm sút quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Chúng huy động một lực lượng lớn không quân và hải quân với các loại vũ khí hiện đại. Chúng đánh phá ác liệt tất cả các thành phố, hầu hết các thị xã, tất cả các khu công nghiệp và các tuyến giao thông vận tải đường sắt, đường bộ của ta, gây nhiều tội ác man rợ đối với nhân dân ta. Chúng huênh hoang tuyên bố «dây lùi miền Bắc xã hội chủ nghĩa trở lại thời kỳ đồ đá».

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại hết sức dũng cảm và sáng tạo, thực hiện toàn dân bắn máy bay và tàu chiến địch, toàn dân bảo đảm giao thông vận tải, toàn dân vừa chiến đấu vừa sản xuất, vừa bảo vệ hậu phương vừa phục vụ tiền tuyến.

Ngày 5-8-1964, bộ đội pháo cao xạ bắn rơi chiếc máy bay Mỹ đầu tiên ở cửa sông Lam (Nghệ An).

Ngày 3 và 4-4-1965, không quân nhân dân lần đầu xuất kích đã liên tiếp bắn rơi bốn máy bay phản lực hiện đại của giặc Mỹ trên vùng trời Thanh Hóa.

Ngày 24-7-1965, bộ đội tên lửa lần đầu ra quân đã đánh thắng, bắn rơi một máy bay phản lực, bắt sống giặc lái tại Vĩnh Phú.

Các lực lượng dân quân, tự vệ bắn rơi nhiều máy bay Mỹ bằng súng bộ binh: Ngày 15-3-1965, dân quân xã Diễn Hùng, Diễn Châu (Nghệ An), là đơn vị dân quân đầu tiên trên miền Bắc bắn rơi một máy bay phản lực Mỹ bằng súng bộ binh. Ngày 16-6-1967, trung đội dân quân gái xã Hoa Lộc, Hậu Lộc (Thanh Hóa) là đơn vị dân quân gái đầu tiên trên miền Bắc bắn rơi một máy bay phản lực Mỹ. Ngày 14-10-1967, trung đội lão dân quân xã Hoằng Trường, Hoằng Hóa (Thanh Hóa) là đơn vị lão

dân quân đầu tiên trên miền Bắc bắn rơi một máy bay phản lực Mỹ.

Các lực lượng vũ trang ta đánh trả mãnh liệt hải quân Mỹ xâm phạm và gây tội ác ở vùng biên miền Bắc. Ngày 1-2-1965 đại đội 13 pháo binh Vĩnh Linh bắn chìm chiếc tàu biệt kích đầu tiên của Mỹ-ngụy. Ngày 13-4-1967, các đơn vị thuộc trung đoàn pháo binh 204 bắn cháy tàu khu trục Túc-nơ Gioi của Mỹ ở vùng biển Thanh Hóa; ngày 26-10-1968 lại bắn bị thương chiến liệt hạm Niu Giơ-di trọng tải 58.000 tấn. Nổi bật là thành tích của đại đội pháo binh dân quân gái xã Ngư Thủy (Quảng Bình), ba lần nổ súng vào các ngày 7-2, 27-3, và 16-5-1968 bắn cháy hai tàu khu trục Mỹ.

Trong cuộc chiến đấu chống không quân và hải quân Mỹ, một tấm gương tiêu biểu ý chí quyết chiến quyết thắng của quân đội ta là đảo Cồn Cỏ anh hùng, có đợt suốt 39 ngày đêm đương đầu với hàng ngàn lượt đánh phá ác liệt của máy bay và tàu chiến Mỹ, bám trụ kiên cường, lập công xuất sắc, trong bốn năm chiến tranh phá hoại bắn rơi 48 máy bay, nhiều lần đánh đuổi và bắn cháy tàu chiến địch.

Trên mặt trận giao thông vận tải, dưới bom đạn của giặc Mỹ, các lực lượng công binh, vận tải cùng với cán bộ, công nhân ngành giao thông, thanh niên xung phong và nhân dân nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, anh dũng bám đường, bám cầu, phà, trọng điểm, bảo đảm mạch máu giao thông thông suốt trong mọi hoàn cảnh, phục vụ tốt nhiệm vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống nhân dân.

Tuyến đường chiến lược mang tên Bác Hồ chạy dọc dãy Trường Sơn nối liền Nam Bắc không những được giữ vững mà còn phát triển, mở rộng thành một mạng đường bộ, đường ống, đường sông tương đối hoàn chỉnh, phục vụ đắc lực việc chi viện các chiến trường.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, lực lượng vũ trang ta vừa đánh vừa xây dựng, trưởng thành. Các thứ quân, các quân chủng, binh chủng đều có bước phát triển nhảy vọt cả về số lượng và chất lượng. Nhiều tiểu đoàn, trung đoàn bộ binh, nhiều đơn vị binh chủng kỹ thuật được tổ chức, huấn luyện đề bổ sung cho các chiến trường miền Nam.

Trước những thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên cả hai miền Nam Bắc, ngày 31-3-1968, chính phủ Mỹ buộc phải tuyên bố ném bom hạn chế từ vĩ tuyến 20 trở vào; từ ngày 1-11-1968 phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc.

Trong bốn năm chiến đấu chống không quân và hải quân Mỹ, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 3.243 máy bay Mỹ gồm 47 kiểu khác nhau (có sáu B.52 và hai F.111), tiêu diệt và bắt sống hàng nghìn giặc lái, 143 lần bắn chìm, bắn cháy tàu chiến, tàu biệt kích của Mỹ-ngụy. Riêng dân quân tự vệ bắn rơi 282 máy bay Mỹ.

60. Những trận đầu thắng Mỹ ở miền Nam là những trận nào?

Ngay sau khi đế quốc Mỹ đưa ồ ạt quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam Việt Nam, lực lượng vũ trang ta đã đánh thắng những trận đầu giòn giã ở Núi Thành và Vạn Tường.

Trận Núi Thành ngày 27-5-1965: Núi Thành là một ngọn núi cao gần 100 mét ở vùng An Tân, quận Tam Kỳ, (Quảng Nam). Quân Mỹ đổ bộ và chiếm đóng vùng này từ ngày 7-5-1965. Đêm 27-5, một đại đội địa phương của ta tập kích đánh giáp lá cà tiêu diệt gọn một đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ ở Núi Thành, diệt 139 tên.

Trận Vạn Tường ngày 18-8-1965: Sau khi đổ bộ vào miền Nam, ngày 18-8-1965, đế quốc Mỹ huy động 8.000

lính thủy đánh bộ có lực lượng lớn không quân và hải quân yểm trợ, mở cuộc hành quân « Ánh sao » càn quét thôn Vạn Tường thuộc xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, (Quảng Ngãi). Trung đoàn 1, bộ đội chủ lực Khu 5 đã anh dũng đánh chặn, phản kích địch, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 900 tên lính thủy đánh bộ Mỹ (có bốn đại đội bị tiêu diệt gọn), phá hủy 22 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 13 máy bay.

Trận Vạn Tường là một cuộc đọ sức lớn đầu tiên giữa quân đội ta và quân Mỹ ở miền Nam. Nó chứng tỏ quân và dân ta hoàn toàn có khả năng thắng Mỹ về quân sự trong chiến tranh cục bộ. Chiến thắng Vạn Tường mở đầu một cao trào diệt Mỹ ở miền Nam.

Tiếp theo trận Vạn Tường, lực lượng vũ trang ta cùng với nhân dân phát triển thế chiến lược tiến công, liên tiếp tiêu diệt quân xâm lược Mỹ trên các chiến trường. Nổi bật là trận Plây Me (Gia Lai) từ ngày 10 đến 18-11-1965 giết và làm bị thương 3.000 địch (có 1.700 tên Mỹ thuộc sư đoàn kỵ binh bay số 1), bắn rơi 19 máy bay, phá hủy 56 xe tăng và xe bọc thép; trận Bầu Bàng (Thủ Dầu Một) ngày 12-11-1965 tập kích tiêu diệt hai tiểu đoàn bộ binh Mỹ, phá hủy 39 xe tăng và xe bọc thép.

61. Quân và dân ta đã đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất của đế quốc Mỹ như thế nào ?

Sau khi đưa vào miền Nam hơn 20 vạn quân Mỹ và chư hầu, từ tháng 1 đến tháng 3-1966, đế quốc Mỹ mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất hòng giành lại thế chủ động, chuyển bại thành thắng trên chiến trường miền Nam. Chúng huy động 20 vạn quân Mỹ, ngụy và chư hầu, 2.200 máy bay, 1.400 xe tăng và xe bọc thép, 1.200 khẩu pháo, thực hiện kế hoạch « năm mũi tên »

đánh vào vùng giải phóng của ta ở Củ Chi (Gia Định), đông bắc Sài Gòn, nam Phú Yên, nam Quảng Ngãi và bắc Bình Định. Nhưng ở đâu chúng cũng thất bại trước sức chiến đấu mạnh mẽ của quân và dân ta.

Tại Củ Chi (Gia Định) từ ngày 8-1 đến ngày 5-2-1966, quân và dân ta dựa vào xã, ấp chiến đấu anh dũng chống địch càn quét, loại khỏi vòng chiến đấu 2.600 tên (có 2.400 tên Mỹ và chư hầu), bắn rơi 90 máy bay, phá hủy 80 xe quân sự. Ngay trên chiến hào diệt Mỹ, quân và dân Củ Chi đã tổng kết, nêu lên 10 bài học đánh Mỹ nổi tiếng¹.

Tại vùng đông bắc Sài Gòn, lực lượng vũ trang ta tiêu diệt gọn một tiểu đoàn Mỹ trong trận Bầu Bàng lần thứ hai ngày 5-3-1966, phản kích tiêu diệt một chiến đoàn Mỹ tại Nhà Dỏ - Bông Trang (Tây Ninh). Tiếp đó từ ngày 8 đến ngày 23-3-1966, quân và dân ta lại bẻ gãy cuộc càn quét lớn của địch vào chiến khu Đ (Biên Hòa), giết và làm bị thương hơn 1.700 tên Mỹ, bắn rơi sáu máy bay.

Tại Phú Yên, từ ngày 19-1 đến ngày 10-2-1966, quân và dân ta đánh lui nhiều cuộc càn quét của địch ở Tuy Hòa, giết và làm bị thương 2.500 tên, bắn rơi 12 máy bay.

1. Mười bài học đánh Mỹ của Củ Chi là:

- Ai cũng đánh được Mỹ.
- Vũ khí gì cũng đánh được Mỹ.
- Nhiều cũng đánh, ít cũng đánh, một người cũng đánh được Mỹ.
- Ở đâu cũng đánh được Mỹ.
- Ngày cũng đánh, đêm cũng đánh được Mỹ.
- Địch phản công là cơ hội tốt để tiêu diệt chúng.
- Đánh cả ở trước mặt, đánh cả ở sau lưng địch.
- Đánh cả ở trong xã và ngoài xã, trong ấp và ngoài ấp.
- Đánh thắng được tất cả các loại binh chủng của Mỹ: bộ binh, xe tăng, máy bay.
- Đánh bằng vũ trang, đánh bằng chính trị, đánh bằng binh vận.

Tại Quảng Ngãi, từ ngày 21-2 đến ngày 25-3-1966, quân và dân ta đánh nhiều trận thắng lớn ở Sơn Tịnh, loại khỏi vòng chiến đấu 3.500 tên (có 2.600 Mỹ), bắn rơi 39 máy bay.

Tại bắc Bình Định, từ ngày 27-1 đến ngày 27-3-1966, quân và dân ta chặn đánh mũi phản công mạnh nhất của địch đánh vào vùng Bồng Sơn, loại khỏi vòng chiến đấu 8.100 tên (có hơn 5.000 tên Mỹ và chư hầu), bắn rơi và phá hủy 300 máy bay, phá hủy 80 xe quân sự, tiêu hao nặng sư đoàn kỵ binh bay số 1 của địch.

Trong khi đó, các lực lượng tinh nhuệ của ta tiến công đều khắp vào hàng loạt sân bay, hậu cứ của địch, diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của chúng. Nổi bật là các trận tập kích vào các sân bay Nước Mặn ngày 24-1-1966, Phú Lợi ngày 30-1-1966, Chu Lai ngày 23-3-1966, Tân Sơn Nhất ngày 12-4-1966, tập kích căn cứ An Khê ngày 19-2-1966, căn cứ Long Bình ngày 28-10-1966, đánh các khách sạn Mê-tơ-rô-pôn ngày 4-12-1965, Vích-to-ri-a ngày 1-4-1966 tại Sài Gòn.

62. Việc mở mặt trận Trị — Thiên (hè thu 1966) đã có ý nghĩa và tác dụng như thế nào?

Từ giữa năm 1966, đề thu hút một phần lực lượng địch, giảm bớt gánh nặng cho các chiến trường phía nam, đồng thời ngăn chặn đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh bằng lực lượng ra miền Bắc, ta mở một mặt trận mới ở Trị — Thiên (đường số 9).

Bộ đội chủ lực ta phối hợp với các lực lượng địa phương và nhân dân Trị — Thiên, mở một loạt cuộc tiến công vào quân Mỹ trên chiến trường này, tiêu diệt chúng trên đường số 9, tại Gio Linh, Cam Lộ, Khe Sanh, Cồn Tiên, Dốc Miếu, Đông Hà... Ngày 2-6-1967, lực lượng vũ trang ta đánh một trận hiệp đồng bộ binh và pháo binh

tương đối lớn tại Gio An, tiêu diệt gọn hai tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ gồm hơn 1.300 tên, phá hủy 16 xe tăng.

Lực lượng pháo binh hùng mạnh của ta nổ súng trừng trị bọn xâm lược Mỹ và tay sai trên phòng tuyến bắc Quảng Trị. Nổi bật là các trận tập kích hỏa lực vào đêm cao 241 ngày 6-3-1967, Cồn Tiên ngày 20-3-1967, Đốc Miếu ngày 27-4-1967, Đông Hà ngày 28-4-1967.

Việc mở mặt trận Trị — Thiên là một chủ trương chiến lược đúng đắn, táo bạo, đã buộc đế quốc Mỹ phải phân tán, dàn mỏng lực lượng, đưa nhiều đơn vị tính nhuệ ra vùng giới tuyến, tạo điều kiện cho các chiến trường phía Nam diệt địch, giành thắng lợi.

63. Quân và dân ta đã đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của đế quốc Mỹ như thế nào ?

Cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất bị thất bại, đế quốc Mỹ lại liều lĩnh mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai từ tháng 10-1966 đến tháng 4-1967. Lần này, chúng huy động trên 44 vạn quân, 4.300 máy bay, 3.300 xe tăng và xe bọc thép, 2.300 khẩu pháo, 230 tàu chiến, dùng kế hoạch hai gọng kìm: «tìm diệt và bình định» nhằm vào miền đông Nam Bộ, trọng điểm là Tây Ninh, và đồng bằng sông Cửu Long. Chúng liên tiếp mở các cuộc hành quân lớn mang tên: Át-ton-Bo-rơ, Xi-da-phôn và Gian-xơn Xi-ti.

Quân và dân tỉnh Tây Ninh bẻ gãy cuộc hành quân Át-ton-bo-rơ của địch, từ ngày 28-10 đến ngày 25-11-1966 loại khỏi vòng chiến đấu hơn 3.200 tên, bắn rơi và phá hỏng 52 máy bay, phá hủy 55 xe quân sự. Lữ đoàn bộ binh 196 của Mỹ bị tê liệt sức chiến đấu.

Quân và dân vùng Bến Súc — Củ Chi dập tan cuộc hành quân Xi-da-phôn của địch, từ ngày 2 đến ngày

29-1-1967 loại khỏi vòng chiến đấu hơn 3.200 địch, bắn rơi 28 máy bay, phá hủy 204 xe quân sự.

Cuộc hành quân Gian-xon Xi-ti là cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ, với 45.000 quân gồm sáu lữ đoàn bộ binh, bốn trung đoàn thiết giáp, 11 tiểu đoàn pháo binh, cùng một số đơn vị quân ngự. Chúng nhằm đánh phá, chia cắt căn cứ kháng chiến của ta, tiêu diệt cơ quan đầu não và một bộ phận chủ lực ta. Ta đã phát huy sức mạnh chiến đấu của tất cả các lực lượng vũ trang địa phương, các cơ quan, đơn vị hậu cần và nhân dân vùng căn cứ, tiêu hao, tiêu diệt, ngăn chặn, bao vây địch, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ lực đánh những trận lớn ở Đồng Pan, Đồng Rùm, Bầu Ba Vưng, Bầu Bàn... loại khỏi vòng chiến đấu 11.000 địch, phá hủy 900 xe quân sự, hơn 100 khẩu pháo hạng nặng, bắn rơi 143 máy bay.

64. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân đã diễn ra như thế nào?

Giữa lúc cuộc chiến tranh của Mỹ leo thang đến đỉnh cao nhất, *Hội nghị lần thứ 14 của Trung ương Đảng* tháng 12-1967, chủ trương mở cuộc *Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân*, nhằm giáng một đòn quyết liệt vào ý chí xâm lược của giặc Mỹ. Phương hướng chiến lược là mở một mặt trận mới ở thành thị bằng cuộc Tổng tiến công của các lực lượng vũ trang kết hợp với phát động quần chúng ở khắp các thành thị khởi nghĩa giành chính quyền.

Công tác chuẩn bị được tiến hành rất chu đáo, công phu và hoàn toàn bí mật. Một khối lượng lớn vũ khí, đạn dược được đưa vào ém sẵn tại các chiến trường. Ngày 19-3-1967, binh chủng đặc công chính thức thành lập. Từ những tồ, đội độc lập ra đời trong kháng chiến chống Pháp, bộ đội đặc công đã lớn mạnh vượt bậc, trở thành

một binh chủng đặc biệt tinh nhuệ có cách đánh rất độc đáo, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm của quân đội ta.

Ngày 30 và 31-1-1968, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã nổ ra đồng loạt ở 64 thành phố, thị xã và nhiều vùng nông thôn sát các thành thị, đánh trúng vào sào huyệt, cơ quan đầu não quan trọng, tiến công hàng loạt căn cứ quân sự, 45 sân bay, nhiều kho tàng, bến cảng, hệ thống giao thông của địch.

Ở Sài Gòn, lực lượng vũ trang ta tiến công hàng loạt mục tiêu quan trọng: đại sứ quán Mỹ, dinh tổng thống ngụy, bộ tổng tham mưu ngụy, tổng nha cảnh sát, sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tư lệnh biệt khu thủ đô...

Ở Huế, lực lượng vũ trang ta nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu quan trọng, sau 48 giờ đã làm chủ thành phố và giữ vững suốt 26 ngày đêm.

Ở đường số 9, sau khi tiêu diệt chi khu quân sự Hương Hóa ngày 21-1-1968, bộ binh và xe tăng ta hiệp đồng chiến đấu tiêu diệt cụm cứ điểm Làng Vây ngày 7-2-1968, sau đó vây hãm địch suốt 150 ngày đêm ở Khe Sanh—Tà Cơn, buộc quân Mỹ từ ngày 26-6-1968 phải rút bỏ căn cứ Khe Sanh.

Ở nhiều vùng thành thị và nông thôn, quần chúng nổi dậy, đập tan chính quyền địch, thiết lập chính quyền cách mạng.

Tiếp theo cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, quân và dân ta còn mở tiếp các đợt tiến công và nổi dậy vào tháng 5 và tháng 8-1968, liên tục đánh vào hàng chục thành phố, thị xã, hàng trăm sở chỉ huy, sân bay, căn cứ hậu cần địch.

Trong chiến cuộc mùa xuân 1968, quân và dân ta đã giết, làm bị thương và bắt sống hơn 20 vạn tên địch (có 70.000 Mỹ và chư hầu), làm tan rã 21 vạn quân ngụy, bắn rơi và phá hủy 3.400 máy bay, diệt 5.000 xe quân sự.

400 khẩu pháo, 330 tàu, xuống chiến đấu, giải phóng hơn 1.000 thôn ấp với 160 vạn dân.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1968 giáng đòn sấm sét vào Mỹ-ngụy, làm đảo lộn thể chiến lược của địch, buộc chúng phải từ bỏ kế hoạch « tìm diệt và bình định », thực hành chiến lược phòng ngự bị động « quét và giữ ». Chiến tranh cục bộ bị phá sản, ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ bị lung lay, chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào đàm phán với ta tại Hội nghị Pa-ri.

« Thắng lợi đầu xuân của quân và dân miền Nam đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đến một tình thế mới rất có lợi. Không có gì cứu vãn nổi sự sụp đổ hoàn toàn của giặc Mỹ và tay sai »¹.

IV. LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CÙNG VỚI TOÀN DÂN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC « VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH » CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969 – 1972)

65. Đảng ta đã có những chủ trương gì để đánh bại chiến lược « Việt Nam hóa chiến tranh » của đế quốc Mỹ ?

Chiến tranh cục bộ bị phá sản, đế quốc Mỹ phải chuyển sang thi hành chiến lược « Việt Nam hóa chiến tranh ». Thực chất của chiến lược đó là kéo dài và mở rộng chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt bằng bom đạn và đô-la của Mỹ. Những biện pháp cơ bản của chúng là : tăng cường quân ngụy để thay thế dần quân Mỹ ; ra sức bình định vùng nông thôn để giành dân ; ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc hòng cô lập, bóp nghẹt cuộc kháng chiến của ta ở miền Nam. Bình định được nâng lên vị trí trung tâm của chiến lược « Việt Nam hóa chiến tranh ».

1. Điện của Hồ Chủ tịch gửi đồng bào miền Nam, ngày 4-2-1968.

Thi hành chiến lược đó, đi đôi với việc xây dựng, tăng cường các tuyến phòng thủ, Mỹ-ngụy mở các cuộc hành quân giải tỏa, phản kích lại ta, đồng thời tập trung cố gắng lớn nhất để thực hiện các kế hoạch « bình định cấp tốc », « bình định đặc biệt ». Chúng cần di quét lại hết sức ác liệt, dai dẳng, triệt hạ xóm làng, xúc tát nhân dân về các trại tập trung. Chúng gây ra những tội ác vô cùng man rợ đối với nhân dân ta, điển hình là vụ thảm sát Sơn Mỹ (Quảng Ngãi), ngày 16-3-1968. Chúng tăng cường chiến tranh ở Lào và mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia tháng 4-1970.

Trước tình hình đó, Đảng ta đề ra nhiệm vụ: Phát huy thắng lợi đã đạt được, kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến, tiếp tục phát triển chiến lược tiến công một cách toàn diện, liên tục và mạnh mẽ, đẩy mạnh tiến công quân sự và tiến công chính trị, kết hợp với tiến công ngoại giao; vừa tiến công địch, vừa ra sức xây dựng lực lượng quân sự và chính trị của ta ngày càng lớn mạnh, đánh bại âm mưu « Việt Nam hóa chiến tranh » của đế quốc Mỹ, đánh bại âm mưu của chúng xuống thang từng bước nhưng kéo dài chiến tranh để tạo thế mạnh hùng duy trì chủ nghĩa thực dân mới của chúng ở miền Nam nước ta; làm thất bại chiến lược phòng ngự của địch, tạo nên một chuyển biến mới trong cục diện chiến tranh, giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi quyết định, đánh cho Mỹ phải rút hết quân, đánh cho ngụy phải suy sụp, tạo điều kiện cơ bản để thực hiện một miền Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà.

66. Lực lượng vũ trang đã cùng với nhân dân chống phá chính sách bình định của địch như thế nào?

Thực hiện âm mưu « Việt Nam hóa chiến tranh », đế quốc Mỹ sử dụng sức mạnh tối đa về quân sự, kết hợp với

những thủ đoạn chính trị rất xảo quyết hòng giành thế mạnh, cô lập và bóp nghẹt các lực lượng kháng chiến của ta.

Trước sự đánh phá ác liệt của địch, lực lượng vũ trang ta kiên trì bám trụ trên các địa bàn chiến lược, dựa vào nhân dân, giữ vững thế tiến công tiêu diệt địch trên khắp các chiến trường, phá kế hoạch bình định của chúng. Trong hai năm 1969—1970, quân và dân ta tiếp tục mở những đợt tiến công và nổi dậy tháng 5 và tháng 8-1969, tháng 3-1970 đánh vào hàng trăm căn cứ, sân bay, bến cảng, sở chỉ huy của địch ở nhiều thành phố, thị xã. Lực lượng vũ trang tiến công tiêu diệt những lực lượng tinh nhuệ của Mỹ-ngụy, nổi lên là các trận Cô-ca-va ngày 24-1-1969, A Bia, Đông Tranh tháng 5-1969, Cốc Bai ngày 6-10-1970 ở Trị—Thiên ; Ê-xê-pích ngày 23-3-1969, An Phước ngày 14-12-1969, Cấm Dơi ngày 5-1-1970, Sông Mao ngày 31-3-1970, Hiệp Đức tháng 4-1970, Trà Bồng ngày 8-9-1970 ở trung và nam Trung Bộ ; Play Cạn tháng 6-1969, Đắc Siêng tháng 4-1970 ở Tây Nguyên ; Đồng Dù ngày 28-2-1969, Dầu Tiếng tháng 3-1969, Lộc Ninh ngày 21-1-1970, Xa Mát tháng 8-1970 ở Nam Bộ...

Lực lượng pháo binh được phân thành những đơn vị chuyên trách, dựa vào dân, bám sát địch, liên tục đánh phá các căn cứ lớn của địch.

Các lực lượng vũ trang địa phương cùng với nhân dân kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, đánh tan nhiều cuộc hành quân càn quét của Mỹ – ngụy, làm thất bại các kế hoạch bình định của chúng.

67. Sau khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia, lực lượng vũ trang ta đã thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Cam-pu-chia như thế nào ?

Tháng 3-1970, đế quốc Mỹ giật dây cuộc đảo chính phản động ở Cam-pu-chia, sau đó đưa hàng vạn quân Mỹ và quân ngụy Sài Gòn sang xâm lược Cam-pu-chia.

Thực hiện Tuyên bố chung của Hội nghị cấp cao nhân dân các nước Đông Dương tháng 4-1970 và theo yêu cầu của Cam-pu-chia, lực lượng vũ trang ta đã làm nghĩa vụ quốc tế giúp đỡ cách mạng Cam-pu-chia, biến cuộc đảo chính của địch thành cuộc khởi nghĩa rộng lớn của nhân dân giành chính quyền ở nhiều nơi. Các đơn vị chủ lực, các đội vũ trang công tác của ta phối hợp chiến đấu với nhân dân Cam-pu-chia, bẻ gãy nhiều cuộc tiến công của Mỹ và bọn tay sai, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 10 vạn địch (một nửa là quân Mỹ và quân ngụy Sài Gòn), giải phóng hoàn toàn năm tỉnh và nhiều vùng rộng lớn của chín tỉnh khác, với bốn triệu rưỡi dân, góp phần xây dựng, phát triển lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang Cam-pu-chia.

Mùa xuân năm 1971, lực lượng vũ trang ta phối hợp chiến đấu với nhân dân Cam-pu-chia đánh bại cuộc hành quân "Toàn thắng 1-71" của quân ngụy Sài Gòn trên đường số 7, lập nên chiến công Xnun tháng 5-1971. Đêm Be tháng 12-1971 vang dội; mùa khô năm 1971 lại đập tan cuộc hành quân "Chen-la II" của quân ngụy Lon Non.

Quân đội ta đã nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, hết lòng hết sức giúp đỡ cách mạng Cam-pu-chia, hy sinh chiến đấu vì sự nghiệp độc lập dân tộc của nhân dân Cam-pu-chia, được nhân dân Cam-pu-chia tin cậy, yêu mến.

68. Lực lượng vũ trang ta đã phối hợp chiến đấu với Quân đội giải phóng nhân dân Lào giành thắng lợi trong chiến dịch Đường số 9 — Nam Lào như thế nào?

Trong năm 1970, bộ đội tình nguyện Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Quân đội giải phóng nhân dân Lào mở cuộc phản công lớn đánh tan cuộc hành quân "Cù Kiệt" của địch, thu hồi toàn bộ khu vực Cánh đồng Chum —

Xiêng Khoảng, giáng một đòn nặng vào « lực lượng đặc biệt » Vàng Pao và quân đánh thuê Thái Lan; tiếp đó lại tiến quân thẳng lợi vào các tỉnh Xa-ra-van và A-tô-pơ, mở rộng vùng giải phóng tới ba phần tư lãnh thổ Lào, nối liền với vùng giải phóng Cam-pu-chia và miền Nam Việt Nam thành một thế trận liên hoàn rất thuận lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương.

Đề cứu vãn chiến lược « Việt Nam hóa chiến tranh » khỏi tình thế thất bại, tháng 1-1971, đế quốc Mỹ huy động hơn 30.000 quân dự bị chiến lược ngụy Sài Gòn cùng với hơn 10.000 quân Mỹ, 500 xe tăng và xe bọc thép, 300 khẩu pháo, được sự yểm trợ rất mạnh của không quân Mỹ, mở cuộc hành quân lớn mang tên « Lam Sơn 719 » đánh đường số 9 — Nam Lào. Mục tiêu của chúng là cắt đứt đường vận chuyển chiến lược của ta, đồng thời chứng minh khả năng chiến đấu của quân ngụy và sự thành công của kế hoạch « Việt Nam hóa chiến tranh ».

Phán đoán đúng âm mưu địch, lực lượng chủ lực của ta gồm các đơn vị bộ binh, pháo binh, thiết giáp, đặc công phối hợp chặt chẽ với một bộ phận Quân đội giải phóng nhân dân Lào và nhân dân địa phương, dựa vào thế trận đã chuẩn bị sẵn, giáng đòn phủ đầu mãnh liệt, hình thành thế bao vây chiến dịch, chia cắt địch trên từng khu vực, tiêu diệt từng bộ phận, bẻ gãy từng cánh quân, chặn đường vận chuyển tiếp tế, cuối cùng nắm vững thời cơ, tập trung lực lượng đánh trận quyết chiến chiến dịch Bản Đông, tiêu diệt tập đoàn cứ điểm chủ yếu của địch, đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân « Lam Sơn 719 » của Mỹ-ngụy.

Sau hơn 50 ngày chiến đấu từ 8-2 đến 31-3-1971, lực lượng vũ trang ta đã cùng với quân và dân Lào anh em diệt và bắt sống trên 20.000 tên thuộc lực lượng dự bị chiến lược ngụy Sài Gòn, gồm bảy trung đoàn, lữ đoàn (có

bốn trung đoàn thiết giáp) 13 tiểu đoàn bộ binh và pháo binh, thu và phá hỏng hơn 500 xe tăng và xe bọc thép, hơn 100 khẩu pháo, bắn rơi và phá hủy 550 máy bay.

Thắng lợi oanh liệt của *chiến dịch Đường số 9 — Nam Lào* là một đòn nặng giáng vào âm mưu « Việt Nam hóa chiến tranh » của đế quốc Mỹ.

69. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã diễn ra như thế nào?

Trên cơ sở những thắng lợi đã giành được, Đảng ta quyết định mở cuộc *Tiến công chiến lược năm 1972*, nhằm tạo ra một bước chuyển biến căn bản làm thay đổi hẳn cục diện chiến tranh, đánh bại hoàn toàn chiến lược « Việt Nam hóa chiến tranh » của đế quốc Mỹ.

Cuộc tiến công được thực hiện trên ba hướng chiến lược: Trị — Thiên, Tây Nguyên và đông Nam Bộ. Trị — Thiên là hướng quan trọng nhất.

Ở *Trị — Thiên*, ngày 30-3-1972, lực lượng binh chủng hợp thành lớn mạnh của ta đồng loạt tiến công các căn cứ địch ở phía nam và bắc đường số 9 và dọc đường số 1, nhanh chóng đập tan hệ thống phòng ngự vòng ngoài của địch bao gồm 24 căn cứ lớn, giải phóng hai huyện Gio Linh, Cam Lộ.

Quân địch co cụm thành bốn cụm lớn ở Đông Hà, Ai Tử, La Vang, Quảng Trị, hình thành một tập đoàn phòng ngự gồm sáu trung đoàn bộ binh và bốn trung đoàn thiết giáp, được không quân và hải quân Mỹ yểm trợ đặc lực.

Sau 20 ngày đêm vây hãm quân địch, các binh đoàn chủ lực của ta hiệp đồng chặt chẽ với xe tăng và pháo binh, đột phá phía trước kết hợp với vu hồi chặn địch phía sau, trong năm ngày từ 27-4 đến 1-5-1972 đập tan hoàn toàn tập đoàn phòng ngự mạnh nhất của địch, loại khỏi vòng chiến đấu sư đoàn 3, đánh thiệt hại nặng sư

đoàn lính thủy đánh bộ nguy, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị. Phối hợp với đòn tiến công ở Quảng Trị, ta uy hiếp mạnh tuyến phòng thủ phía tây Huế, liên tiếp bao vây và tiến công địch ở Động Tranh, Bình Điền trên đường số 12, loại khỏi vòng chiến đấu bảy tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng năm tiểu đoàn thuộc sư đoàn 1 nguy.

Tiếp đó, lực lượng vũ trang ta liên tục chống lại những cuộc phản kích ác liệt của địch, giữ vững vùng giải phóng, giam chân và tiêu hao nặng ba sư đoàn địch, tạo điều kiện thuận lợi phát triển tiến công và nổi dậy trên khắp các chiến trường.

Ở *Tây Nguyên*, ngày 31-3-1972, bộ binh ta có pháo binh yểm trợ tiến công lữ đoàn dù 2, bắn phá căn cứ địch ở Võ Định, liên tục đánh địch trên đường số 14.

Ngày 24-4-1972, sau khi tiêu diệt một số vị trí ở tuyến ngoài, một binh đoàn chủ lực của ta bất ngờ thọc sâu đánh chiếm trung tâm phòng ngự của địch ở Đắc Tô — Tân Cảnh, tiêu diệt sư đoàn 22 nguy với toàn bộ cơ quan chỉ huy của nó. Phần lớn tỉnh Công Tum được giải phóng.

Tiếp đó ta vây hãm quân địch ở thị xã Công Tum, đánh địch trên đường số 14, làm thất bại nhiều cuộc phản kích của địch.

Ở *đông Nam Bộ*, ngày 1-4-1972, ta đánh địch trên đường số 22 ở Xa Mát, Thiện Ngôn, tiêu diệt một chiến đoàn và một trung đoàn thiết giáp nguy. Từ ngày 5 đến ngày 7-4-1972, một binh đoàn chủ lực của ta tiêu diệt căn cứ Lộc Ninh do một chiến đoàn tăng cường của địch đóng giữ. Đồng thời ta liên tục đánh địch trên đường số 13.

Chỉ trong tuần lễ đầu tiên, bộ đội ta đã tiêu diệt năm chiến đoàn và trung đoàn địch, đập tan tuyến phòng ngự biên giới của chúng, giải phóng hai huyện. Thừa thắng, bộ đội ta phát triển thế tiến công, bao vây địch ở thị xã Hớn Quản, cắt đứt đường số 13.

Tiếp đó, ta bao vây, uy hiếp thị xã An Lộc, đánh bại các cuộc hành quân giải tỏa đường số 13 của địch, đánh thiệt hại nặng các sư đoàn nguy số 5, 18, 21.

Phối hợp với đòn tiến công của các binh đoàn chủ lực trên các hướng chiến lược, tại đồng bằng trung Trung Bộ, các cuộc tiến công và nổi dậy nổ ra dồn dập làm rung chuyển hệ thống phòng ngự bên trong của địch, đặc biệt là ở Bình Định. Tại đây, lực lượng vũ trang ta tiến hành một loạt trận đánh: Hoài Ân ngày 9-4, Đệ Đức ngày 16-4, Dương Liễu ngày 26-4, Bồng Sơn ngày 29-4, diệt gọn một số trung đoàn, tiểu đoàn nguy, tạo điều kiện cho hàng chục vạn quần chúng nổi dậy bức hàng, bức rút hàng trăm đồn bốt, phá vỡ từng mảng chính quyền cơ sở của địch, giải phóng hoàn toàn các huyện Hoài Ân, Hoài Nhơn.

Tại đồng bằng sông Cửu Long, từ ngày 7-4-1972 lực lượng vũ trang ta tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng một loạt chi khu quân sự địch: Ngăn Dừa (Sóc Trăng), Quang Phòng (Cần Thơ), Thày Phó (Vĩnh Long), Tiểu Cần (Trà Vinh)... diệt nhiều tiểu đoàn địch.

Trong năm tháng đầu của cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, quân và dân ta đã giết làm bị thương và bắt sống 28 vạn tên địch, diệt và đánh thiệt hại nặng bảy sư đoàn, 33 lữ đoàn, trung đoàn, 205 tiểu đoàn bộ binh, 11 trung đoàn thiết giáp, 22 tiểu đoàn pháo binh, tiêu diệt và làm tan rã 60 tiểu đoàn, 450 đại đội và 1.500 trung đội bảo an, dân vệ, thu và phá hủy 2.000 xe tăng và xe bọc thép, 1.300 khẩu pháo, bắn rơi và phá hủy 1.850 máy bay, đánh chìm 330 tàu, xuống chiến đấu.

70. Quân và dân ta ở miền Bắc đã đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ như thế nào?

Bị bất ngờ về chiến lược, trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn của chiến lược «Việt Nam hóa chiến tranh», đế

quốc Mỹ điên cuồng leo thang chiến tranh trở lại, đưa lực lượng lớn không quân, hải quân vào tham chiến ở miền Nam và gây lại chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc.

Chúng sử dụng 200 máy bay ném bom chiến lược B.52, 1.400 máy bay chiến thuật hiện đại với những cải tiến mới nhất, sáu tàu sân bay và hơn 60 tàu chiến cùng với những vũ khí, bom đạn tối tân nhất (bom vô tuyến truyền hình, bom dẫn bằng tia la-de...) ném bom có tính chất hủy diệt nhiều thành phố, thị xã, cơ sở kinh tế của ta. Chúng thả hơn 20.000 quả mìn và thủy lôi dè phong tỏa các hải cảng và bờ biển nước ta.

Quân và dân ta ở miền Bắc đã chiến đấu rất dũng cảm, sáng tạo, lập nhiều chiến công mới, liên tiếp bắn rơi nhiều máy bay Mỹ, kể cả máy bay B.52 và F.111, bắn cháy nhiều tàu chiến Mỹ. Các lực lượng, các thứ quân đều đánh giỏi. Không quân có trận một biên đội của ta diệt gọn cả tốp bốn chiếc F.4 của địch ngày 27-6-1972. Dân quân huyện Thái Thụy (Thái Bình) trong một trận đánh đêm 23-7-1972 bắn rơi liền hai chiếc A.7; dân quân huyện Yên Lãng (Vĩnh Phú) bắn rơi tại chỗ máy bay F.111 ngày 17-10-1972; Pháo binh Thanh Hóa đêm 17-12-1972 bắn cháy ba tàu địch; đại đội pháo dân quân Quỳnh Lưu (Nghệ An) trận đầu ra quân bắn cháy một tàu khu trục Mỹ tháng 11-1972.

Chống lại âm mưu phong tỏa của địch, các lực lượng công binh, hải quân cùng với cán bộ, công nhân ngành giao thông vận tải đã dũng cảm, mưu trí, dùng nhiều biện pháp sáng tạo, kết hợp các phương tiện hiện đại và thô sơ dè rà, phá hàng trăm bãi mìn và thủy lôi, mở thêm luồng lạch dè duy trì mạch máu giao thông trên biển.

71. Quân và dân ta đã đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng không quân của đế quốc Mỹ như thế nào?

Bị thất bại nặng nề cả về quân sự và chính trị, tại cuộc đàm phán ở Pa-ri ngày 22-10-1972, giới cầm quyền Mỹ buộc phải thỏa thuận với ta về bản «Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam». Nhưng với bản chất hết sức ngoan cố, sảo quyệt, ngay sau đó chúng lại tráo trở, lật lọng, trì hoãn việc ký kết hiệp định, đồng thời ráo riết chuẩn bị một bước phiêu lưu quân sự mới.

Từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972, đế quốc Mỹ liều lĩnh mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 vào Hà Nội, Hải Phòng và nhiều nơi khác trên miền Bắc, âm mưu dùng hành động khủng bố dã man hòng làm lung lay quyết tâm chiến đấu của quân và dân ta, buộc ta phải khuất phục và chấp nhận những điều kiện của chúng trong cuộc đàm phán. Trong 12 ngày đêm, chúng đã huy động trên 650 lần chiếc B.52, 4.000 lần chiếc máy bay chiến thuật, ném tất cả 10 vạn tấn bom (riêng Hà Nội bốn vạn tấn) có sức nổ tương đương với năm quả bom nguyên tử Mỹ đã ném xuống Hi-rô-si-ma (Nhật Bản) năm 1945. Đây là một cuộc tập kích chiến lược bằng không quân quy mô lớn và tàn bạo chưa từng thấy trong lịch sử chiến tranh.

Trùng trùng bước leo thang chiến tranh điên cuồng của đế quốc Mỹ, các lực lượng vũ trang và nhân dân ta nêu cao khí phách anh hùng, đánh rất dũng cảm, tài giỏi, ngay trong đêm đầu tiên đã bắn rơi ba máy bay B.52 và bốn máy bay chiến thuật. Chiến công nối tiếp chiến công: đêm 20-12, ta bắn rơi bảy máy bay B.52; đêm 21-12, bằng 17 quả đạn tên lửa, ta bắn rơi ba máy bay B.52 trong vòng 20 phút; đêm 26-12 lại bắn rơi tám máy bay B.52. Đêm

27-12, lần đầu tiên không quân nhân dân bắn rơi tại chỗ một máy bay B.52 trên vùng trời Sơn La.

Trong 12 ngày đêm đọ sức quyết liệt với không quân Mỹ, quân và dân ta đã bắn rơi 81 máy bay, trong đó có 34 máy bay B.52, năm máy bay F.111, bắt sống nhiều giặc lái, làm nên trận « *Điện Biên Phủ trên không* » vô cùng oanh liệt.

Bộ đội tên lửa góp phần quyết định đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng không quân của đế quốc Mỹ, trong 12 ngày đêm bắn rơi 37 máy bay, trong đó có 32 máy bay B.52, là binh chủng đầu tiên được tuyên dương Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, ngày 11-1-1973.

Thua đau ở miền Nam và thất bại nặng trong trận tập kích chiến lược bằng không quân vào miền Bắc, bị cô lập về chính trị trên thế giới và trong nước Mỹ, ngày 27-1-1973, tập đoàn Ních-xơn buộc phải ký Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, chấm dứt sự dính líu quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Ngày 29-3-1973, bộ chỉ huy quân sự Mỹ và những đơn vị cuối cùng của đội quân viễn chinh Mỹ phải cuốn cờ rút khỏi nước ta.

V. LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CÙNG VỚI TOÀN DÂN ĐÁNH BẠI HOÀN TOÀN CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC THỰC DÂN MỚI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1973 — 1975)

72. Trước tình hình địch phá hoại Hiệp định Pa-ri, Đảng ta đã có những chủ trương gì đối với cách mạng miền Nam?

Buộc phải ký hiệp định Pa-ri nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, chia cắt lâu dài nước ta. Thực hiện đã

tam đó, chúng đưa thêm vào miền Nam hàng trăm máy bay, hàng vạn tấn vũ khí, trang bị, để lại hơn 24.000 nhân viên quân sự trá hình tiếp tục điều khiển quân đội Sài Gòn. Chúng giật dây và tiếp sức cho tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu phá hoại Hiệp định Pa-ri một cách có hệ thống, tiếp tục chiến tranh bằng kế hoạch «tràn ngập lãnh thổ» và các cuộc hành quân «bình định» lấn chiếm vùng giải phóng của ta.

Trước tình hình đó, *Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương Đảng* tháng 10-1973 đề ra nhiệm vụ và phương châm chiến lược cho cách mạng miền Nam: «Con đường cách mạng của miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên... thực lực cách mạng là yêu cầu vừa cấp thiết, vừa cơ bản trong giai đoạn mới». Phương châm là: «Kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự với ngoại giao».

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương Đảng đã vạch phương hướng đúng đắn cho cách mạng miền Nam, làm chuyển biến cục diện chiến trường có lợi cho ta, động viên sức mạnh cả nước hướng ra tiền tuyến.

73. Cháp hành chủ trương của Đảng, lực lượng vũ trang vừa chiến đấu vừa trưởng thành như thế nào?

Thấm nhuần chủ trương của Đảng, lực lượng vũ trang ta kiên quyết chiến đấu trừng trị quân địch phá hoại Hiệp định, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng, xây dựng thế chiến lược mới, đồng thời ra sức tăng cường lực lượng để sẵn sàng ứng phó với mọi tình thế.

Trên chiến trường miền Nam, các lực lượng vũ trang ta giáng trả đích đáng những hành động chiến tranh của Mỹ-ngụy, bẻ gãy nhiều cuộc hành quân lấn chiếm của

dịch, đồng thời đánh thẳng vào các căn cứ xuất phát đi gây tội ác của chúng. Từ chỗ tiến công, tiêu diệt các cứ điểm và cụm cứ điểm của địch, như Tống Lê Chân (Bình Long) ngày 12-4-1974, Đắc Pét (Công Tum) ngày 16-5-1974, Nông Sơn — Tuy Phước (Quảng Nam), ngày 18-4-1974, Giá Vụt (Quảng Ngãi) ngày 20-9-1974... lực lượng vũ trang ta tiến lên tiêu diệt hàng loạt chi khu quân sự và quận lỵ: Thượng Đức (Quảng Đà) ngày 7-8-1974, Minh Long (Quảng Ngãi) ngày 17-8-1974, Măng Đen (Chưông Nghĩa) ngày 3-10-1974... Bộ đội ta còn tập kích các sân bay, căn cứ hậu cần của địch, nổi bật là trận tiến công kho dầu Nhà Bè của tám chiến sĩ đặc công, đốt cháy gần 200 triệu lít xăng ngày 3-12-1973. Ngày 6-1-1975, lực lượng vũ trang ta sau khi tiêu diệt các căn cứ lớn của địch ở vòng ngoài, đã đánh thẳng vào tỉnh lỵ Phước Long, giải phóng thị xã và toàn bộ tỉnh Phước Long, tiêu diệt và bắt sống hơn 3.000 địch, thu toàn bộ vũ khí, bắn rơi bốn máy bay. Trước thất bại nặng nề của quân ngụy, đế quốc Mỹ điều động hạm đội 7 và một sư đoàn lính thủy đánh bộ đến gần bờ biển nước ta, nhưng không dám nhảy vào can thiệp.

Chiến thắng Phước Long đánh dấu một sự biến đổi quan trọng trong so sánh lực lượng giữa ta và địch, nêu bật thế suy yếu và những khó khăn to lớn của Mỹ — ngụy, thế và lực lớn mạnh hơn bao giờ hết của quân và dân ta.

Vừa chiến đấu, lực lượng vũ trang ta vừa ra sức xây dựng, phát triển về mọi mặt. Tháng 10-1973, các quân đoàn chủ lực được thành lập. Các binh chủng đều có sự phát triển về số lượng và chất lượng. Vũ khí, đạn dược, vật tư kỹ thuật được sử dụng tiết kiệm, bảo đảm dự trữ một khối lượng lớn cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta sau này.

Ngày 22-12-1974, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Quốc hội và

Chính phủ quyết định thưởng các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam Huân chương Sao Vàng, huân chương cao nhất của Nhà nước. Đây là phần thưởng cao quý, là niềm vinh dự và nguồn động viên to lớn đối với lực lượng vũ trang nhân dân ta.

74. Quyết tâm chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam đã được quyết định như thế nào?

Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp từ ngày 30-9 đến ngày 7-10-1974 đề duyệt kế hoạch tác chiến chiến lược năm 1975. Hội nghị nhận định: Dịch ngày càng suy yếu cả về quân sự, chính trị và kinh tế. Lực lượng ta đã mạnh hơn hẳn địch ở miền Nam. Đế quốc Mỹ ngày càng gặp nhiều khó khăn ở trong nước và trên thế giới, khả năng viện trợ cho chính quyền ngụy ngày càng giảm sút. Ta đã tạo được một thế liên hoàn, đã tăng cường được lực lượng và dự trữ vật chất, đã và đang hoàn thành được hệ thống đường chiến lược và đường chiến dịch. Phong trào đòi hòa bình, dân sinh, dân chủ, độc lập dân tộc ở các thành thị lên cao.

Hội nghị rút ra một kết luận quan trọng: « Mỹ đã rút khỏi miền Nam thì khó có khả năng trở lại miền Nam, và dù chúng có can thiệp thế nào chăng nữa cũng không thể cứu vãn được nguy cơ sụp đổ của chính quyền Sài Gòn ». Hội nghị thông qua phương án chọn chiến trường Tây Nguyên làm hướng chủ yếu trong cuộc tiến công năm 1975.

Tiếp đó, *Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng* từ ngày 8-12-1974 đến ngày 8-1-1975 quyết định kế hoạch chiến lược cơ bản hai năm 1975 — 1976, đồng thời dự kiến nếu thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Ngày 9-1-1975, *Hội nghị Thường trực Quân ủy Trung ương* đã quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị.

xác định khu vực và mục tiêu tiến công, nhiệm vụ chiến dịch, hướng phát triển. Hội nghị khẳng định tầm quan trọng của việc đánh chiếm Tây Nguyên, đặc biệt là Buôn Mê Thuột. Chiến dịch Tây Nguyên được mang tên « chiến dịch 275 ».

75. Chiến dịch Tây Nguyên đã diễn ra như thế nào ?

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 mở đầu bằng *chiến dịch Tây Nguyên*, với *trận then chốt Buôn Mê Thuột*.

Tây Nguyên là một khu vực có tầm quan trọng chiến lược đối với toàn bộ chiến trường miền Nam. Lực lượng địch ở đây gồm có sư đoàn 23, một bộ phận của sư đoàn 22, năm liên đoàn biệt động quân, hai trung đoàn thiết giáp bố trí thành bốn khu vực chủ yếu ở bốn tỉnh: Công Tum, Gia Lai, Phú Bồn, Đắc Lắc. Lực lượng tập trung mạnh nhất ở Play Cu.

Từ cuối tháng 2 sang đầu tháng 3-1975, ta thực hiện nghi binh chiến dịch, tiến công các vị trí địch trên các đường số 19, 14, cắt đứt đường số 21, đánh chiếm các quận lỵ Thuận Mãn ngày 8-3, Đức Lập ngày 9-3, buộc địch phải điều động thêm lực lượng tăng cường cho hệ thống phòng thủ Play Cu.

Ngày 10-3-1975, trong khi một đơn vị đặc công đánh sân bay Hòa Bình và sân bay thị xã, sư đoàn 316 cùng với một số đơn vị bộ binh, xe tăng, có pháo binh yểm trợ, từ nhiều hướng táo bạo, bất ngờ xông thẳng vào trung tâm phòng ngự của địch trong thị xã Buôn Mê Thuột, lần lượt chiếm các căn cứ thiết giáp, pháo binh, sở chỉ huy sư đoàn 23, và sau hơn một ngày chiến đấu, đã làm chủ hoàn toàn thị xã Buôn Mê Thuột.

Sau đó, bộ đội ta đã đập tan mọi kế hoạch phản kích của địch hòng chiếm lại Buôn Mê Thuột, tiêu diệt hai trung đoàn địch, đánh quy sư đoàn 23 nguy.

Bị đòn đánh trúng huyết, toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển, chúng hoảng loạn theo đường số 7 rút chạy khỏi Tây Nguyên. Năm vững thời cơ tiêu diệt địch, các lực lượng vũ trang ta nhanh chóng chuyển sang truy kích, bao vây, chia cắt, chặn đứng quân địch ở Cheo Reo, Phú Túc. Hầu như toàn bộ quân địch rút chạy từ Plây Cu, Công Tum đã bị tiêu diệt. Đồng thời, ta phát triển tiến công theo đường số 19 và đường số 21, giải phóng An Khê ngày 23-3, Khánh Dương ngày 22-3, thị xã Gia Nghĩa ngày 24-3.

Trên đà thắng lợi, lực lượng vũ trang phối hợp với nhân dân nổi dậy lần lượt giải phóng các tỉnh Bình Định ngày 1-4, Lâm Đồng ngày 2-4. Khánh Hòa với thành phố Nha Trang và quân cảng Cam Ranh ngày 3-4, Tuyên Đức với thành phố Đà Lạt ngày 4-4.

Trong chiến dịch Tây Nguyên, quân và dân ta đã tiêu diệt quân đoàn 2 nguy, một lữ đoàn dù, tám liên đoàn biệt động quân, 85 tiểu đoàn bảo an, loại khỏi vòng chiến đấu 12 vạn địch, bắt hàng vạn tù binh, bắn rơi và phá hủy 132 máy bay, thu 75 máy bay, 120 khẩu pháo và 1.500 xe quân sự, giải phóng hoàn toàn vùng chiến lược Tây Nguyên và ba tỉnh đồng bằng ven biển miền trung.

Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi oanh liệt đã mở màn một cách xuất sắc cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy lịch sử mùa xuân 1975.

76. Chiến dịch Huế — Đà Nẵng đã diễn ra như thế nào?

Trị Thiên — Huế và Quảng Nam — Đà Nẵng là những vùng đông dân ở miền Trung có vị trí rất quan trọng về chính trị và quân sự. Lực lượng địch ở Trị Thiên có một sư đoàn bộ binh, một lữ đoàn lính thủy đánh bộ, ba thiết đoàn xe tăng, một liên đoàn biệt động quân; ở Quảng

Nam — Đà Nẵng chúng có hai sư đoàn bộ binh, một sư đoàn lính thủy đánh bộ, hai thiết đoàn xe tăng, một sư đoàn không quân, một lữ đoàn biệt động quân. Chúng bố trí thành những tập đoàn phòng ngự mạnh, dựa vào nhau và che chở cho nhau.

Phối hợp chặt chẽ với chiến trường Tây Nguyên, ngày 19-3-1975, lực lượng vũ trang ta ở Trị Thiên chuyển sang tiến công, vượt sông Thạch Hãn giải phóng toàn bộ tỉnh Quảng Trị, sau đó nhanh chóng chọc thủng phòng tuyến thứ hai của địch trên bờ sông Mỹ Chánh, tiến dọc theo bờ biển bịt chặt cửa Thuận An, chặn đường rút lui của địch bằng tàu biển. Đồng thời một cánh quân của ta bỏ qua tuyến phòng ngự vòng ngoài của địch, tiến sâu xuống phía nam cắt đường số 1, thực hiện chia cắt giữa Huế và Đà Nẵng. Vòng vây của quân ta xung quanh Huế ngày càng khép chặt.

Ngày 25-3-1975, quân ta từ nhiều hướng tiến công vào thành phố Huế, hợp vây tiêu diệt địch tại cửa Thuận An. Ngày 26-3-1975, thành phố Huế và toàn bộ tỉnh Thừa Thiên được giải phóng. Ta tiêu diệt và làm tan rã một sư đoàn bộ binh, hai liên đoàn biệt động quân, hai thiết đoàn, một lữ đoàn lính thủy đánh bộ, bắt gần 10.000 tù binh.

Trong lúc trận tiến công Huế còn đang tiếp diễn thì ở phía nam Đà Nẵng, một sư đoàn chủ lực của ta sau khi tiêu diệt các quận lỵ Tiên Phước, Phước Lâm, đã táo bạo, mau lẹ đánh chiếm thị xã Tam Kỳ ngày 24-3 rồi phát triển tiến công về hướng Đà Nẵng. Một cánh quân khác đánh chiếm căn cứ Chu Lai ngày 25-3. Ở Quảng Ngãi, các lực lượng vũ trang và nhân dân phối hợp tiến công và nổi dậy giải phóng toàn bộ tỉnh Quảng Ngãi ngày 25-3. Đà Nẵng hoàn toàn bị cô lập.

Ngày 28-3-1975, các sư đoàn chủ lực của ta từ nhiều phía nhanh chóng vượt qua hệ thống phòng thủ vòng ngoài của địch xông thẳng vào Đà Nẵng, phối hợp với nhân

dân nổi dậy lần lượt đánh chiếm các căn cứ quan trọng của địch, đến chiều ngày 30-3-1975 làm chủ hoàn toàn thành phố Đà Nẵng, tiêu diệt và làm tan rã 10 vạn quân địch, đánh chiếm một trong hai căn cứ quân sự liên hợp mạnh nhất của địch ở miền Nam, xóa sổ quân khu 1 ngụy.

Tiếp theo chiến dịch Tây Nguyên, *chiến dịch Huế — Đà Nẵng* là đòn trí mạng giáng vào quân ngụy khiến chúng không còn khả năng gượng dậy được nữa.

77. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã diễn ra như thế nào?

Trước nguy cơ bị tiêu diệt, địch ra sức thu thập tàn quân, chấn chỉnh lực lượng gồm 10 sư đoàn bộ binh, lính dù, lính thủy đánh bộ, 12 trung đoàn thiết giáp, năm liên đoàn biệt động quân, 33 tiểu đoàn pháo binh cùng với lực lượng lớn không quân và hải quân đề cố thủ quân khu 3 và quân khu 4 của chúng mà trung tâm là Sài Gòn — Gia Định. Chúng thiết lập tuyến phòng thủ từ xa ở Phan Rang và tuyến phòng thủ chủ yếu bao quanh Sài Gòn gồm Xuân Lộc, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Củ Chi, Đồng Dù, Hậu Nghĩa, Tân An.

Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng ngày 24-3-1975 nhận định: « Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam ». Bộ Chính trị chủ trương: Tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa.

Tiếp đó, *Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng* ngày 31-3-1975 lại khẳng định: « Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu, nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và thực hiện thống nhất Tộc quốc ».

Bộ Chính trị quyết định: Năm vững thời cơ chiến lược với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, có quyết tâm lớn thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất.

Ngày 9-4-1975, lực lượng vũ trang ta mở cuộc tiến công vào tuyến phòng ngự của địch ở Xuân Lộc trên đường số 1. Cuộc chiến đấu ở đây diễn ra giằng co, quyết liệt. Đến ngày 21-4, ta làm chủ thị xã Xuân Lộc. Tại Ninh Thuận, từ ngày 14-4 các binh đoàn chủ lực của ta cùng với lực lượng vũ trang địa phương tiến oanh vào tập đoàn phòng ngự của địch ở Phan Rang. Sau hai ngày chiến đấu, ngày 16-4, ta làm chủ thị xã Phan Rang, tiêu diệt sở chỉ huy tiền phương của quân đoàn 3 ngụy. Thừa thắng, quân ta đánh địch trong hành tiến, giải phóng các tỉnh Bình Thuận ngày 19-4, Bình Tuy ngày 23-4.

Ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chuẩn y đề nghị của Bộ chỉ huy chiến dịch xin đặt tên chiến dịch giải phóng Sài Gòn là chiến dịch Hồ Chí Minh.

Ngày 26-4-1975, *chiến dịch Hồ Chí Minh* lịch sử tổng công kích vào Sài Gòn — Gia Định bắt đầu. Lực lượng của ta gồm năm quân đoàn chủ lực cùng với các đơn vị đặc công, thiết giáp, pháo binh, phòng không. Các cánh quân của ta đồng loạt tiến công, lần lượt đánh chiếm các căn cứ quan trọng của địch trên tuyến phòng thủ vòng ngoài: Trảng Bom, Long Thành, Nước Trong, Phú Lợi, Đồng Dù, Hậu Nghĩa... tiêu diệt và làm tan rã năm sư đoàn địch, giải phóng thị xã Bà Rịa và toàn bộ tỉnh Phước Tuy.

Thừa thắng, đại quân ta từ các hướng đột phá vào phòng tuyến bên trong của địch, lần lượt đánh chiếm Hồ Nai, Tam Hiệp, Long Bình, Biên Hòa, Nhơn Trạch, Thành Tuy Hạ... Một cánh quân của ta phát triển về phía nam chiếm cảng Vũng Tàu. Các đơn vị đặc công bí mật đánh chiếm từ trước các cầu quan trọng trên đường tiến về Sài Gòn: Cầu Bông, Cầu Sáng, Rạch Cát, Cầu Ghềnh,

cầu xa lộ... Ngày 28-4-1975, một phi đội của ta với năm chiếc A.37 lấy được của địch ném bom sân bay Tân Sơn Nhất.

Sáng 30-4-1975, các cánh quân của ta từ nhiều phía tiến vào Sài Gòn — sào huyệt cuối cùng của địch — đánh chiếm các mục tiêu trọng yếu: dinh tổng thống ngụy, bộ tổng tham mưu, biệt khu thủ đô, tổng nha cảnh sát, sân bay Tân Sơn Nhất. Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ chiến thắng của ta tung bay trên nóc dinh tổng thống ngụy. Chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng.

Trên đà chiến thắng, quân và dân ta ở các tỉnh đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long đồng loạt tiến công và nổi dậy, giải phóng các tỉnh còn lại, buộc toàn bộ lực lượng quân sự còn lại của địch phải đầu hàng.

Từ đầu tháng 4-1975, các lực lượng hải quân và bộ binh ta lần lượt giải phóng các đảo dọc bờ biển trung và nam Trung Bộ, tiến lên giải phóng Côn Sơn, Phú Quốc và các đảo trong quần đảo Trường Sa do quân ngụy chiếm giữ. Miền Nam nước ta hoàn toàn giải phóng.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giành được thắng lợi vĩ đại. Trong 55 ngày đêm chiến đấu, ta đã tiêu diệt và làm tan rã 1 triệu 10 vạn quân địch, gồm 13 sư đoàn bộ binh, lính nhảy dù, lính thủy đánh bộ, sáu sư đoàn không quân, 22 trung đoàn hải quân, toàn bộ lực lượng pháo binh, thiết giáp, cùng với lực lượng phòng vệ dân sự trên một triệu tên.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 là cuộc tiến công chiến lược quy mô lớn nhất và giành thắng lợi oanh liệt nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

78. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã giành được thắng lợi to lớn như thế nào?

Trải qua 21 năm chiến đấu, nhân dân ta đã đánh thắng một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới quy mô lớn nhất, dài ngày nhất, ác liệt nhất và dã man nhất từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Đế quốc Mỹ đã đưa vào nước ta một đội quân viễn chinh hơn 60 vạn tên gồm quân Mỹ và quân của năm nước chư hầu, làm nòng cốt cho hơn một triệu quân ngụy. Chúng động viên sáu triệu lượt binh sĩ Mỹ, huy động lúc cao nhất tới 68% lục quân, 60% lính thủy đánh bộ, 32% không quân chiến thuật, 50% không quân chiến lược, 40% hải quân của toàn nước Mỹ vào chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Lúc cao nhất tháng 4-1969 số quân Mỹ ở Việt Nam là 549.000 tên với 4.500 máy bay, 2.400 khẩu pháo, 800 tàu, xuống chiến đấu.

Đề đánh phá hai miền Nam Bắc nước ta lúc cao nhất năm 1969, Mỹ đã huy động 6.431 máy bay. Chúng đã thực hiện 1.869.526 phi xuất máy bay chiến thuật, 84.000 phi xuất B.52, 17.500.000 phi xuất máy bay lên thẳng, trút xuống đất nước ta 7.850.000 tấn bom, 75 triệu lít thuốc độc hóa học.

Nhân dân ta đã đánh bại bốn chiến lược của năm đời tổng thống Mỹ, giết và làm bị thương hơn 90 vạn quân Mỹ và chư hầu, tiêu diệt và làm tan rã hơn bốn triệu quân ngụy, thu và phá hủy hơn 47.000 máy bay (riêng miền Bắc bắn rơi 4.118 máy bay, trong đó có 68 B.52, 13 F.111), hơn 13.000 khẩu pháo, hơn 38.000 xe tăng, xe bọc thép, hơn 10.000 tàu, xuống chiến đấu (riêng miền Bắc bắn chìm, bắn cháy 271 tàu chiến Mỹ).

« Năm tháng sẽ trôi qua nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi

mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc»¹.

1. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.

**LỰC LƯỢNG VŨ TRANG THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ
TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
(1975 – 1979)**

79. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra những chủ trương gì về củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân?

Với thắng lợi hoàn toàn và triệt để của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới: giai đoạn cả nước làm nhiệm vụ chiến lược duy nhất là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng tháng 12-1976, đã tổng kết sâu sắc những bài học lớn của cách mạng Việt Nam, vạch ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới.

Về nhiệm vụ củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, Đại hội chỉ rõ: Trong giai đoạn mới của cách mạng, đề bảo vệ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển, biên giới và hải đảo của Tổ

quốc, phải tích cực xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Phải xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, có lực lượng thường trực mạnh, lực lượng hậu bị rộng rãi và được huấn luyện tốt, có quân đội nhân dân chính quy, hiện đại gồm các quân chủng, binh chủng cần thiết, có bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, có lực lượng dân quân tự vệ hùng hậu.

Về nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, Đại hội vạch rõ: Trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta, các lực lượng vũ trang, ngoài nghĩa vụ luôn luôn sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, còn phải tích cực làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Phải thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự đối với trai tráng và chế độ quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế.

80. Thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế, các lực lượng vũ trang ta đã đạt được những thành tích bước đầu như thế nào?

Chấp hành chủ trương của Đảng, ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc thắng lợi, các lực lượng vũ trang ta đã anh dũng tiến quân vào mặt trận xây dựng kinh tế và đạt được những thành tích bước đầu.

Đề góp phần khôi phục sản xuất, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, các lực lượng vũ trang ta trong hai năm 1975 — 1976 đã phá gỡ gần hai triệu quả bom, mìn, trên 10 triệu quả đạn, giải phóng hơn 50 nghìn héc-ta đất, hoàn thành về căn bản nhiệm vụ khắc phục bom mìn sau chiến tranh. Trong nhiệm vụ này, đã xuất hiện tấm gương cao đẹp của liệt sĩ Nguyễn Hữu Phùng ở Trị — Thiên đã hy sinh thân mình đề phá gỡ bom mìn, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.

Các đơn vị xây dựng kinh tế đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng trong lao động, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, thực hiện tốt những nhiệm vụ Nhà nước giao cho, như tham gia xây dựng tuyến đường sắt Thống Nhất, khai hoang, xây dựng các vùng kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng các công trình thủy lợi, khai thác và chế biến hải sản, làm đường, xây dựng cơ bản, sản xuất vật liệu xây dựng... Các lực lượng sẵn sàng chiến đấu cũng hăng hái lao động sản xuất, góp phần vào nhiệm vụ xây dựng kinh tế.

81. Lực lượng vũ trang đã cùng với nhân dân giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trên biên giới phía tây nam như thế nào?

Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam và nhân dân Cam-pu-chia giành được thắng lợi, bọn cầm quyền phản động Cam-pu-chia theo sự điều khiển của giới cầm quyền phản động Trung Quốc đã lập tức thi hành một chính sách thù địch có hệ thống chống lại nước ta. Ngày 3-5-1975, chúng cho quân đồ bộ lên đảo Phú Quốc. Ngày 8-5-1975, chúng xâm phạm lãnh thổ Việt Nam ở nhiều nơi từ Hà Tiên đến Tây Ninh; ngày 10-5-1975, chúng tiến công đánh chiếm đảo Thổ Chu. Tiếp đó chúng nhiều lần xua quân đi lấn chiếm lãnh thổ ta ở Gia Lai — Công Tum và Đắc Lắc. Ngày 30-4-1977, chúng huy động nhiều sư đoàn mở cuộc tiến công trên toàn tuyến biên giới thuộc tỉnh An Giang, cướp phá, tàn sát đồng bào ta vô cùng dã man, mở rộng các cuộc xung đột vũ trang ở biên giới thành một cuộc chiến tranh xâm lược chống lại nước ta.

Bọn phản động Trung Quốc là kẻ chủ mưu trong cuộc chiến tranh này. Với tham vọng bành trướng, bá quyền, chúng đã thông qua bọn tay sai Pôn Pốt — Iêng Xa-ry

khống chế Cam-pu-chia về mọi mặt, âm mưu biến nước này thành một căn cứ quân sự, một bàn đạp để tiến đánh các nước khác ở Đông Dương và bành trướng xuống Đông-Nam châu Á. Chúng đã đổ vào Cam-pu-chia rất nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh, gồm cả pháo tầm xa, xe tăng, máy bay phản lực... cùng với hàng vạn cố vấn quân sự để huấn luyện và chỉ huy quân đội của bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ri, đưa lực lượng quân sự của bọn này từ bảy sư đoàn vào giữa năm 1975 phát triển lên 23 sư đoàn vào tháng 12-1978. Chúng khuyến khích bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry thi hành chính sách diệt chủng ở trong nước và gây chiến tranh với Việt Nam.

Trước hành động xâm lược của bọn phản động Cam-pu-chia, quân và dân ta kiên quyết chiến đấu để tự vệ, giáng cho chúng những đòn trừng trị đích đáng. Mặt khác, chính phủ ta đã đưa ra những đề nghị hợp tình, hợp lý nhằm chấm dứt xung đột, tiến tới giải quyết hòa bình vấn đề biên giới, nhưng bọn phản động Cam-pu-chia đã khăng khăng cự tuyệt.

Ngày 22-12-1978, bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry tập trung những sư đoàn tinh nhuệ nhất của chúng đánh vào khu vực Bến Sỏi thuộc tỉnh Tây Ninh, dự định đánh chiếm thị xã Tây Ninh, mở đường cho các bước phiêu lưu quân sự tiếp theo. Trước âm mưu điên cuồng của địch, ta đã hạ quyết tâm tập trung lực lượng giáng một đòn quyết định, tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng địch đang triển khai trên biên giới, khiến chúng không thể tiếp tục các hành động xâm lược được nữa.

Thực hiện ý định đó, ngày 23-12-1978, khi quân địch tiến công vào Bến Sỏi, lực lượng vũ trang ta đã đánh trả mạnh mẽ, trong một thời gian ngắn tiêu diệt bộ phận rất lớn quân chủ lực của địch trên biên giới Việt Nam — Cam-pu-chia, đập tan hoàn toàn cuộc tiến công lớn của

bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, quét sạch chúng ra khỏi bờ cõi.

Năm vững thời cơ lớn, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, với sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân ta, quân và dân Cam-pu-chia đã tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, đập tan chính quyền phản động của bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry từ trung ương đến cơ sở. Ngày 7-1-1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng.

Thắng lợi oanh liệt của quân và dân ta trên biên giới phía tây nam đập tắt một lò lửa chiến tranh rất nguy hiểm ở phía tây nam nước ta, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Thắng lợi đó đã tạo điều kiện cho nhân dân Cam-pu-chia tự cứu mình thoát khỏi vòng nô lệ và tai họa diệt chủng, đưa đất nước trở lại con đường cách mạng chân chính, góp phần khôi phục tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân Cam-pu-chia với nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào. Thắng lợi đó phá vỡ một căn cứ chiến lược quan trọng, đập tan một đội quân xung kích nguy hiểm của chủ nghĩa bành trướng Bắc Kinh.

82. Lực lượng vũ trang đã cùng với nhân dân giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trên biên giới phía bắc như thế nào?

Sau khi bị thất bại nặng nề trong hàng loạt âm mưu thâm độc hòng khuất phục Việt Nam, đặc biệt là sau thất bại rất nặng ở Cam-pu-chia, ngày 17-2-1979, bọn cầm quyền phản động Trung Quốc ngang nhiên phát động cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn chống nước ta. Mục tiêu của chúng là:

— Tiêu diệt một bộ phận lực lượng vũ trang của ta, phá hoại tiềm lực quốc phòng và kinh tế, chiếm đất đai của ta, kích động bạo loạn.

— Buộc chúng ta từ bỏ nhiệm vụ giúp đỡ cách mạng Cam-pu-chia, tạo điều kiện cho bọn Pôn-Pốt — Iêng Xa-ry khôi phục ách thống trị của chúng.

— Gây tin nhiệm với Mỹ và các nước đế quốc hòng tranh thủ viện trợ tìm kiếm liên minh với các nước đó để chống Liên Xô, Việt Nam, chống các trào lưu cách mạng trên thế giới.

Thực hiện ý đồ ấy, chúng huy động vào cuộc chiến tranh này tới 60 vạn quân, gồm nhiều quân đoàn, sư đoàn, chính quy, gần 600 xe tăng và xe bọc thép, hàng nghìn khẩu pháo, 700 máy bay các loại.

Sáng ngày 17-2-1979, chúng mở cuộc tiến công trên toàn tuyến biên giới phía bắc nước ta từ Quảng Ninh đến Lai Châu, trọng điểm là các hướng Cao Bằng, Lạng Sơn và Hoàng Liên Sơn. Với lực lượng tập trung rất lớn, kết hợp bộ binh, pháo binh với xe tăng, chúng tiến công ồ ạt hết đợt này đến đợt khác hòng nhanh chóng chiếm lấy các mục tiêu dự định. Tiến đến đâu bọn Trung Quốc xâm lược cũng gây ra những tội ác tày trời đối với nhân dân ta.

Dựa trên thế trận đã chuẩn bị sẵn, các lực lượng vũ trang tại chỗ của ta cùng với nhân dân đánh trả quyết liệt, chặn từng bước tiến của quân địch, gây cho chúng những tổn thất nặng nề, làm thất bại ý đồ chiến lược đánh nhanh, giải quyết nhanh của chúng. Ở nhiều nơi, bộ đội ta kết hợp phòng ngự ngoan cường với phản kích tích cực đánh bật địch về bên kia biên giới. Có đơn vị chủ lực của quân khu đã bẻ gãy hàng trăm đợt tiến công của hàng quân đoàn địch, tiêu diệt hàng nghìn tên, bắn cháy nhiều xe tăng. Có đơn vị bộ đội địa phương của tỉnh cùng với dân quân và nhân dân địa phương đánh bại hơn một trăm đợt tiến công của hai sư đoàn địch, giữ vững khu vực phòng thủ, tiêu diệt được nhiều địch. Có huyện đã động viên lực lượng quần và dân đánh địch liên

tục, tiêu diệt hàng nghìn tên. Có xã bị địch đánh tràn qua nhưng quân và dân vẫn bám trụ đánh địch, tiêu diệt hàng trăm tên. Nhiều cán bộ, chiến sĩ lập công suất sắc, một mình diệt 100, 150 địch. Nhiều đơn vị đạt hiệu suất chiến đấu cao với tỷ lệ thương vong ta một thì địch 50, 100 hay nhiều hơn nữa.

Sau 30 ngày đêm chiến đấu từ ngày 17-2 đến ngày 18-3-1979, quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 60.000 tên xâm lược, phá hủy 550 xe quân sự, trong đó có 280 xe tăng, xe bọc thép, phá hủy hàng trăm khẩu pháo, bắt sống 240 tù binh. Chúng ta đã đập tan cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn của bọn bành trướng Bắc Kinh, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tờ quốc.

Thắng lợi vĩ đại của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tờ quốc chứng minh sức mạnh giữ nước bách chiến bách thắng của quân và dân Việt Nam ta trong kỷ nguyên mới.

83. Sau thắng lợi của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tờ quốc nhiệm vụ hiện nay của lực lượng vũ trang như thế nào?

Hiện nay, lực lượng vũ trang nhân dân ta phải tiếp tục quán triệt và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ: chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tờ quốc, xây dựng kinh tế, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Nhiệm vụ hàng đầu là chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tờ quốc.

Đề hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang đó, quân đội ta phải tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối, nhiệm vụ chính trị và quân sự của Đảng, nắm vững mục tiêu chiến đấu của lực lượng vũ trang, ra sức xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại, tinh nhuệ, thiện chiến, không ngừng nâng cao sức mạnh chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu; phát triển khoa học quân sự và

nghệ thuật quân sự; làm chủ khoa học — kỹ thuật quân sự hiện đại; thực hiện quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ, nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật tự giác, nghiêm minh; xây dựng cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang thành con người mới xã hội chủ nghĩa; tăng cường đoàn kết nhất trí.

Trước mắt, quân đội ta phải ra sức thực hiện thắng lợi cuộc vận động “*Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu*” của các lực lượng vũ trang nhân dân do Ban Bí thư Trung ương Đảng phát động nhân dịp kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 — 22-12-1979) và kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 — 3-2-1980), nhằm những nội dung lớn sau đây:

— Rèn luyện, xây dựng, nâng cao sức mạnh chiến đấu luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi; lao động, sản xuất, công tác đạt năng suất cao và có hiệu quả kinh tế tốt.

— Phát huy truyền thống quân với dân là một ý chí; phát huy tác dụng nêu gương tốt của người quân nhân cách mạng và của toàn thể các lực lượng vũ trang nhân dân trên các mặt hoạt động của đời sống xã hội.

— Nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, làm tốt nghĩa vụ quốc tế được giao.

84. Trải qua quá trình xây dựng và chiến đấu, quân đội ta đã xây đắp được truyền thống vẻ vang như thế nào?

Trải qua 35 năm xây dựng và chiến đấu, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội ta không ngừng chiến thắng và trưởng thành, xây đắp nên truyền thống hết sức vẻ vang. Truyền thống đó kết tinh trong lời khen của Hồ Chủ tịch: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn

sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng».

Dại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng «tuyên dương cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng, suốt mấy chục năm ròng đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, từ gây lầm vông, súng kíp đã lớn lên thành những binh đoàn hùng mạnh, đánh thắng những kẻ thù hung ác, lập được những chiến công oanh liệt từ trận Điện Biên Phủ đến chiến dịch Hồ Chí Minh, làm rạng rỡ truyền thống của quân đội ta, cùng với toàn dân viết nên bản anh hùng ca kỳ diệu của chiến tranh cách mạng Việt Nam »¹.

✦ Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, lực lượng vũ trang ta đã có 1.016 đơn vị được tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó có 26 đơn vị được tuyên dương lần thứ hai, một đơn vị được tuyên dương lần thứ ba; đã có 819 cán bộ và chiến sĩ được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân².

Các quân chủng, binh chủng anh hùng của quân đội ta là: binh chủng đặc công; binh chủng thiết giáp; binh chủng pháo binh; binh chủng công binh; binh chủng thông tin liên lạc; bộ đội trưởng sơn; binh chủng pháo cao xạ; binh chủng tên lửa; không quân nhân dân; binh chủng ra-da; bộ đội vận tải.

Các sư đoàn anh hùng của quân đội ta là: sư đoàn 320 bộ binh, quân đoàn 1; sư đoàn 304 bộ binh, quân đoàn 2;

1. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.

2. Số liệu Đơn vị anh hùng và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tính đến ngày 30-10-1978.

sư đoàn 320 bộ binh, quân đoàn 3; sư đoàn 10 bộ binh quân đoàn 3; sư đoàn 9 bộ binh, quân đoàn 4; sư đoàn 7 bộ binh, quân đoàn 4; sư đoàn 2 bộ binh; sư đoàn 3 bộ binh; sư đoàn 312 bộ binh, quân đoàn 1; sư đoàn 308 bộ binh, quân đoàn 1; sư đoàn 324 bộ binh, quân đoàn 2; sư đoàn 325 bộ binh, quân đoàn 2; sư đoàn 316 bộ binh, quân đoàn 3; sư đoàn 5 bộ binh; sư đoàn 968 bộ binh. Sư đoàn 341 bộ binh, quân đoàn 4; sư đoàn 367 phòng không; sư đoàn 361 phòng không; sư đoàn 363 phòng không; sư đoàn 470 công binh; sư đoàn 471 ô-tô vận tải; sư đoàn 571 ô-tô vận tải.

Vô cùng phấn khởi, tự hào trước những thành tích đã đạt được, cán bộ, chiến sĩ ta quyết ra sức phát huy bản chất và truyền thống tốt đẹp, không ngừng nâng cao sức mạnh chiến đấu, sẵn sàng đánh thắng mọi kẻ thù, hoàn thành mọi nhiệm vụ «mãi mãi xứng đáng là đội quân đáng tin cậy trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, đồng thời là một đội quân xây dựng tài giỏi, một trường học lớn rèn luyện con người mới đối với các thế hệ thanh niên»¹

1. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nhà xuất bản</i>	
<i>Phần thứ nhất</i>	
Thời kỳ hình thành của các lực lượng vũ trang cách mạng (1930 — 1945)	5
<i>Phần thứ hai</i>	
Lực lượng vũ trang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 — 1954)	24
<i>Phần thứ ba</i>	
Lực lượng vũ trang trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 — 1975)	63
<i>Phần thứ tư</i>	
Lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (1975 — 1979)	116

**35 NĂM CHIẾN THẮNG
VÀ TRƯỞNG THÀNH CỦA
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
VIỆT NAM**

Chịu trách nhiệm bản thảo :

NGUYỄN TÍNH—VŨ HOÀI CHƯƠNG

Trình bày, sửa bản in :

NGUYỄN QUYÊN

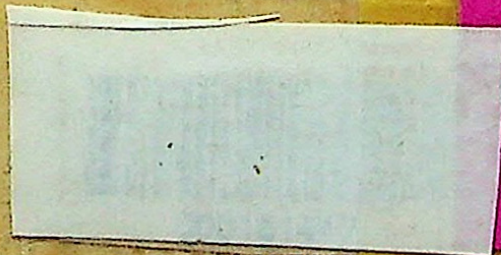
Bìa :

NGUYỄN NGHIÊM

Nhà xuất bản Quân đội nhân dân,
23, Lý Nam Đế — Hà Nội, DN : 55766



0000442838



Gid: 0,45d